DŨNG MẠNH ĐỂ YÊU THƯƠNG

12 Bài giảng của Mục Sư M.L King
do Lm André Trần Hữu Phương, OFM chuyển ngữ

Nguồn: www.nguoitinhuu.com

"*Tôi không lưu tâm đến những người không thích điều mà tôi nói về đạo đức. Tôi không để ý đến những người chỉ trích tôi trong mục xã luận. Tôi không quan tâm đến những gì người da trắng hay người da đen phê bình tôi. Tôi sẽ gắn bó với điều tốt đẹp nhất. Trong một số tình huống, người nhát gan hỏi: "Có an toàn không?". Người thủ đoạn hỏi: "Có sáng suốt không?". Người tự phụ hỏi: "Có được ái mộ hơn không?". Và đã đến lúc một môn đệ trung thành của Chúa Giêsu phải có quan điểm không phải vì an toàn, sáng suốt hay được ưu ái mà chỉ bởi vì điều đó đúng.*"

1. Lời Nói Đầu
2. Tinh Thần Kiên Vững Và Con Tim Dịu Hiền
3. Trở Thành Người Thân Cận Tốt Lành
4. Yêu Thương Bằng Hành Động
5. Yêu Kẻ Thù
6. Nửa Đêm Có Người Gõ Cửa
7. Kẻ Ngu Ngốc
8. Sự Dữ Phơi Thây Trên Bờ Biển
9. Ba Chiều Kích của Một Cuộc Đời Toàn Vẹn
10. Những Ước Mơ Không Thành Hiện Thực
11. Con Người Là Gì?
12. Điều Mà Thiên Chúa Có Thể Làm Được
13. Phương Thuốc Chữa Trị Sợ Hãi
14. Trả Lời Một Câu Hỏi Gây Nhiều Bối Rối
15. Thay Lời Kết

LỜI NÓI ĐẦU

"Chỉ có tình yêu Kitô giáo mới có thể đem lại tình huynh đệ đại đồng. Đấu tranh bất bạo động, đó là điều người ta sẽ chiếu theo đó mà xét xử chúng ta. Người dũng mạnh đích thực là người có thể đứng lên bảo vệ các quyền của mình mà không ăn miếng trả miếng"

Mục sư Martin Luther King nhận được Giải Nobel Hòa Bình năm 1964. Trong năm này, Tạp chí Time (Hoa Kỳ) đã bầu chọn ông là "Nhân Vật Tiêu Biểu Năm 1964" và Hiệp Hội Công Giáo cổ võ sự cộng tác giữa các chủng tộc cũng đã trao tặng ông "Giải John Kennedy 1964".

Ngày nay không ai là không biết đến các hoạt động của Martin Luther King. Hiến Pháp Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ đã công nhận sự bình đẳng của mọi công dân thuộc các chủng tộc khác nhau. Mục sư Martin Luther King đã

hoạt động một cách tích cực, có khi rầm rộ để sự bình đẳng này trở thành hiện thực trong thực tế đời sống. Nhưng điều làm cho Mục sư Martin Luther King được thế giới biết đến và ngưỡng mộ tiên vàn chính là tinh thần thúc đẩy ông hành động và phương pháp ông lựa chọn để đưa cuộc đấu tranh đến thành công.

Cách đây sáu năm, các người da trắng quá khích đã đặt bom phá hủy ngôi nhà của Mục sư Martin Luther King. Ông tuyên bố: "Chỉ có tình yêu Kitô giáo mới có thể đem lại tình huynh đệ đại đồng. Đấu tranh bất bạo động, đó là điều người ta sẽ chiếu theo đó mà xét xử chúng ta. Người dũng mạnh đích thực là người có thể đứng lên bảo vệ các quyền của mình mà không ăn miếng trả miếng".

Người ta nghĩ đến Gandhi... Và thật vậy, Martin Luther King là một môn đệ của Gandhi. Nhưng nhất là một môn đệ của Đức Kitô. Ông nói: "Tinh thần bất bạo động đến với tôi từ Sách Thánh và các lời giảng dạy của Đức Giêsu, còn cách thức hành động thì từ Gandhi".

Hành động của Martin Luther King được nuôi dưỡng bằng Tin Mừng. Các cuộc họp đều bắt đầu bằng việc đọc Sách Thánh, cầu nguyện và hát thánh ca. Khi bất công, thất bại làm cộng đồng người da đen mất kiên nhẫn và căng thẳng tột độ, ông đã cố gắng làm hạ cơn sốt: "Hãy là những người hiếu hòa. Chúng ta muốn yêu thương kẻ thù. Hãy tỏ ra là những người tốt đối với họ. Hãy yêu thương họ và cho họ thấy chúng ta yêu thương họ... Điều chúng ta đang làm là điều chính đáng và Thiên Chúa đứng về phía chúng ta".

Hưởng ứng lời kêu gọi của Mục sư Martin Luther King, người da đen đã đấu tranh bất bạo động. Hàng ngàn người bị bắt giữ, giam cầm và cuối cùng buộc người da trắng phải công nhận các quyền của họ. Và họ tiếp nhận các quyền này với lòng can đảm và bình thản, cho dù có bị hăm dọa, khiêu khích.

Nhưng một chiến thắng như vậy đòi hỏi nhiều thời gian, nhiều kiên nhẫn. Trong cộng đồng người da đen, tại Hoa Kỳ cũng như trên khắp thế giới, có nhiều người quá khích chủ trương sử dụng bạo lực và, như vậy, họ có thể lấn át Mục sư Martin Luther King và các bạn hữu của ông, nếu người da trắng kỳ thị chủng tộc tỏ ra quá ngoan cố.

Mọi Kitô hữu chân chính sẽ ước mong cho phong trào bắt nguồn từ tinh thần Kitô giáo này sẽ mau chóng gặt hái được thành công. Chính Mục sư Martin Luther King đã xác định mục đích của Phong trào này như sau: "Đấu tranh bất bạo động không chỉ nhằm giành lại các quyền của chúng tôi mà còn tranh thủ được tình bạn của những người đã từ chối nhìn nhận các quyền ấy và đổi mới chính họ nhờ tình bạn, sự hiểu biết và mối dây liên kết với nhau trong tinh thần Kitô giáo, trước mặt Thiên Chúa."

Cuốn sách này không mô tả các hoạt động của Mục sư Martin Luther King. Các bài suy niệm vừa sâu sắc vừa sát với các vấn đề thời sự cho chúng ta

nhận ra nguồn sinh lực thúc đẩy ông hành động -- một nguồn sinh lực phát sinh từ cuộc gặp gỡ giữa Tin Mừng và một Kitô hữu thế kỷ XX. Trong cuốn sách này, viễn ảnh cũng được mở rộng: nếu vấn đề kỳ thị chủng tộc thường được đề cập đến, thì các vấn đề mà chúng ta phải đối phó trong thời đại ngày nay cũng được đặt ra trước lương tâm của những Kitô hữu: chiến tranh và hòa bình, bom nguyên tử, các vấn đề của các quốc gia chậm phát triển, vai trò của khoa học kỹ thuật, chủ nghĩa vật chất, nền kinh tế xã hội,... Thật vậy, trong cuốn sách này, Mục sư Martin Luther King mời gọi chúng ta đặt ra cho chính mình một câu hỏi căn bản: niềm tin vào Đức Kitô và Sứ Điệp của Người có ý nghĩa gì đối với mỗi người chúng ta -- một ý nghĩa đích thực, cụ thể và trực tiếp liên quan đến cuộc sống?

Không ai sẽ ngạc nhiên khi thấy một linh mục Công giáo dịch các bài giảng thuyết của một Mục sư Tin Lành. Tình huynh đệ trong Đức Kitô còn sâu xa hơn các chia rẽ hiện có giữa các giáo hội. Ở mức độ này và theo cách nhìn của tác giả, chỉ còn lại sứ điệp mà một Kitô hữu muốn gửi đến các Kitô hữu khác và tất cả mọi người thiện chí.

Khi dịch cuốn sách này, tôi hy vọng rằng tôi đã không phản bội Mục sư Martin Luther King... Ông đã do dự rất lâu khi cho phép xuất bản các bài giảng thuyết được biên soạn để đọc lớn tiếng cho công chúng nghe. Hiểu được sự do dự của tác giả cũng là hiểu được sự lo lắng của người dịch các bài giảng thuyết này... Tiên vàn tôi muốn chuyển tới các độc giả sứ điệp của Mục sư Martin Luther King, vì đây là một sứ điệp phải được tất cả mọi người nghe -- cũng như chính Tin Mừng mà sứ điệp này là một tiếng vang vọng trung thành vậy (1)

(1) Lời nói đầu do Jean Bruls biên soạn trong "La Force d'aimer", Ed Casterman, Paris 1965, trang 9-11. Tóm tắt

TINH THẦN KIÊN VỮNG VÀ CON TIM DỊU HIỀN

"Vậy anh em phải khôn như rắn và đơn sơ như bồ câu" (Mt 10,16)

Khôn như rắn mà không đơn sơ như bồ câu là thiếu hăng say, hèn nhát và ích kỷ. Đơn sơ như bồ câu mà không khôn như rắn là bạc nhược, sống theo tình cảm và không có mục đích rõ ràng. Chúng ta phải kết hợp hai yếu tố trái ngược rõ nét nhất này nơi bản thân mình.

Một triết gia người Pháp nói: "Không một người nào được gọi là mạnh, nếu người ấy không có nơi mình những điều trái ngược rõ nét nhất". Người mạnh là người biết kết hợp các điều trái ngược một cách hài hòa và sống động. Rất ít khi con người đạt được một sự quân bình như thế. Người lý tưởng thì không thực tế; người thực tế thì thường không lý tưởng. Người hoạt động thì thường không được xem là thụ động; người thụ động thì thường không được xem là năng động. Rất ít người khiêm nhường lại biết đề cao mình và người biết đề cao mình thì thường ít khi khiêm nhường. Nhưng cuộc sống hoàn hảo lại là một tổng hợp sáng tạo, hài hòa và phong

phú giữa những điều trái ngược. Triết gia Hegel nói rằng chân lý không ở nơi tiền đề hay phản đề nhưng nơi một hợp đề phát sinh từ hai yếu tố nói trên đồng thời liên kết chúng lại với nhau.

Đức Giêsu đã nhìn nhận rằng cần thiết phải liên kết các điều trái ngược. Người biết rằng các môn đệ sẽ phải đối phó với một thế giới khó khăn và thù nghịch, với những nhà chính trị ngoan cố và những người quyết tâm bảo vệ trật tự cũ. Người cũng biết rằng các môn đệ sẽ gặp những con người lạnh lùng ngạo mạn mà lòng dạ đã nên chai đá vì đã trải qua một mùa đông dài là chủ nghĩa truyền thống. Người nói với họ: "Này Thầy sai anh em như chiên đi vào giữa bầy sói". Và Người cũng chỉ cho họ biết phải hành động như thế nào: "Anh em phải khôn như rắn và đơn sơ như bồ câu". Thật khó mà tưởng tượng nổi, nơi cùng một con người, lại phải có những điều trái ngược nhau đến thế: khôn như rắn, đơn sơ như bồ câu. Nhưng đây lại là điều Đức Giêsu chờ đợi nơi người môn đệ. Chúng ta phải biết kết hợp cái khôn của loài rắn và cái đơn sơ của bồ câu, một tinh thần kiên vững và một con tim dịu hiền.

I. Trước hết chúng ta phải tìm hiểu xem tại sao một tinh thần kiên vững là cần thiết. Tinh thần kiên vững thì suy nghĩ chín chắn, đánh giá đúng với thực tế và phê phán một cách quả quyết. Tinh thần kiên vững thì sắc bén, thấu suốt, có khả năng phá vỡ cái vỏ bọc bên ngoài là truyền thuyết và huyền thoại, phân biệt thật giả. Người có tinh thần kiên vững thì giỏi giang khéo léo, nhìn xa thấy rộng, mạnh mẽ và nghiêm khắc, nhất quán trong ý định, bền bỉ trong cố gắng dấn thân.

Ai lại có thể nghi ngờ rằng tinh thần kiên vững là một trong những điều lớn nhất mà con người phải có? Thật hiếm mà tìm được những người tự nguyện dấn thân vào một công việc suy tư đòi hỏi họ phải kiên vững. Hầu như mọi người chỉ đi tìm những câu trả lời dễ dàng, những giải pháp nửa vời. Đối với một số người, suy tư đích thực là một gánh nặng.

Khuynh hướng lười suy nghĩ đang lan rộng và được lộ ra khi con người tỏ ra cả tin một cách lạ lùng. Hãy xem thái độ chúng ta trong lãnh vực quảng cáo. Từ lâu các chuyên viên quảng cáo đã thấy rằng, tinh thần nhiều người dễ bị uốn nắn và họ đã khai thác điều này một cách tinh vi và có hiệu quả bằng các khẩu hiệu khác nhau. Tính cả tin này cũng được bộc lộ rõ ràng khi nhiều độc giả dễ dàng chấp nhận những điều được viết và in trong một cuốn sách như là chân lý thực sự. Ít người hiểu được rằng, ngay cả những phương tiện truyền thông chân chính, như báo chí, hội họp, giảng dạy, cũng không cho chúng ta có được một chân lý khách quan, vô tư. Ít người có khả năng suy nghĩ và lý luận chặt chẽ để phê phán và phân biệt thật giả, sự kiện có thật và điều giả tưởng. Tâm trí chúng ta luôn tràn ngập những chân lý nửa vời, những thành kiến, những sự kiện bị xuyên tạc. Một trong các nhu cầu cấp bách của nhân loại là phải thoát ra khỏi vũng lầy mà việc tuyên truyền giả dối đã tạo nên.

Người có tinh thần bạc nhược thì thường nặng đầu óc mê tín. Họ sợ đủ thứ: sợ ngày Thứ Sáu 13 đến con mèo đen ngồi vắt chéo hai chân trước. Trong một khách sạn sang trọng tại New York, lần đầu tiên tôi thấy ở đây không có tầng mười ba. Sau tầng mười hai là tầng mười bốn. Tôi hỏi người phục vụ thang máy tại sao không có tầng mười ba, và anh trả lời như sau: "Đây là thói quen trong các khách sạn sang trọng, vì có nhiều người sợ và không muốn ở tầng mười ba". Và anh nói thêm: "Sợ như vậy là dại, vì trong thực tế, tầng mười bốn là tầng mười ba". Những nỗi sợ hãi phi lý như thế làm người ta suy yếu về tinh thần, phải nhớn nhác ban ngày và bị ám ảnh ban đêm.

Người có tinh thần bạc nhược thì luôn sợ thay đổi. Họ cảm thấy an toàn trong tình trạng vốn có, và cái mới lạ luôn làm họ sợ hãi gần như một cách bệnh hoạn. Đối với họ, đau khổ lớn nhất là phải thay đổi cách suy nghĩ. Người ta kể lại rằng một người theo chủ nghĩa phân biệt chủng tộc miền Nam đã nói: "Giờ thì tôi thấy rằng xóa bỏ kỳ thị chủng tộc là điều không thể tránh được. Nhưng tôi cầu xin Thiên Chúa đừng để điều này xảy đến trước ngày tôi nhắm mắt lìa đời". Người có tinh thần bạc nhược luôn muốn kéo dài thời gian hiện tại và giam hãm sự sống trong các giới hạn "trước sao, sau vậy".

Tinh thần bạc nhược cũng thường luôn xâm nhập lãnh vực tôn giáo. Có khi người ta đã quyết liệt chống lại một chân lý mới. Có khi, bằng các chiếu chỉ và các sắc dụ, các tòa án dị giáo và các vạ tuyệt thông, Giáo Hội đã tìm cách ngăn cản chân lý, dựng lên một bức tường cản lối người đi tìm chân lý. Người có tinh thần bạc nhược thì xem việc nghiên cứu Sách Thánh theo phương pháp phê bình lịch sử và ngữ học như là tội phạm thượng, xem lý trí như là vận hành của một khả năng hư hỏng. Người có tinh thần bạc nhược thì sửa lại Tám mối phúc thật: "Phúc thay ai ngu dốt, vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa".

Tinh thần bạc nhược cũng thường dẫn người ta đến chỗ nghĩ rằng khoa học và tôn giáo chống đối nhau. Đây là điều hoàn toàn sai. Có thể có sự trái ngược giữa các tín hữu yếu kém về tinh thần và các nhà khoa học kiên vững về tinh thần, nhưng giữa khoa học và tôn giáo thì không thể có chống đối. Lãnh vực tôn giáo và lãnh vực khoa học thì khác nhau, phương pháp cũng khác nhau. Khoa học nghiên cứu, tôn giáo giải nghĩa; khoa học cho con người có được sức mạnh là sự hiểu biết, tôn giáo cho con người có được sự tự chủ, tức là sự khôn ngoan. Khoa học chủ yếu quan tâm đến sự kiện, tôn giáo chủ yếu quan tâm đến giá trị. Khoa học và tôn giáo không phải là hai đối thủ, nhưng bổ sung cho nhau. Khoa học không để cho tôn giáo rơi vào chủ nghĩa phi lý và mê tín dị đoan. Tôn giáo giữ cho khoa học không lún sâu vào chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa hư vô.

Chúng ta không phải nhìn đâu xa để thấy được các hiểm họa do tinh thần bạc nhược đem lại. Các nhà độc tài sử dụng nó để đẩy con người đến chỗ phạm những tội ác man rợ không thể tưởng tượng nổi trong một thế giới văn

minh. Adolf Hitler đã nhận thấy các người ủng hộ ông đều là những người có tinh thần bạc nhược: "Đối với đám đông, tôi khích động; đối với một số ít, tôi vận dụng lý trí". Trong cuốn Mein Kampf, Hitler tuyên bố: "Với những lời lẽ khôn khéo, được lặp đi lặp lại, tôi có thể làm cho người ta tin rằng thiên đàng là địa ngục và địa ngục là thiên đàng... Tôi càng nói dối, thì điều được nói lên lại càng dễ được chấp nhận".

Tinh thần bạc nhược là một trong những nguyên nhân căn bản tạo nên thành kiến về chủng tộc. Người có tinh thần kiên vững luôn xem xét sự kiện trước khi đưa ra kết luận; tóm lại, họ "hậu xét". Người có tinh thần bạc nhược đưa ra kết luận trước khi xem xét sự kiện đầu tiên; tóm lại, họ "tiền xét" và rơi vào thiên kiến. Thành kiến về chủng tộc dựa trên những nỗi sợ hãi không có cơ sở, những nghi kỵ và hiểu lầm. Có những người tinh thần bạc nhược đến nỗi dễ dàng tin vào tính trổi vượt của người da trắng và tính thấp kém của người da đen, mặc dầu các nghiên cứu của các nhà nhân chủng học đã chứng minh rõ ràng ý kiến trên đây hoàn toàn sai. Có những người tinh thần bạc nhược đến nỗi cho rằng phân biệt chủng tộc sẽ tồn tại vì các người da đen không thể đạt tới mức trung bình về học vấn, thể lực và tinh thần. Các người này không đủ sáng suốt để nhận thấy rằng mức độ thấp kém của người da đen đã được đặt định bởi những người phân biệt chủng tộc. Họ không biết đó là điều thật sai lầm về lý luận và cũng là điều không thể biện minh được khi dùng các hậu quả bi thảm do nạn kỳ thị chủng tộc gây nên để duy trì tệ đoan này. Nhiều nhà chính trị miền Nam biết quá rõ ràng rằng các cử tri là những người mắc chứng bệnh tinh thần bạc nhược. Các nhà chính trị này đã dã tâm đưa ra các lời tuyên bố dối trá, các chân lý nửa vời và tạo nên những nỗi sợ hãi bất thường, những ác cảm bệnh hoạn trong cộng đồng người da trắng không được giáo dục đến nơi đến chốn đến nỗi họ đã có những hành vi đê tiện và bạo lực mà một người bình thường không thể có.

Chúng ta không có gì nhiều để hy vọng bao lâu chúng ta không trở nên những người có tinh thần kiên vững để thắng được các thành kiến, các chân lý nửa vời và sự ngu dốt. Trong thế giới ngày nay, tinh thần bạc nhược là món đồ xa xỉ mà chúng ta không thể cho phép mình sử dụng. Một quốc gia hay một nền văn minh tiếp tục sản xuất ra những con người có tinh thần bạc nhược thì chỉ chuốc lấy cái chết mà thôi.

II. Nhưng chúng ta không chỉ giữ cho tinh thần kiên vững. Tin Mừng còn đòi hỏi chúng ta phải có con tim dịu hiền. Không có con tim dịu hiền, thì tinh thần kiên vững sẽ trở nên lạnh lùng, xa cách và cuộc sống sẽ là một mùa đông dài giá lạnh, không có mùa xuân dịu mát và mùa hè ấm áp. Còn gì bi thảm hơn khi một con người đã vươn tới đỉnh cao là tinh thần kiên vững lại rơi xuống vực thẳm là con tim chai đá. Người có con tim chai đá thì chẳng bao giờ yêu thương thực sự mà chỉ biết đi theo con đường thực dụng, đánh giá người khác theo mức độ họ có thể đem lại lợi ích cho bản thân mình. Người có con tim chai đá thì chẳng bao giờ cảm nhận được thế nào là vẻ đẹp, thế nào là tình bạn chân chính, vì con tim của họ quá lạnh lùng để có

thể yêu thương người khác, quá vị kỷ để có thể chia sẻ niềm vui nỗi buồn của người khác. Người có con tim chai đá là một hòn đảo mà không một mối dây yêu thương nào nối kết nó với lục địa là cộng đồng nhân loại. Người có con tim chai đá thì không biết cảm thương, xúc động trước nỗi bất hạnh của người anh em mình, mỗi ngày bắt gặp những con người cùng khổ nhưng lại không thực sự nhìn thấy họ. Người có con tim chai đá bỏ ra nhiều tiền của để làm công tác từ thiện nhưng lại không biết trao tặng tình thương.

Người có con tim chai đá không bao giờ xem con người như con người, nhưng như một đồ vật, một bánh xe trong một cỗ máy không ngừng vận hành. Trong công nghiệp, người khác là một cánh tay; trong cư dân đô thị, người khác là một ngón tay; trong guồng máy chiến tranh gây chết chóc, người khác là một quân số của một tiểu đoàn. Tóm lại, người có con tim chai đá làm con người mất hết nhân phẩm và cuộc sống mất hết phẩm chất.

Đức Giêsu thường chỉ cho chúng ta thấy các đặc điểm của con người có con tim chai đá. Người giàu có ngu ngốc bị kết án không phải vì tinh thần không kiên vững nhưng chủ yếu vì con tim không dịu hiền. Đối với ông, cuộc sống là một cái gương trong đó ông chiêm ngưỡng mình, thay vì là một cái cửa sổ cho phép ông nhìn thấy người khác. Người giàu có ngu ngốc chịu cực hình trong âm phủ không phải vì ông có nhiều của cải, nhưng vì ông không có con tim dịu hiền để nhìn thấy Lazarô và ông cũng đã không cố gắng vượt qua vực thẳm giữa ông và người anh em.

Đức Giêsu nhắc lại cho chúng ta biết rằng một cuộc sống tốt đẹp phải kết hợp hai yếu tố: khôn như rắn và đơn sơ như bồ câu. Khôn như rắn mà không đơn sơ như bồ câu là thiếu hăng say, hèn nhát và ích kỷ. Đơn sơ như bồ câu mà không khôn như rắn là bạc nhược, sống theo tình cảm và không có mục đích rõ ràng. Chúng ta phải kết hợp hai yếu tố trái ngược rõ nét nhất này nơi bản thân mình.

Là người da đen, chúng ta phải kết hợp tinh thần kiên vững và con tim dịu hiền nếu chúng ta muốn tiến bước trên con đường dẫn tới tự do và công lý. Trong chúng ta, những ngườiù có tinh thần bạc nhược thì nghĩ rằng cách thức tốt nhất để đối phó với áp bức chính là thích nghi với áp bức. Họ chấp nhận cam chịu áp bức. Khi dẫn đưa con cái Israel thoát khỏi ách nô lệ người Ai cập để được sống tự do trong Đất Hứa, ông Môsê đã nhận thấy rằng không phải lúc nào các người nô lệ cũng sẵn sàng đón nhận người giải thoát mình. Họ thà chấp nhận làm nô lệ hơn là lên đường để rồi phải chịu những nỗi bất hạnh khác, như Shakespeare đã nhận định. Họ ưa thích "các nồi thịt tại Ai Cập" hơn là các khó khăn của cuộc giải thoát. Hèn nhát là một đặc điểm của tinh thần bạc nhược. Hỡi các bạn, người da trắng tại miền Nam và tại nơi khác sẽ không bao giờ tôn trọng chúng ta, nếu chúng ta chấp nhận bán rẻ tương lai của con cái chúng ta để đổi lấy một chút thoải mái cho cuộc sống hiện tại. Hơn nữa chúng ta phải nhận biết rằng khi thụ động, chấp nhận hệ thống xã hội bất công tức là cộng tác với hệ thống đó và, như vậy, là đồng lõa với sự dữ rồi vậy.

Và trong chúng ta, cũng có những con tim chai đá muốn sử dụng vũ lực và hận thù để chống lại kẻ thù. Vũ lực chỉ đem lại những chiến thắng chóng qua, tạo nên nhiều vấn đề xã hội mới hơn là giải quyết vấn đề tận gốc rễ. Vì thế, bạo lực không đem lại bình an lâu dài. Nếu chúng ta sa chước cám dỗ tức là sử dụng vũ lực trong cuộc chiến giành tự do, thì tôi xác tín rằng các thế hệ tương lai sẽ trải qua một đêm dài u ám và đau buồn, vì chúng ta đã để lại cho họ một xã hội đảo điên, hỗn loạn. Có một lời luôn vang vọng trong dòng thời gian, từ đời này qua đời khác, đó là lời Đức Giêsu nói với mỗi một Simon Phêrô trong chúng ta đang bị khích động: "Hãy xỏ gươm vào bao". Trong lịch sử, có biết bao quốc gia bị tàn phá, tiêu diệt, chỉ vì đã không tuân lệnh Đức Giêsu truyền dạy.

III. Trong cuộc đấu tranh giành tự do, còn có một con đường thứ ba: đó là đấu tranh bất bạo động, vừa kết hợp tinh thần kiên vững và con tim dịu hiền, vừa tránh được tính bất động của tinh thần bạc nhược cũng như tính chua cay của con tim chai đá. Tôi xác tín rằng đây chính là đường hướng hành động chúng ta phải theo trong cơn khủng hoảng phân biệt chủng tộc hiện nay. Hành động bất bạo động, chúng ta có thể vừa chống lại hệ thống xã hội bất công, vừa yêu thương những con người tạo nên hệ thống này. Chúng ta phải đấu tranh quyết liệt để được hưởng các quyền công dân, nhưng chúng ta cũng đừng để bị đánh giá là hạng người sử dụng những phương thế đê tiện, dối trá, hận thù và bạo lực để đạt được mục tiêu mong muốn.

Tôi cũng không muốn kết thúc mà không áp dụng những gì tôi nói ở đây cho Thiên Chúa. Thiên Chúa chúng ta thờ là Đấng Cao Cả, vì Người là Đấng có tinh thần kiên vững và con tim dịu hiền. Người là Đấng vừa nghiêm khắc vừa hiền hậu. Sách Thánh luôn sẵn sàng đề cao phẩm tính này hay phẩm tính kia của Thiên Chúa. Người là Đấng có tinh thần kiên vững trong phán quyết công minh cũng như trong cơn thịnh nộ. Người là Đấng có con tim dịu hiền trong tình thương cũng như trong ân sủng. Hai cánh tay của Thiên Chúa luôn rộng mở: một cánh tay mạnh mẽ để dẫn dắt chúng ta thẳng bước trên con đường công chính; một cánh tay dịu hiền để đùm bọc chúng ta trong tình thương của Người. Một mặt, Thiên Chúa là Đấng Công Chính luôn trừng phạt Israel mỗi khi Dân tỏ ra cứng lòng; mặt khác, Thiên Chúa là Người Cha luôn tha thứ và cảm thấy lòng tràn ngập niềm vui khi thấy đứa con hoang đàng trở về.

Tôi vui mừng vì Thiên Chúa chúng ta thờ là Thiên Chúa có tinh thần kiên vững và con tim dịu hiền. Nếu Thiên Chúa chúng ta thờ chỉ là Đấng có tinh thần kiên vững, thì Người sẽ là một Thiên Chúa xa cách, lạnh lùng, ngự trị tại một nơi nào đó trên chốn trời cao để ngắm nhìn thế sự thăng trầm. Thiên Chúa sẽ là "động cơ không cần khởi động", biết mình nhưng không thương người. Nhưng nếu Thiên Chúa chúng ta thờ chỉ là Đấng có con tim dịu hiền, thì Người sẽ là một Thiên Chúa ủy mị nhu nhược, không thể hành động khi mọi sự đi lệch hướng, đồng thời kiểm soát công trình Người đã tạo dựng. Người sẽ chỉ là một Thiên Chúa dễ thương, muốn dựng nên một thế giới tốt

đẹp nhưng lại tỏ ra bất lực trước quyền uy của sự dữ. Nơi Thiên Chúa, con tim không chai đá, tinh thần không bạc nhược. Nơi Thiên Chúa, tinh thần đủ kiên vững để vượt trên thế giới; con tim đủ dịu hiền để ở trong thế giới. Người không để chúng ta phải "mồ côi cô độc" trong cuộc đấu tranh của chúng ta. Người tìm kiếm chúng ta trong cảnh tối tăm của cuộc đời, chịu đau khổ với chúng ta và tha thứ cho chúng ta trong thân phận bi đát của những đứa con hoang đàng.

Đôi khi chúng ta cần biết rằng Thiên Chúa là Đấng Công Chính. Khi các người khổng lồ là các bất công tỉnh giấc và xuất đầu lộ diện khắp mặt đất này, chúng ta cần biết rằng có một Thiên Chúa Toàn Năng Hùng Mạnh có thể tiêu diệt và làm chúng khô héo như cỏ ngoài đồng. Khi các nỗ lực bền bỉ nhất của chúng ta không thể chận đứng các đợt sóng là áp bức bạo tàn, chúng ta cần biết rằng, trong vũ trụ này, có một Thiên Chúa Mạnh Mẽ Vô Song, hoàn toàn tương phản với con người hữu hạn yếu hèn. Nhưng cũng có những thời điểm chúng ta cần biết rằng Thiên Chúa là Đấng Giàu Lòng Thương Xót, khi chúng ta mất hút trong giông tố bão bùng, trong sương mù giá lạnh, khi tội lỗi lôi cuốn chúng ta đến một miền xa lạ để tiêu diệt chúng ta và, ở đó, chúng ta cảm thấy lạc lõng bơ vơ, thì chúng ta cần biết rằng có Ai Đó đang yêu thương, đùm bọc chúng ta và ban cho chúng ta một cơ hội để quay trở về. Khi những ngày đen tối và những đêm khinh hoàng ập tới, chúng ta có thể vui mừng vì nơi Thiên Chúa, công lý và tình thương được kết hợp hài hòa và sáng tạo. Vì thế, Thiên Chúa có thể dẫn chúng ta từ những thung lũng tăm tối của cuộc đời đến những nẻo đường chan hòa ánh sáng, tràn đầy hy vọng và, nhờ vậy, cuộc đời chúng ta được hoàn tất (1).

TRỞ THÀNH NGƯỜI THÂN CẬN TỐT LÀNH

"Ai là người thân cận của tôi" (Lc 10,29)

Rất ít khi chúng ta nhìn con người như 'con người'. Chúng ta trở nên thiển cận đối với những gì xảy đến cho con người. Chúng ta nhìn con người như người Do Thái hay dân ngoại, Công giáo hay Tin Lành, người Tàu hay người Mỹ, người da đen hay người da trắng. Chúng ta không xem họ như những người anh em, những con người được tạo dựng bởi cùng một chất liệu và theo cùng một hình ảnh là hình ảnh Thiên Chúa

Tôi muốn nói với các bạn về một con người tốt lành mà đời sống sẽ luôn là ánh sáng chói lọi, có sức đánh động lương tâm của loài người chúng ta. Con người tốt lành này không thụ động tin tưởng vào các xác tín của mình, nhưng tích cực tham gia hoạt động để đem lại giải thoát và sự sống cho người khác. Con người tốt lành này không để cho những phân tích vô bổ dẫn mình tới mục đích, nhưng để cho tình thương thúc đẩy mình rảo bước trên các nẻo đường rộng lớn của cuộc sống. Con người ấy tốt lành vì là một người thân cận tốt lành.

Điều con người ấy quan tâm đã được diễn tả một cách tuyệt vời trong một câu chuyện ngắn. Câu chuyện bắt đầu bằng một cuộc tranh luận thần học về

sự sống đời đời và kết thúc bằng một hành động đầy tình thương trên một con đường nguy hiểm nhất. Một người thông luật hỏi Đức Giêsu: "Tôi phải làm gì để được sự sống đời đời làm gia nghiệp?". Người đáp: "Trong Luật đã viết gì? Ông đọc thế nào?". Sau khi suy nghĩ, người thông luật thưa: "Ngươi hãy yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi, hết lòng, hết linh hồn, hết sức lực và hết trí khôn ngươi, và yêu người thân cận như chính mình". Đức Giêsu bảo ông ta: "Ông trả lời đúng lắm, cứ làm như vậy là sẽ được sống".

Nhưng người thông luật tỏ ra bối rối. Dân chúng có thể thắc mắc: "Tại sao người thông luật đặt ra một câu hỏi mà ngay cả một người mới học luật cũng có thể trả lời được?" Và ông muốn chứng tỏ mình có lý, nên mới thưa cùng Đức Giêsu rằng: "Nhưng ai là người thân cận của tôi?". Người thông luật muốn biến cuộc đối thoại thành một cuộc tranh luận thần học trừu tượng. Nhưng Đức Giêsu không muốn để mình rơi vào một cuộc phân tích vô bổ, nên Người đã hướng câu trả lời vào một khúc quanh nguy hiểm trên con đường từ Giêrusalem xuống Giêricô.

Đức Giêsu kể lại câu chuyện "Một người kia từ Giêrusalem xuống Giêricô, dọc đường bị rơi vào tay kẻ cướp. Chúng lột sạch người ấy, đánh nhừ tử rồi bỏ đi, để mặc người ấy nửa sống nửa chết. Tình cờ, có thầy tư tế cũng đi xuống trên con đường ấy. Trông thấy người này, ông tránh qua một bên mà đi. Rồi cũng thế, một thầy Lêvi đi tới chỗ ấy, cũng thấy, cũng tránh qua một bên mà đi. Nhưng một người Samari kia đi đường, tới ngang chỗ người ấy, cũng thấy và chạnh lòng thương. Ông ta lại gần, lấy dầu, lấy rượu đổ lên vết thương cho người ấy và băng bó lại, rồi đặt người ấy trên lưng lừa của mình, đưa về quán trọ mà săn sóc" (Lc 10,29-31).

"Ai là người thân cận của tôi?" Đại khái Đức Giêsu trả lời rằng tôi không biết tên người ấy. Người thân cận là người mà bạn phải đối xử thế nào để chứng tỏ mình là người bạn tốt. Là người ở bên vệ đường đang cần các bạn giúp đỡ. Người thân cận cũng không phải là người Do Thái hay dân ngoại, người Mỹ hay người Nga, người da trắng hay người da đen. Người thân cận là 'người kia', hay bất cứ một người nào đang cần đến bạn trên một trong vô số con đường từ Giêrusalem xuống Giêricô. Như vậy, Đức Giêsu không định nghĩa người thân cận bằng một công thức thần học nhưng bằng một hoàn cảnh của cuộc sống.

Người Samari tốt lành ở điểm nào? Tại sao ông sẽ luôn là một gương mẫu và là một nguồn cảm hứng cho chúng ta trong cách xử thế? Tôi nghĩ rằng người Samari này là một con người tốt lành vì ông có lòng vị tha. Lòng vị tha là gì? Từ điển định nghĩa như sau: "Vị tha là có tinh thần chăm lo một cách vô tư đến lợi ích của người khác mà hy sinh lợi ích của cá nhân mình". Người Samari là con người tốt lành vì ông xem việc chăm lo một cách vô tư đến lợi ích của người khác như là điều luật thứ nhất của cuộc sống mình.

I. Người Samari đã có thể chăm lo một cách vô tư đến lợi ích của mọi người. Ông ta đã tỏ ra nhạy bén đến những gì ở bên kia các yếu tố phụ thuộc vào chủng tộc, tôn giáo, quốc gia. Một trong các thảm kịch của nhân loại trên các nẻo đường của lịch sử là giới hạn việc chăm lo đến lợi ích của người thân cận vào bộ lạc, giai cấp, quốc gia. Trong Cựu Ước, Thiên Chúa là một Thiên Chúa của một bộ lạc; nền luân lý cũng là nền luân lý của một bộ lạc. "Ngươi không được giết người" có nghĩa là "ngươi không được giết người anh em thuộc bộ lạc ngươi, nhưng người Philitinh thì cứ giết, vì lòng yêu mến Thiên Chúa ngươi". Nền dân chủ Hy lạp chỉ dành cho những người thuộc một tầng lớp quý tộc nào đó, chứ đâu có dành cho những người nô lệ là những người đã đổ công sức xây dựng các thành thị quốc gia. Bản Tuyên Ngôn Độc Lập của quốc gia chúng ta đã nhìn nhận các quyền dành cho mọi người thuộc quốc gia này. Thế nhưng, tại miền Bắc cũng như miền Nam, người ta lại có khuynh hướng thay thế cụm từ 'mọi người' bằng cụm từ 'một số người'. Chế độ tư bản bóc lột người lao động. Nhưng chúng ta lại gắn bó với chế độ này đến nỗi quan tâm đến lợi ích của người chủ hơn của người thợ mà mồ hôi và sức lao động đã góp phần bảo đảm cho chế độ này tồn tại và hưng thịnh.

Đâu là hậu quả tai hại của cách nhìn thiển cận tập trung vào một nhóm này? Điều này có nghĩa là người ta không còn thực sự quan tâm đến những gì xảy ra cho những người không thuộc nhóm mình. Nếu một người Mỹ chỉ quan tâm đến quốc gia mình, thì sẽ không còn quan tâm đến các dân tộc châu Á, châu Phi, châu Mỹ Latinh. Phải chăng chính vì thế mà các quốc gia dấn thân vào một cuộc chạy đua điên rồ để chuẩn bị chiến tranh mà không chút hối tiếc? Phải chăng chính vì thế mà giết một công dân nước này là một trọng tội trong khi giết các công dân thuộc một quốc gia khác lại được xem là một chiến công oanh liệt? Nếu các chủ doanh nghiệp chỉ quan tâm đến lợi ích của riêng mình, thì sẽ 'tránh qua một bên mà đi' trong khi hàng vạn công nhân mất việc và bị bỏ nửa sống nửa chết trên một con đường xuống Giêricô nào đó, chỉ vì tiến trình tự động hóa trong sản xuất. Nếu các công nhân đấu tranh để các của cải được phân phối một cách công bằng hơn, thì các người chủ lại xem đây là một phong trào phá hoại, không hơn không kém. Nếu người da trắng chỉ quan tâm đến sắc tộc mình, thì cũng sẽ 'tránh qua một bên mà đi' và sẽ không quan tâm đến người da đen mà phẩm giá đang bị chà đạp và bị bỏ nửa sống nửa chết bên một vệ đường nào đó.

Cách đây vài năm, xe buýt chở đội bóng rổ của một trường trung học bị tai nạn trên một xa lộ miền Nam. Trường trung học này là trường dành riêng cho người da đen. Có ba em học sinh bị thương nặng. Một xe cứu thương được gọi đến. Nhưng người tái xế dứt khoát từ chối chở các em đi cấp cứu vì, như anh nói, anh là người da trắng và không có thói quen làm những việc như vậy cho người da đen. Và anh bỏ đi. Một chiếc xe đi qua đó, chấp nhận chở các em bị thương đến bệnh viện gần nhất. Nhưng, tại đây, bác sĩ trực đã tuyên bố với giọng hằn học: "Bệnh viện này không nhận người da đen".

Cuối cùng, các em được chở đến một bệnh viện dành cho người da đen, tại một thị trấn cách nơi xảy ra tai nạn khoảng sáu mươi dặm. Một em đã chết trên đường đến bệnh viện, hai em kia cũng chết sau đó 30 phút và 50 phút. Có thể tất cả ba em đã được cứu sống, nếu được cấp cứu kịp thời. Đây chỉ là một trong vô vàn cảnh ngộ xảy ra hàng ngày tại miền Nam. Và điều này cũng đủ cho chúng ta thấy tính cách man rợ và các hậu quả tai hại của một nền luân lý đặt nền tảng trên bộ lạc, quốc gia hay chủng tộc.

Thảm họa chúng ta phải chịu do chủ trương kỳ thị chủng tộc gây nên, đó là chúng ta chỉ nhìn con người như một thực thể hay một đồ vật. Rất ít khi chúng ta nhìn con người như 'con người'. Chúng ta trở nên thiển cận đối với những gì xảy đến cho con người. Chúng ta nhìn con người như người Do Thái hay dân ngoại, Công giáo hay Tin Lành, người Tàu hay người Mỹ, người da đen hay người da trắng. Chúng ta không xem họ như những người anh em, những con người được tạo dựng bởi cùng một chất liệu và theo cùng một hình ảnh là hình ảnh Thiên Chúa. Thầy tư tế và thầy Lêvi chỉ nhìn thấy một con người bị đánh nhừ tử thay vì một con người giống như họ. Nhưng người Samari tốt lành sẽ nhắc chúng ta biết phải vứt bỏ cái vảy kỳ thị khỏi con mắt để biết nhìn con người như 'con người'. Nếu người Samari chỉ nhìn người bị đánh nhừ tử như một người Do Thái, thì ông sẽ không dừng lại, vì người Samari và người Do Thái không giao thiệp với nhau. Trước hết, ông nhìn người bị đánh nhừ tử như một con người, còn việc người này là người Do Thái thì chỉ là điều phụ thuộc. Người thân cận tốt lành biết nhìn bên kia các điều phụ thuộc bên ngoài để có thể nhận ra các đặc tính bên trong làm cho tất cả mọi người là 'con người', và, vì thế, là người anh em.

II. Người Samari tốt lành đã có thể chăm lo một cách vô tư đến lợi ích của người khác và chấp nhận các nguy hiểm có thể xảy đến cho mình. Ông liều mất mạng sống để cứu một người anh em. Nếu chúng ta hỏi tại sao thầy tư tế và thầy Lêvi đã không dừng lại để chăm sóc người bị đánh nhừ tử, thì chúng ta có thể đưa ra nhiều giả thuyết có thể giải thích sự kiện này. Có thể các thầy đã phải tham dự một buổi họp quan trọng, vì thế không thể dừng lại, sợ rằng sẽ đến trễ. Có thể các quy định phụng vụ cấm các thầy đụng đến thân thể người khác hai hoặc ba giờ trước khi cử hành các nghi thức trong đền thờ. Cũng có thể các thầy phải tham dự một cuộc họp được triệu tập bởi Hiệp Hội Bảo Vệ An Ninh trên đường xuống Giêricô. Trong trường hợp này, hẳn đây là một điều cần thiết. Thật vậy, giúp đỡ một người bị đánh nhừ tử thì chưa đủ, còn phải tạo điều kiện đảm bảo an ninh và xóa bỏ nạn cướp giật. Thương người là điều tốt, nhưng không vì thế mà bê trễ việc loại trừ các điều kiện kinh tế bất công làm cho thương người trở thành cần thiết. Có thể các thầy nghĩ rằng nên loại trừ bất công tận gốc hơn là dừng lại chăm sóc một người anh em, quan tâm đến một trường hợp cá biệt.

Đây chỉ là những lý do có thể làm cho thầy tư tế và thầy Lêvi bước qua một bên mà đi. Nhưng cũng còn có một lý do khác thường ít được nói tới: đó là

hai thầy sợ. Con đường từ Giêrusalem xuống Giêricô là một con đường nguy hiểm. Ngày hai vợ chồng chúng tôi viếng Thánh Địa, chúng tôi đã thuê một chiếc xe đi từ Giêrusalem xuống Giêricô. Trong khi xe chạy chầm chậm trên con đường ngoằn ngoèo khúc khuỷu, tôi đã nói với vợ tôi: "Bây giờ tôi mới hiểu tại sao Đức Giêsu đã chọn con đường này để đưa vào dụ ngôn người Samari tốt lành." Giêrusalem ở độ cao khoảng 600 mét so với mực nước biển, còn Giêricô thấp hơn mực nước biển khoảng 300 mét. Con đường này có nhiều khúc ngoặt gấp là nơi lý tưởng để trộm cướp ẩn nấp và bất ngờ tấn công khách bộ hành. Ngày xưa, con đường này được gọi là "Dốc Máu". Như vậy, rất có thể thầy tư tế và thầy Lêvi đã sợ bọn cướp tấn công, nếu các thầy dừng lại, vì chúng có thể còn quanh quẩn gần đó. Và người bị đánh nhừ tử cũng có thể là một 'con mồi' để chúng dễ dàng ra tay hành động mau chóng và không tốn sức. Tôi nghĩ rằng thầy tư tế và thầy Lêvi đã tự hỏi: "Điều gì sẽ xảy ra cho tôi, nếu tôi dừng lại và săn sóc người anh em bị đánh nhừ tử?". Trái lại, người Samari đã đảo ngược câu hỏi: "Điều gì sẽ xảy ra cho người anh em bị đánh nhừ tử, nếu tôi không dừng lại và chăm sóc người ấy?". Người Samari tốt lành đã dấn thân vào một hành động vị tha đầy nguy hiểm.

Chúng ta thường tự hỏi: "Điều gì sẽ xảy ra cho công ăn việc làm, thanh danh, địa vị của tôi, nếu tôi có một quyết định trong vấn đề này? Ngôi nhà của tôi sẽ bị bỏ bom? Mạng sống của tôi sẽ bị đe doạ? Tôi sẽ bị tống ngục?" Trái lại, con người tốt lành luôn đảo ngược câu hỏi. Albert Schweitzer đã không tự hỏi: "Điều gì sẽ xảy ra cho uy tín và an toàn của tôi trong tư cách là giáo sư thực thụ của một trường đại học danh tiếng, một bậc thầy đại phong cầm, một người chuyên môn về các tác phẩm của nhạc J. S. Bach, nếu tôi đến làm việc với các người châu Phi?" Trái lại, ông đã tự hỏi: "Điều gì sẽ xảy ra cho hàng triệu người bị tổn thương bởi bất công, nếu tôi không đến với hoï?". Abraham Lincoln đã không tự hỏi: "Điều gì sẽ xảy ra cho tôi nếu tôi ban hành Sắc Lệnh bãi bỏ và chấm dứt chế độ nô lệ?". Nhưng ông đã tự hỏi: "Điều gì sẽ xảy ra cho Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ và hàng triệu người da đen nếu tôi không làm điều này?". Một người da đen có nghề nghiệp ổn định, không tự hỏi: "Điều gì sẽ xảy ra cho công ăn việc làm, địa vị trung lưu trong xã hội và sự an toàn của cá nhân tôi, nếu tôi tham gia phong trào đấu tranh chống phân biệt chủng tộc", nhưng sẽ tự hỏi: "Điều gì sẽ xảy ra cho công lý, cho các tầng lớp người da đen không được hưởng các phúc lợi về mặt kinh tế, xã hội, nếu tôi không tích cực và can đảm tham gia phong trào này?".

Rốt cuộc, một con người không được đánh giá bởi cách thức hành động trong các hoàn cảnh dễ dàng, thuận lợi, nhưng bởi cách thức hành động trong những hoàn cảnh khó khăn, bất lợi. Người thân cận đích thực sẽ liều mất địa vị, uy tín và ngay cả mạng sống mình vì lợi ích của người khác. Trong các thung lung nguy hiểm và trên các nẻo đường phiêu lưu, người

thân cận tốt lành sẽ đưa người anh em bị đánh nhừ tử hướng tới một cuộc sống tốt đẹp hơn, thanh cao hơn.

III. Cuối cùng, người Samari đã có thể chăm lo đến lợi ích của người khác trên mức đòi hỏi. Tự tay ông băng bó vết thương và đặt người bị đánh nhừ tử trên lưng lừa của mình. Gọi xe cứu thương đến chở người bị tai nạn thì dễ dàng hơn tự mình băng bó vết thương và áo quần có thể bị vấy máu. Lòng vị tha đích thực vượt xa lòng thương hại. Có lòng thương hại thì chỉ có thể là quan tâm và sẵn sàng gửi một tấm ngân phiếu để giúp đỡ người khác. Nhưng có lòng vị tha đích thực thì quan tâm đến một con người cá biệt và đòi hỏi mình phải biết hy sinh vì người ấy. Lòng thương hại đối với con người có thể phát sinh từ quan niệm trừu tượng về nhân loại; còn lòng vị tha thì phát sinh từ một con người cá biệt, cụ thể, con người bị đánh nhừ tử và bị bỏ nửa sống nửa chết bên một vệ đường nào đó của cuộc sống và đang cần được giúp đỡ. Người có lòng vị tha thì biết cảm thương đối với người anh em đang phải thiếu thốn, lo âu, buồn phiền và đang mang gánh nặng. Các cố gắng truyền giáo của chúng ta thường thất bại vì được đặt trên nền tảng là lòng thương hại thay vì lòng cảm thương. Chúng ta thường chỉ tìm kiếm làm một việc gì đó cho các dân tộc châu Phi và châu Á thay vì làm một việc gì đó với họ. Có lòng thương hại mà thiếu lòng cảm thương thường dẫn đến thái độ gia trưởng mà một con người tự trọng không thể nào chấp nhận được. Các đồng đôla có thể cứu giúp các con cái Thiên Chúa đang bị bỏ nửa sống nửa chết trên các nẻo đường xuống Giêricô của cuộc sống. Nhưng nếu các đồng đôla này không được phân phát bởi những bàn tay thân ái, thì chúng ta sẽ chẳng làm giàu cho kẻ nhận cũng như người cho. Trong công cuộc truyền giáo, các thành viên thuộc các giáo hội đã gửi nhiều triệu đôla giúp đỡ các dân tộc châu Phi. Nhưng các thành viên này lại chấp nhận để cho một triệu người châu Phi phải chết trước khi ban cho người châu Phi đặc ân tham gia cử hành các nghi thức trong cộng đoàn của mình. Qua Phong Trào Kiến Tạo Hòa Bình, hàng triệu đôla đã được đầu tư vào châu Phi bởi một số người cương quyết chống lại việc các nhà ngoại giao châu Phi được quyền tham gia vào câu lạc bộ ngoại giao hay thuê nhà ở cạnh nhà mình. Phong Trào này sẽ thất bại nếu tìm cách làm một cái gì đó cho các dân tộc nghèo khổ, nhưng sẽ thành công nếu tìm cách làm một cái gì đó với các dân tộc này. Phong Trào sẽ thất bại, nếu chỉ nhằm chống lại chủ nghĩa cộng sản; nhưng sẽ thành công, nếu nỗ lực chống lại nghèo đói, dốt nát và bệnh tật. Tiền của không tình thương cũng giống như muối không vị mặn, chỉ đáng cho người ta chà đạp thôi. Muốn trở thành một người thân cận tốt lành, thì đích thân chúng ta phải dấn thân. Người Samari đã tự tay băng bó các vết thương thể xác của người bị rơi vào tay bọn cướp và cũng đã có đủ tình thương để xoa dịu các đau khổ tinh thần của con người bất hạnh này.

Một điều khác nói lên lòng vị tha trên mức đòi hỏi của người Samari tốt lành, đó là ông làm nhiều hơn bổn phận phải làm. Sau khi băng bó vết thương, ông đã đặt người bị đánh nhừ tử trên lưng lừa của mình, đưa về

quán trọ mà săn sóc, đưa tiền cho chủ quán và sẵn sàng đưa thêm, nếu thiếu: "Có tốn kém bao nhiêu, thì khi trở về, chính tôi sẽ hoàn lại bác". Ngay cả khi không làm như vậy, thì người Samari cũng đã làm hơn những gì bổn phận đòi hỏi đối với một người ngoại kiều bị đánh trọng thương. Ông đã đi xa hơn hai dặm (x. Mt 5,41). Tình thương của ông đích thực là một tình thương trọn vẹn.

Harry Emerson Fosdick đã phân biệt rõ ràng thế nào là một đòi hỏi có tính bó buộc và thế nào là một đòi hỏi không có tính bó buộc. Các đòi hỏi có tính bó buộc được quy định rõ ràng bởi luật pháp trong xã hội và bởi sự can thiệp mạnh mẽ của các bộ phận có chức năng bảo đảm việc thi hành luật pháp. Các điều khoản chi tiết đã được ghi lại trong các bộ luật và việc vi phạm các điều luật này đã dẫn đến chỗ các nhà tù không còn chỗ để giam giữ tội nhân. Nhưng các đòi hỏi không có tính cách bó buộc thì không lệ thuộc vào luật pháp trong xã hội. Các đòi hỏi này liên quan đến các thái độ của lòng người, các tương quan thật giữa người với người, các cách thức biểu lộ lòng cảm thương mà không bộ luật nào có thể quy định được và không một nhà tù nào có thể uốn nắn được. Các đòi hỏi này phát sinh từ việc con người vâng phục một lề luật được ghi trong lòng người. Lề luật do con người đặt ra thì bảo đảm sự công bằng, còn lề luật lớn hơn được ghi trong lòng người thì làm nảy sinh tình thương. Không một bộ luật nào có thể thuyết phục người cha yêu thương con mình hay người chồng tôn trọng vợ mình. Các tòa án có thể buộc người cha gia đình cung cấp bánh nuôi sống thân xác, nhưng không thể thuyết phục người cha cung cấp bánh tình thương. Một người cha gia đình tốt lành luôn theo các đòi hỏi không có tính bó buộc từ bên ngoài. Người Samari tốt lành là biểu trưng cho lương tâm nhân loại, vì ông đã tuân theo điều không có tính bó buộc từ bên ngoài. Không một lề luật nào trên thế giới này có thể làm nảy sinh lòng cảm thương trong sáng, tình thương đích thực, lòng vị tha trọn vẹn này.

Một cuộc chiến đang diễn ra tại quốc gia chúng ta. Một cuộc chiến chống lại con quái vật có tên gọi là phân biệt chủng tộc. Một cuộc chiến mà chúng ta phải giành được phần thắng. Con quái vật này đã tàn phá đất nước chúng ta hơn hai trăm năm qua, đã chà đạp phẩm giá hàng triệu người da đen và tước đoạt quyền của họ được sống tự do.

Chúng ta đừng bao giờ nghĩ rằng luật pháp chỉ đóng vai trò nhỏ trong việc giải quyết vấn đề phân biệt chủng tộc. Tính cách luân lý không thể quy định bằng các bộ luật, nhưng cách cư xử có thể được quy định bằng các bộ luật. Luật pháp không thể thay đổi con tim nhưng có thể ngăn ngừa những người không có con tim làm điều phi pháp. Luật pháp không thể làm người chủ yêu thương người thợ nhưng có thể ngăn ngừa người chủ từ chối thuê tôi làm việc chỉ vì màu da của tôi. Các tập quán của quần chúng, nếu không phải là con tim của họ, đã và đang được thay đổi mỗi ngày bởi các bộ luật của ngành lập pháp, các quyết định của ngành tư pháp và các quy định của ngành hành pháp. Chúng ta đừng bao giờ để mình bị lừa gạt bởi những

người chủ trương rằng luật pháp không thể ngăn chặn được nạn phân biệt chủng tộc.

Sau khi đã ghi nhận những điều trên đây, chúng ta phải công nhận rằng giải pháp chung cuộc cho vấn đề phân biệt chủng tộc ở nơi thiện chí của con người sẵn sàng thực thi các đòi hỏi không có tính bó buộc từ bên ngoài. Các quyết định của các tòa án và các bộ phận thi hành án có một giá trị to lớn đối với công cuộc hòa hợp chủng tộc. Tuy vậy, đây chỉ là bước đầu cần thiết nhưng chưa trọn vẹn trong tiến trình tiến tới mục tiêu cuối cùng mà chúng ta nhắm tới, đó là một thể thức sống hài hòa giữa các nhóm chủng tộc với nhau và giữa con người với con người. Hòa hợp chủng tộc sẽ dẹp bỏ các hàng rào luật pháp và đưa con người xích lại gần nhau hơn, nhưng phải có một cái gì đó đánh động con tim mỗi người để họ có thể sống hòa hợp với nhau, vì đây là điều hợp với lương tri và đạo lý. Áp dụng một cách triệt để các bộ luật dân sự sẽ chấm dứt nạn kỳ thị chủng tộc trong tổ chức chuyên chở công cộng, nhưng không thể chấm dứt các nỗi sợ hãi, các thành kiến, tính kiêu ngạo, sự điên rồ đang là những chướng ngại đối với sự hoà hợp chủng tộc đích thực. Cái thái độ mờ ám và ma quái này chỉ biến mất khi con người tuân theo lề luật được ghi trong lòng mình và làm mình xác tín rằng mọi người là anh em với nhau và yêu thương chính là sức mạnh biến đổi con người và xã hội. Hòa hợp chủng tộc đích thực sẽ được thực hiện bởi những con người thân cận đích thực, sẵn sàng tuân phục những đòi hỏi không có tính bó buộc.

Hơn bao giờ hết, ngày hôm nay các người thuộc các sắc tộc và quốc gia đang phải chung sống với nhau. Kêu gọi mọi người biết sống chung với nhau không phải là lời nói suông nhưng là lời mời gọi xây dựng một thể thức sống có sức biến đổi bài ta thán về thảm họa sắp xảy ra trên thế giới thành một bài thánh ca ca ngợi sự hoàn tất của tạo thành. Chúng ta không thể tự cho phép mình 'bước qua một bên mà đi'. Ngày xưa, hành động điên rồ như vậy nói lên sự yếu kém về nhận thức; ngày nay, hành động điên rồ như vậy sẽ đưa nhân loại đến chỗ tự sát. Chúng ta không thể tồn tại lâu dài, nếu chúng ta sống xa cách nhau trong một thế giới đang xích lại gần nhau về mặt địa lý. Xét cho cùng, tôi không thể không biết đến người bị đánh nhừ tử trên con đường xuống Giêricô, vì con người này cũng là một phần của chính tôi và tôi cũng là một phần của con người ấy. Đau khổ con người ấy phải chịu cũng làm cho tôi tổn thương và sự cứu độ con người ấy nhận được cũng làm tôi được thăng tiến.

Để giúp chúng ta có thể yêu thương người thân cận, ngoài gương sáng của người Samari tốt lành, chúng ta còn có đời sống đại lượng của Đức Giêsu hướng dẫn chúng ta. Đức Giêsu yêu thương tất cả mọi người vì Người xem mọi người là anh em với nhau, kể cả người thu thuế và người tội lỗi. Đức Giêsu yêu thương tất cả mọi người, sẵn sáng chấp nhận mọi nguy hiểm khi rảo bước trên mọi nẻo đường, vì chính nghĩa. Đức Giêsu yêu thương tất cả mọi người trên mức đòi hỏi: Người đã bằng lòng chịu chết trên cây thập giá

và lịch sử loài người không thể cho chúng ta một cách thức biểu lộ tuyệt vời nào hơn lòng tuân phục đối với các đòi hỏi không có tính bó buộc (1).

YÊU THƯƠNG BẰNG HÀNH ĐỘNG

"Bấy giờ Đức Giêsu cầu nguyện rằng: "Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết việc họ làm"(Lc 23,34)

Nếu chúng ta nhận mình là Kitô hữu, thì tốt nhất chúng ta phải tránh đừng để mình trở nên mù quáng về hiểu biết và đạo đức. Toàn bộ Tân Ước nhắc cho chúng ta biết rằng hiểu biết là điều cần thiết. Chúng ta phải yêu mến Thiên Chúa không chỉ hết lòng, hết linh hồn mà còn hết trí khôn nữa.

Tân Ước đã ghi lại lời cầu nguyện của Đức Giêsu trên thập giá: "Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết việc họ làm". Không một đoạn văn nào trong Tân Ước đã nói lên một cách rõ ràng và trang trọng nhất tâm hồn cao thượng của Đức Giêsu cho bằng đoạn văn này. Đây đích thực là đỉnh cao của tình yêu.

Chúng ta chỉ có thể hiểu được ý nghĩa sâu xa của lời cầu nguyện này một khi ghi nhận đoạn Tin Mừng bắt đầu bằng hai chữ "Bây giơø". Trong câu trước, chúng ta đọc: "Khi đến nơi gọi là 'Đồi Sọ', họ đóng đinh Người vào thập giá cùng hai tên gian phi, một tên bên phải một tên bên trái. Bấy giờ Đức Giêsu cầu nguyện rằng: 'Lạy Cha, xin tha cho họ '" (Lc 22,33-34). "Bây giờ" là lúc Đức Giêsu đang ở tận đáy vực thẳm của cơn hấp hối. "Bây giờ" là lúc Con Người bị hạ nhục và chà đạp không chút tiếc thương. "Bây giơø" là lúc Đức Giêsu phải chết nhục nhã trên thập giá. "Bây giờ" là lúc các thọ tạo là những con người tội lỗi đã dám đóng đinh Con Một Thiên Chúa trên thập giá. "Bây giờ" là lúc Đức Giêsu cầu nguyện rằng: "Lạy Cha, xin tha cho họ... ". Cái thời điểm "bây giờ" có thể đã khác đi. Đức Giêsu đã có thể cầu nguyện rằng: "Lạy Cha, xin ra tay báo oán" hoặc "Lạy Cha, xin trút cơn thịnh nộ xuống trên đầu quân phản loạn và tiêu diệt chúng ...". Nhưng Đức Giêsu đã không cầu nguyện như vậy. Mặc dầu phải chịu hấp hối lâu dài và đau đớn khôn xiết, bị khinh miệt và bị chối bỏ, nhưng Người cầu nguyện rằng: "Lạy Cha, xin tha cho họ..."

Từ đoạn Tin Mừng này, chúng ta rút ra được hai bài học căn bản sau đây.

I. Thứ nhất, Đức Giêsu đã nối kết một cách tuyệt vời lời nói và việc làm. Một trong các thảm kịch của cuộc sống là rất ít khi con người nối kết lý thuyết và thực hành, lời nói và việc làm. Trong chúng ta, nhiều người mắc chứng bệnh tâm thần phân lập mãn tính. Một mặt, chúng ta huênh hoang đưa ra một số nguyên tắc nào đó, vừa cao thượng vừa thanh cao; mặt khác, chúng ta hành động hoàn toàn trái với các nguyên tắc này. Rất nhiều khi chúng ta tỏ ra là những người thừa lời nhưng thiếu máu, nói nhiều nhưng làm ít. Chúng ta mạnh mẽ tuyên bố cần phải dấn thân sống theo các đạo lý Kitô giáo nhưng lại chạy theo các trò mê tín dị đoan của dân ngoại. Chúng ta gắn bó với nền dân chủ nhưng lại hành động trái với nguyên tắc dân chủ.

Chúng ta lớn tiếng cổ võ hòa bình nhưng lại kiên trì chuẩn bị chiến tranh. Chúng ta hùng hồn biện minh cho công lý nhưng lại cố tình đi theo con đường dẫn tới bất công. Sự phân lập kỳ lạ, cái hố sâu giữa "cái phải có" và "cái hiện có" nói lên tính cách bi thảm của cuộc đời lữ thứ trần gian.

Nhưng trong đời sống Đức Giêsu, chúng ta nhận thấy rằng cây cầu đã nối bờ bên này với bờ bên kia và, trong lịch sử nhân loại, sẽ không bao giờ có một điển hình nào sáng chói hơn về một con người đã nối kết lời nói và việc làm. Rảo khắp các làng mạc miền Galilê rạng rỡ ánh mặt trời, Đức Giêsu đã khẩn thiết kêu gọi mọi người phải biết tha thứ và điều này đã gây thắc mắc cho ông Phêrô. Ông đến gần Đức Giêsu mà hỏi rằng: "Thưa Thầy, nếu anh em cứ xúc phạm đến con, thì con phải tha thứ đến mấy lần? Có phải bảy lần không?". Ông Phêrô muốn trung thành với lề luật và tính số lần như luật dạy. Nhưng Đức Giêsu trả lời: "Thầy không bảo là đến bảy lần, nhưng là bảy mươi lần bảy" (Mt 18,21). Nói cách khác, tha thứ không phải là vấn đề số lượng mà là vấn đề chất lượng. Một người có thể tha thứ 490 lần nhưng lại không để cho tha thứ thâm nhập vào lòng mình. Tha thứ không phải là một hành vi vào một thời khắc nhất định nhưng là một thái độ thường xuyên.

Đức Giêsu cũng dạy các môn đệ phải yêu thương kẻ thù và cầu nguyện cho những người ngược đãi họ. Đối với nhiều người, lời dạy này cũng xa lạ như một ca khúc đến từ một phương trời xa xăm. Người ta đã dạy họ phải yêu bạn ghét thù và xử sự theo luật báo oán là luật từ lâu đã chi phối lối sống của họ. Còn Đức Giêsu dạy họ phải yêu kẻ thù và chỉ có tình yêu sáng tạo này mới làm cho họ trở nên con cái của Thiên Chúa là Cha, Đấng ngự trên trời, đồng thời yêu thương và tha thứ là những yếu tố cần thiết cho sự trưởng thành trong đời sống thiêng liêng.

Khi đến giờ thử thách, Đức Kitô, Con Một vô tội của Thiên Chúa, phải chịu đóng đinh trên thập giá, hấp hối lâu giờ, đau đớn khôn xiết. Vào giờ này hỏi còn có yêu thương và tha thứ nữa không? Đức Giêsu sẽ phản ứng thế nào? Người sẽ nói gì? Câu trả lời cho các câu hỏi này sẽ vang dội trời đất khi Đức Giêsu, đầu đội vòng gai, ngẩng đầu lên và cầu nguyện rằng: "Lạy Cha, xin tha cho họ vì họ chẳng biết việc họ làm". Đây là giờ đẹp nhất của Đức Giêsu, là câu trả lời của Đấng từ trời xuống thế khi phải đương đầu với định mệnh trong cuộc sống trần gian.

Chúng ta sẽ hiểu được ý nghĩa cao cả của lời cầu nguyện này khi so sánh nó với thiên nhiên. Được cấu trúc để hướng tới mục đích của nó, thiên nhiên không tha thứ. Trước lời kêu van thống thiết của một con người rơi vào tâm bão hay tiếng kêu thét não nùng của người công nhân rơi từ giàn giáo xuống đất, thiên nhiên vẫn dửng dưng bình thản, lạnh lùng không chút cảm thương. Thiên nhiên mãi mãi trung thành với các quy luật tất định. Khi các quy luật này không được tuân thủ, thiên nhiên không có cách nào khác là đi theo con đường đã định. Thiên nhiên không tha thứ vì không biết tha thứ. Hay chúng ta hãy so sánh lời cầu nguyện của Đức Giêsu với sự chậm chạp của con

người khi phải tha thứ. Chúng ta sống theo một thứ triết lý mà phương châm là báo oán và giữ thể diện. Chúng ta phủ phục trước bàn thờ Thần Báo Oán. Tại Gaza, ông Samson mù lòa đã tha thiết cầu nguyện cho kẻ thù ? nhưng để tiêu diệt họ. Giấc mộng báo oán luôn ám ảnh con người và không ngừng làm hoen ố vẻ đẹp của cuộc sống.

Hay chúng ta hãy so sánh lời cầu nguyện của Chúa Giêsu với sự chậm chạp của xã hội khi phải tha thứ. Xã hội có các chuẩn mực và các quy định của riêng mình. Xã hội có các phương tiện kiểm soát và ngăn ngừa theo luật định. Kẻ nào ở dưới mức đã được quy định, kẻ nào vi phạm luật pháp thường rơi vào vực thẳm tối tăm, tức là bị kết án và không còn hy vọng có được một cơ may thứ hai. Hãy hỏi một người phụ nữ trẻ, trong một phút đam mê tột độ, đã làm mẹ một đứa con hoang. Cô sẽ trả lời bạn rằng xã hội tỏ ra chậm chạp khi phải tha thứ. Hãy hỏi một người công chức, trong một phút lơ đãng, đã phản bội niềm tin tưởng của người dân. Ông sẽ trả lời bạn rằng xã hội tỏ ra chậm chạp khi phải tha thứ. Hãy đến một trại giam và hỏi các tội nhân là những người đã viết những trang đáng hổ thẹn trong cuốn sách cuộc đời. Họ sẽ trả lời bạn rằng xã hội tỏ ra chậm chạp khi phải tha thứ. Hãy đến khu biệt giam dành cho các tử tù là những nạn nhân đáng thương của tội ác. Trong khi chờ đợi lên ghế điện, họ sẽ trả lời bạn một cách đầy thất vọng rằng xã hội tỏ ra chậm chạp khi phải tha thứ. Án tử hình là lời khẳng định cuối cùng qua đó xã hội nói lên rằng xã hội không tha thứ.

Lịch sử nhân loại là thế đó. Lịch sử nhân loại là một đại dương không ngừng bị khuấy động bởi các đợt sóng dâng cao là hận thù và báo oán. Con người không bao giờ vươn lên trên quy luật báo oán: "Mạng đền mạng, mắt đền mắt, răng đền răng, tay đền tay, chân đền chân" (Xh 21, 23). Lịch sử nhân loại cho thấy biết bao quốc gia bị tàn phá, biết bao con người bị tiêu diệt chỉ vì đi theo con đường hão huyền này!

Trên thập giá, Đức Giêsu đã long trọng công bố một luật trỗi vượt hơn. Người biết rằng luật cũ "mắt đền mắt" sẽ làm cho mọi người bị mù. Người đã không tìm cách thắng sự dữ bằng sự dữ nhưng thắng sự dữ bằng sự lành. Bị đóng đinh vì hận thù, Người đáp lại bằng tình yêu.

Đây quả thật là một bài học cao quý! Các thế hệ có thể sinh ra và biến mất, con người có thể tôn thờ và phủ phục trước bàn thờ Thần Báo Oán, nhưng một lời mời gọi thống thiết luôn mãi đến với chúng ta từ bài học trên Đồi Sọ: chỉ có lòng nhân ái mới có thể tiêu diệt tận căn sự dữ; chỉ có tình yêu mới có thể thắng được hận thù.

II. Thứ hai, Đức Giêsu cho chúng ta thấy Người biết rõ con người quả thật mù quáng về nhận thức và đạo đức. "Họ không biết việc họ làm!". Sự dữ làm họ trở nên mù quáng và điều họ cần chính là ánh sáng. Chúng ta phải nhìn nhận rằng Đức Giêsu đã phải chịu đóng đinh trên thập giá không chỉ vì tội lỗi mà còn vì sự mù quáng của con người. Những người đã gào thét: "Đóng đinh nó vào thập giá!" thật ra là những người mù quáng hơn là những

người xấu. Đám đông dân chúng chế diễu Đức Giêsu dọc theo đường lên Núi Sọ thật ra là những người mù quáng hơn là những người độc ác. "Họ không biết việc họ làm!". Đây quả thật là một thảm kịch!

Lịch sử nhân loại cung cấp cho chúng ta nhiều ví dụ về thảm kịch này. Cách đây nhiều thế kỷ, triết gia Socrate đã phải uống thuốc độc. Những người kết án ông không phải là những người mang trong mình dòng máu ác quỷ nhưng là những công dân Hy Lạp đáng kính và trung thực. Họ xác tín rằng Socrate là một kẻ vô thần vì quan niệm của ông về Thượng Đế trỗi vượt quan niệm thông thường của họ. Socrate bị kết án tử hình bởi những con người mù quáng hơn là bởi những con người độc ác. Ông Saolô đã không có tà ý khi bắt bớ các Kitô hữu. Ông xác tín rằng ông đã đi đúng đường. Ông ngược đãi các Kitô hữu không phải vì ông thiếu ý ngay lành nhưng vì ông thiếu ánh sáng. Các Kitô hữu đã dấn thân vào con đường bách hại, lên án và giết hại những người lạc giáo không phải vì họ là những con người xấu nhưng vì họ không được hướng dẫn tốt. Các giáo sĩ nghĩ rằng họ có nhiệm vụ chống lại cuộc cách mạng Copernic hay thuyết tiến hóa của Darwin; họ không phải là những người hướng chiều về đường xấu nhưng là những người thiếu thông tin. Và như vậy, các lời của Đức Giêsu đã được in khắc rõ nét trên một trong số các thảm kịch bi đát nhất của lịch sử: "Họ không biết việc họ làm!".

Ngày nay, sự mù quáng bi thảm này mang nhiều hình thức khác nhau. Một số người nghĩ rằng chiến tranh là câu trả lời cho các vấn đề của thế giới này. Họ không phải là những người xấu. Trái lại, họ là những công dân tốt, đáng kính trọng, có tinh thần yêu nước. Họ chủ trương dùng chính sách khủng bố để tạo thế quân bình lực lượng. Họ xác tín rằng chạy đua vũ trang sẽ đem lại nhiều hậu quả tốt hơn là hậu quả xấu. Vì thế, họ không ngừng đòi hỏi chế tạo nhiều bom đạn tối tân hơn, tăng thêm số kho dự trữ vũ khí hạt nhân và số hỏa tiễn có vận tốc nhanh hơn.

Nhưng kinh nghiệm thường làm chúng ta trở thành khôn ngoan hơn và nhận thấy rằng, ngày nay, chiến tranh đã lỗi thời. Có một thời chiến tranh được xem như là một phương tiện ít xấu hơn có khả năng hạn chế và ngăn ngừa sự phát triển của một sức mạnh xấu. Nhưng sức tàn phá của các vũ khí tối tân hiện nay đã loại trừ ngay cả khả năng này của chiến tranh. Nếu chúng ta nhìn nhận rằng cuộc sống là đáng sống và con người có quyền tồn tại, thì chúng ta phải tìm một giải pháp khác thay thế chiến tranh. Vào một thời đại mà các vệ tinh bay vào vũ trụ và các hỏa tiễn điều khiển từ xa có khả năng tìm các mục tiêu để hủy diệt, thì không một quốc gia nào dám chắc giành được chiến thắng. Một cuộc chiến tranh được gọi là "có giới hạn" cũng chỉ để lại đổ nát, đau khổ, xáo trộn chính trị và vỡ mộng. Một cuộc chiến tranh toàn cầu -- cầu xin Thiên Chúa gìn giữ chúng ta khỏi một cuộc chiến tranh như thế! -- cũng chỉ để lại một ngọn lửa cháy âm ỉ dưới đống tro tàn như một chứng tích của nhân loại điên rồ đang làm mình phải chết yểu.

Cũng có người xác tín một cách thành thực rằng giải trừ quân bị là điều xấu và thương thuyết trên chính trường quốc tế là điều ghê tởm, mất thời giờ. Thế giới chúng ta bị đe dọa bởi viễn cảnh một cuộc chiến tranh hạt nhân, bởi vì có quá nhiều người không biết việc họ làm.

Đoạn Tin Mừng này cũng cho chúng ta biết sự thật trong tương quan giữa các chủng tộc tại quốc gia này. Chế độ nô lệ đã tồn tại tại châu Mỹ không chỉ vì sự độc ác mà còn vì sự mù quáng của con người. Thật vậy, nguyên nhân căn bản của chế độ nô lệ, trong một mức độ rộng lớn, có thể là một nguyên nhân thuộc lãnh vực kinh tế. Nhiều người đã xác tín rằng một chính sách kinh tế hữu hiệu về mặt lợi nhuận như thế cần phải được biện minh về mặt đạo đức. Họ đã đề ra lý thuyết về tính ưu việt chủng tộc và đã mặc cho lý thuyết hiển nhiên sai lầm này một bộ áo lộng lẫy về mặt lý luận. Cố gắng biện minh về mặt đạo đức cho một hệ thống kinh tế đem lại lợi nhuận đã dẫn đến học thuyết ưu việt của chủng tộc da trắng. Tôn giáo và Sách Thánh đã được viện dẫn để duy trì tình trạng như hiện có. Người ta cũng vận dụng khoa học để chứng minh tính thấp kém của người da đen. Luận lý học cũng được "thao tác" để làm cho chế độ nô lệ có được tính khả tín về mặt lý luận. Có ai đó đã chứng minh tính thấp kém của người da đen bằng một công thức tam đoạn luận theo đúng quy cách của Aristote:

Mọi người đều được dựng nên giống hình ảnh Thiên Chúa;
mà, như mỗi người đều biết,
Thiên Chúa không phải là một người da đen;
vậy người da đen không phải là một con người.

Người ta đã khôn khéo liên kết các yếu tố tôn giáo, khoa học và triết học để biện hộ cho tính ưu việt của người da trắng. Sau đó, học thuyết này được đưa vào sách giáo khoa, và, trong thực tế, được giảng dạy trong các trường học, để cuối cùng trở thành một nhân tố của nền văn hóa châu Mỹ. Người ta xem học thuyết này như là một sự thật thay vì như một lời dối trá được hợp lý hóa. Người ta xác tín một cách thành thực rằng, do bởi bản chất, người da đen thua kém người da trắng và chế độ nô lệ chính là điều Thiên Chúa muốn. Năm 1857, các cuộc tranh luận tại các Tòa Án Tối Cao Hiệp Chủng Quốc và phán quyết Dred Scott đã "hợp thức hóa" chế độ nô lệ. Tòa Án Tối Cao đã tuyên bố rằng người da đen không có một quyền nào mà người da trắng buộc phải tôn trọng. Các thẩm phán đưa ra phán quyết này không phải là những người hư hỏng. Trái lại, họ là những người đáng kính và tận tụy. Nhưng họ là nạn nhân của sự mù quáng về trí tuệ cũng như về tinh thần. Họ không biết việc họ làm. Chế độ nô lệ đã tồn tại được phần lớn là do những người trung thực nhưng mù quáng.

Chúng ta cũng nhận thấy được sự mù quáng này nơi chủ nghĩa phân biệt chủng tộc là bà con họ hàng với chế độ nô lệ. Một số người hăng say bảo vệ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc chứng tỏ họ là những người trung thực về xác tín và nghiêm túc về động cơ thúc đẩy họ hành động. Mặc dầu một số người theo chủ nghĩa này chỉ vì đây là cơ hội đem lại lợi ích chính trị và nhất là

kinh tế, nhưng toàn bộ cuộc chiến chống lại hòa hợp chủng tộc không phải chỉ được điều khiển ở hậu trường bởi một nhóm người "ngoan đạo chuyên nghiệp". Người ta nghĩ rằng cố gắng duy trì phân biệt chủng tộc là cách tốt nhất để bảo vệ lợi ích của bản thân, con cái và quốc gia họ. Nhiều người trong số họ năng lui tới nhà thờ, bén rễ trong niềm tin tôn giáo của cha ông họ. Khi phải chứng minh rằng lập trường của họ có cơ sở về mặt tôn giáo, họ quả quyết rằng Thiên Chúa là "người phân biệt chủng tộc đầu tiên": "Chim đỏ không bay cùng đàn với chim xanh". Họ nhấn mạnh rằng lập trường của họ còn có thể giải thích được một cách hợp lý và còn có nền tảng luận lý nữa. Khi phải biện minh cho lập trường của họ về sự thấp kém của người da đen, họ không ngần ngại dựa vào một nghiên cứu nào đó gọi là có cơ sở khoa học để khẳng định rằng bộ não của người da đen nhỏ hơn bộ não của người da trắng. Họ không biết hay không muốn biết rằng khái niệm về một chủng tộc thấp kém hay ưu việt đã bị bác bỏ bởi khoa nhân học. Các nhà nhân học có uy tín như Ruth Benedict, Margeret Mead và Melville J. Herskovits đã nhất trí kết luận rằng có thể có những cá nhân thấp kém hay ưu việt trong một chủng tộc, chứ không có một chủng tộc thấp kém hay ưu việt so với chủng tộc khác. Các người phân biệt chủng tộc từ chối chấp nhận điều mà khoa học đã chứng minh: có bốn nhóm máu và nhóm máu này có thể tìm thấy trong bất cứ chủng tộc nào. Họ tin một cách mù quáng vào giá trị vĩnh cữu của một điều xấu có tên gọi là phân biệt chủng tộc, vào sự thật trường tồn của một huyền thoại là tính ưu việt của người da trắng. Đây quả thật là một thảm kịch! Nhiều triệu người da đen đã chịu đóng đinh bởi những con người mù quáng. Cùng với Đức Giêsu trên thập giá, chúng ta phải nhìn những người ngược đãi chúng ta với đôi mắt đầy tình thương và nói: "Lạy Cha, xin tha cho họ vì họ không biết việc họ làm!".

III. Từ những gì tôi đã cố gắng trình bày, điều rõ ràng là tính thành thực và sự hiểu biết tự chúng không đủ. Lịch sử đã chứng minh rằng những đức tính cao trọng này có thể biến thành những nết xấu tai hại. Trong thế giới này, không có gì nguy hiểm cho bằng thành tâm trong ngu dốt và ngốc nghếch trong hiểu biết. Shakespeare đã viết:

"Bởi vì khi hành động, những điều ngọt ngào nhất trở thành cay đắng. Mùi hoa huệ rữa thối còn thối hơn cả mùi cỏ dại".

Bổn phận thứ nhất của Giáo Hội là bảo vệ nền luân lý của cộng đồng, vì thế, Giáo Hội van nài mọi người phải sống tốt lành và ngay thẳng, đồng thời Giáo Hội đề cao các nhân đức làm cho chúng ta có được một con tim của trẻ thơ và một lương tâm nhạy bén. Nhưng vào một giai đoạn nào đó trong cuộc lữ hành, Giáo Hội cũng phải nhắc cho con người biết rằng sự thiếu hiểu biết, thiếu nhân ái và lương tri, có thể trở thành một sức mạnh tàn bạo dẫn đến việc đóng đinh nhiều người. Giáo Hội không bao giờ được phép ngừng nhắc nhở cho con người biết rằng họ phải là những con người thông minh.

Chúng ta phải nhìn nhận rằng phải chăng Giáo Hội thường sao nhãng bổn phận giáo huấn này? Và có khi Giáo Hội cũng đã nói như thể ngu dốt là một

nhân đức, và thông minh là một tật xấu. Qua thái độ hẹp hòi, cố chấp đối với một sự thật mới, một cách vô ý thức, Giáo Hội thường khuyến khích các tín hữu có một thái độ lệch lạc về sự hiểu biết.

Nhưng nếu chúng ta nhận mình là Kitô hữu, thì tốt nhất chúng ta phải tránh đừng để mình trở nên mù quáng về hiểu biết và đạo đức. Toàn bộ Tân Ước nhắc cho chúng ta biết rằng hiểu biết là điều cần thiết. Chúng ta phải yêu mến Thiên Chúa không chỉ hết lòng, hết linh hồn mà còn hết trí khôn nữa. Sau khi nhắc lại sự mù quáng của các địch thủ, thánh Phaolô tuyên bố: "Tôi làm chứng cho họ là họ nhiệt thành đối với Thiên Chúa, nhưng lòng nhiệt thành đó không được sáng suốt" (Rm 10,2). Sách Thánh không ngừng cảnh giác chúng ta về nguy cơ một lòng nhiệt thành không sáng suốt, một lòng thành thực thiếu thông minh.

Vậy, chúng ta có nhiệm vụ vừa phải chiến thắng tội lỗi vừa phải chiến thắng ngu dốt. Con người thời đại ngày nay đang rơi vào cảnh hỗn loạn, một mặt vì họ hư hỏng, mặt khác, vì họ ngu dốt. Cũng như hai mươi bốn nền văn minh trước đây, nền văn minh Tây Phương đang tiếp tục bị suy thoái cho đến khi rơi xuống vực thẳm một cách tuyệt vọng, thì nguyên nhân không chỉ do tội lỗi mà còn do mù quáng. Và nếu nền dân chủ Hoa Kỳ tiếp tục biến chất với thời gian, thì cũng là do thiếu hiểu biết, thiếu cố gắng tìm kiếm và thực thi công lý. Nếu con người thời đại ngày nay tiếp tục ve vãn chiến tranh và biến ngôi nhà của mình thành một thứ địa ngục mà ngay cả thi hào Dante cũng không nghĩ tới, thì đây cũng là hậu quả của tính độc ác và ngu dốt vậy.

Đức Giêsu nói: "Họ không biết việc họ làm!". Mù quáng là thái độ thường ngày của họ. Vấn đề chính là ở chỗ chúng ta muốn trở nên mù quáng. Mù lòa về thể lý thường là kết quả tạo nên bởi những sức mạnh tự nhiên vượt ra ngoài sự kiểm soát của con người, nên họ phải mù lòa. Trái lại, mù quáng về tinh thần đạo đức là một sự lựa chọn giữa hai con đường do bởi không biết sử dụng đúng mức sự tự do và trí lực của mình. Một ngày kia chúng ta sẽ học biết rằng không bao giờ con tim được ổn định nếu đầu óc hoàn toàn rối loạn. Điều này không có nghĩa là đầu óc có thể ổn định trong khi con tim lại bất ổn. Chính nhờ sự kết hợp giữa đầu óc và con tim -- giữa sự hiểu biết và lòng nhân ái -- mà bản tính con người đạt tới sự triển nở đích thực. Điều này không có nghĩa là phải trở thành một triết gia hay một học giả uyên thâm mới có được một cuộc sống tốt lành. Tôi biết có nhiều người ít học nhưng lại tỏ ra thông minh và sáng suốt cách lạ lùng. Sáng suốt là có tinh thần cởi mở, phán đoán lành mạnh, yêu mến sự thật. Sáng suốt bao hàm lời mời gọi vươn lên trên đầu óc hẹp hòi, sức trì làm tê liệt và lòng cả tin. Không cần phải học rộng mới có thể có tinh thần cởi mở. Không cần phải là một viện sĩ uyên thâm mới có thể bắt đầu tìm kiếm sự thật một cách kiên trì.

Ánh sáng đã đến trong thế gian. Trải qua các thời đại, có tiếng mời gọi con người bước đi trong ánh sáng. Cuộc sống trần thế sẽ trở thành một khúc ai ca nếu con người không quan tâm đến lời mời gọi này. Thánh Tông đồ

Gioan nói: "Và đây là bản án: Ánh sáng đã đến trong thế gian, nhưng người ta đã chuộng bóng tối hơn ánh sáng" (Ga 3,19)

Đức Giêsu không sai lầm khi nói về những người đã đóng đinh Người vào thập giá. Họ không biết việc họ làm. Họ đã trở nên mù quáng.

Mỗi lần nhìn lên thập giá, tôi nhớ lại sự cao cả của Thiên Chúa, và quyền năng cứu chuộc của Đức Giêsu Kitô. Tôi nhớ lại tình yêu của Đấng đã hy sinh mạng sống để làm chứng một cách hùng hồn nhất cho sự thật. Và tôi cũng thốt lên như John Bowring:

"Tôi tự hào về thập Đức Kitô,
Thập giá thống trị thời gian;
Thập giá rạng ngời ánh sáng
suốt dòng lịch sử thánh thiêng."

Sẽ là điều tuyệt vời, nếu nhìn lên thập giá, tôi chỉ cảm nhận được điều cao cả này. Nhưng, bằng cách này hay cách khác, đôi mắt tôi không rời thập giá mà tôi lại không nhận biết rằng thập giá biểu trưng cho một sự pha trộn kỳ lạ giữa sức mạnh và yếu đuối, giữa điều lành và điều xấu. Khi chiêm ngắm thập giá, tôi nghĩ đến quyền năng vô song của Thiên Chúa cũng như đến sự yếu hèn hư đốn của con người. Tôi nghĩ đến vẻ huy hoàng của Thiên Chúa cũng như tội lỗi của con người. Tôi nghĩ đến Đức Kitô hoàn thiện cũng như đến con người đê hèn.

Chúng ta phải nhìn thấy nơi thập giá là biểu tượng của tình yêu chiến thắng hận thù, của ánh sáng chiến thắng tối tăm. Nhưng khi tuyên xưng như vậy, chúng ta đừng bao giờ quên rằng Đấng là Chúa và là Thầy chúng ta phải chịu đóng đinh vào thập giá bởi những con người mù quáng. Những kẻ đóng đinh Người vào thập giá đã không biết việc họ làm (1).

(1) Martin Luther King: "L'amour en acte" trong "La Force d'aimer". Ed. Casterman, Paris 1965, trg 49-61. Tóm tắt

YÊU KẺ THÙ

"Hãy yêu kẻ thù và cầu nguyện cho những kẻ ngược đãi anh em. Như vậy anh em mới trở nên con cái của Cha anh em, Đấng ngự trên trời" (Mt 5,44-45)

Hận thù làm con người không còn biết nhận thức các giá trị khách quan, coi cái đẹp là xấu, cái xấu là đẹp, lầm lẫn cái thật với cái giả và cái giả với cái thật

Có lẽ không có lời khuyên nào của Đức Giêsu lại khó đem ra thực hành cho bằng lời khuyên "Hãy yêu kẻ thù". Một số người chân thành nghĩ rằng, trong thực tế, không ai có thể giữ được lời khuyên này. Yêu người yêu mình thì dễ, còn ai lại đi yêu kẻ tìm cách làm hại mình một cách công khai hay âm thầm? Đối với một số người khác như triết gia Nietzsche chẳng hạn, lời khuyên "Hãy yêu kẻ thù" cũng đủ để chứng minh rằng đạo đức Kitô giáo chỉ

dành cho những kẻ bạc nhược, nhát đảm, chứ không phải cho những người can đảm, dũng mạnh. Họ cho rằng Đức Giêsu là người quá lý tưởng và thiếu thực tế.

Mặc dầu các câu hỏi này có được nhấn mạnh đến đâu chăng nữa và các thắc mắc có được lặp đi lặp lại không biết bao nhiêu lần, lời khuyên của Đức Giêsu vẫn tra vấn chúng ta hơn bao giờ hết. Hết biến động này đến biến động khác không ngừng nhắc nhở chúng ta rằng con người thời đại ngày nay đang đi trên con đường hận thù dẫn đến diệt vong và trầm luân. Thay vì là lời khuyên đạo đức của một kẻ mộng tưởng, thì lời khuyên "Hãy yêu kẻ thù" lại là một điều cần thiết tuyệt đối, nếu chúng ta muốn sống còn. "Hãy yêu kẻ thù" là chìa khóa giúp chúng ta giải quyết các vấn đề trong thế giới ngày nay. Đức Giêsu không phải là con người quá lý tưởng để quên mất thực tế; Người là con người thực tế đích thực.

Tôi tin rằng Đức Giêsu biết rõ khó khăn khi nói phải "yêu kẻ thù". Người không toa rập với những kẻ cho rằng sống đúng theo các đòi hỏi luân lý là chuyện dễ. Người biết rõ rằng mọi biểu hiện của tình yêu đích thực đều xuất phát từ sự phó thác hoàn toàn và dứt khoát vào Thiên Chúa. Khi Đức Giêsu nói: "Hãy yêu kẻ thù", thì không phải là Người không biết đến các đòi hỏi của lời khuyên này. Mỗi từ trong câu này đều có nghĩa của nó. Các Kitô hữu có trách nhiệm khám phá ý nghĩa của lời khuyên này và đem ra thực hành trong đời sống hàng ngày.

I. Chúng ta hãy tỏ ra thực tế và đặt cho mình câu hỏi sau đây: Làm thế nào chúng ta yêu kẻ thù được?

Thứ nhất, chúng ta phải phát huy và củng cố khả năng tha thứ. Không biết tha thứ thì cũng không biết yêu thương. Không thể bắt đầu yêu kẻ thù mà trước đó không chấp nhận cần phải không ngừng tha thứ cho những kẻ làm hại chúng ta. Cũng cần phải hiểu rõ rằng người tha thứ trước tiên phải là người đã bị lừa gạt và bị ám hại, người bị áp bức và gánh chịu bất công. Kẻ phạm tội có thể xin tha thứ, có thể quay về với chính mình và, như đứa con hoang đàng, đang rảo bước trên con đường đầy gió bụi nào đó, với lòng ao ước được tha thứ. Nhưng chỉ có người thân cận đã bị xúc phạm, người cha giàu lòng thương xót mới có thể đưa kẻ có tội vào ngôi nhà ấm áp và mới có thể tha thứ.

Tha thứ không phải là không biết điều đã phạm là một hành vi xấu hay gọi hành vi xấu này bằng một tên gọi không đúng với thực chất của nó. Đúng hơn, tha thứ là xem hành vi xấu này không còn là một chướng ngại để thiết lập những quan hệ mới. Tha thứ là một chất xúc tác tạo nên một bầu khí cần thiết cho một cuộc lên đường, một khởi đầu mới. Tha thứ là cất đi một gánh nặng, hay xóa bỏ một món nợ. Chúng ta có thể nói: "Tôi tha thứ cho anh, nhưng tôi sẽ không bao giờ quên điều anh làm cho tôi". Nói như vậy không phải là tha thứ thật. Đành rằng chúng ta không bao giờ quên, nghĩa là xóa bỏ hoàn toàn trong tâm trí điều người khác đã làm cho mình. Nhưng nếu chúng

ta tha thứ, thì chúng ta cũng quên, nghĩa là điều người khác đã làm cho chúng ta không còn là một chướng ngại khả dĩ ngăn cản các quan hệ mới. Cũng không bao giờ chúng ta có thể nói: "Tôi tha thứ cho anh, nhưng tôi không muốn quan hệ với anh nữa". Tha thứ là hòa giải, là gặp lại nhau. Nếu không, chẳng có ai có thể yêu kẻ thù. Mức độ chúng ta có thể tha thứ là thước đo mức độ chúng ta có thể yêu kẻ thù vậy.

Thứ hai, người thân cận làm tổn thương chúng ta chính là kẻ thù. Nhưng phải nhìn nhận rằng hành vi xấu của con người đó không bộc lộ hết toàn diện con người đó. Nơi kẻ thù tệ nhất, chúng ta có thể khám phá ra những điểm tốt lành. Nhân cách của mỗi người chúng ta có cái gì đó mang dáng dấp tâm thần phân lập, làm chúng ta tự chựng lại một cách bi thảm. Một cuộc chiến trường kỳ luôn diễn ra nơi mỗi cuộc sống, và có cái gì đó làm chúng ta phải thốt lên như thi sĩ Ovide: "Tôi nhận biết sự thiện, tôi chấp nhận sự thiện nhưng tôi lại làm sự ác", hay như triết gia Platon khi nghĩ rằng con người giống như một cỗ xe song mã, nhưng mỗi con kéo theo một hướng, hoặc như thánh Phaolô: "Sự thiện tôi muốn thì tôi không làm, nhưng sự ác tôi không muốn, tôi lại cứ làm" (Rm 7,19).

Điều này đơn giản có nghĩa là nơi người xấu nhất vẫn có cái tốt và nơi người tốt nhất vẫn có cái xấu. Một khi khám phá ra chân lý này, chúng ta sẽ ít chiều theo khuynh hướng tự nhiên là ghét kẻ thù. Nếu nhìn kỹ bên dưới bề mặt, bên dưới những hành vi xung động, chúng ta có thể tìm thấy nơi kẻ thù một điều tốt lành, đồng thời chúng ta cũng nhận thấy rằng điều ác họ làm cũng không biểu lộ hết con người họ. Nhìn kẻ thù trong một ánh sáng mới, chúng ta mau chóng nhận thấy rằng hận thù nơi họ xuất phát từ sợ hãi, kiêu căng, ngu dốt, tiên kiến, hiểu lầm. Nhưng, dù sao, hình ảnh Thiên Chúa nơi họ không thể bị xóa nhòa. Như thế, chúng ta yêu kẻ thù vì biết rằng họ không hoàn toàn xấu về mọi phương diện và họ cũng không ở ngoài tầm tác động của tình yêu cứu chuộc mà Thiên Chúa dành cho họ.

Thứ ba, chúng ta phải tránh làm nhục kẻ thù. Trái lại, phải tìm cách gây thiện cảm và cảm thông với họ. Có thể chúng ta có thừa khả năng cũng như các điều kiện thuận lợi để làm nhục kẻ thù. Điều không thể tránh được là họ cũng có những sơ hở, những giây phút yếu đuối và chúng ta có thể tận dụng các cơ hội này để thẳng tay tiêu diệt họ. Nhưng đây lại là điều chúng ta không bao giờ được phép làm. Trái lại, mỗi lời nói, mỗi hành vi của chúng ta phải góp phần làm tăng thêm sự hiểu biết, cảm thông với kẻ thù, đồng thời tạo điều kiện để khai mở dòng thiện chí đã bị ngăn chặn bởi bức tường hận thù.

Chúng ta đừng lầm lẫn tình yêu chân thành với tình cảm ướt át. Tình yêu có cái gì đó sâu lắng hơn cảm xúc. Ở đây có lẽ tiếng Hy Lạp sẽ giúp chúng ta làm sáng tỏ ý nghĩa của tình yêu. Trong Tân Ước, tiếng Hy Lạp sử dụng ba từ để nói về tình yêu. Eros là tình yêu mang tính cách thẩm mỹ lãng mạn. Trong các đối thoại của Platon, eros là sự vươn lên của linh hồn tới lãnh vực thần linh. Philia là tình yêu liên kết cách mật thiết các bạn hữu. Chúng ta

yêu người chúng ta ưa thích, và chúng ta yêu vì được người khác yêu. Agapè là tình yêu đặt nền tảng trên hiểu biết và cảm thông, ước muốn sáng tạo và cứu chuộc dành cho tất cả mọi người. Là tình yêu đầy tràn, không chờ đợi điều gì cho mình từ phía người khác, agapè là tình yêu Thiên Chúa tác động lòng trí con người. Ở mức độ này, chúng ta yêu mọi người không phải vì họ làm vừa lòng chúng ta, hay vì chính họ lôi kéo chúng ta, cũng không phải vì nơi họ có cái gì đó thuộc thần linh. Chúng ta yêu mỗi người chỉ vì Thiên Chúa yêu họ. Ở mức độ này, chúng ta yêu kẻ làm điều ác trong khi vẫn ghê tởm điều ác họ làm.

Bây giờ, chúng ta có thể nói gì khi nói "Hãy yêu kẻ thù". Có lẽ chúng ta hãy vui mừng vì Đức Giêsu đã không nói "Hãy quý trọng kẻ khác", vì đây quả là điều chúng ta không thể làm được đối với một số người nào đó. Làm sao chúng ta có thể quý trọng một người muốn tiêu diệt chúng ta bằng cách đặt các chướng ngại trên đường đời chúng ta? Làm sao chúng ta có thể quý trọng một người đang đe dọa mạng sống con cái chúng ta, phá hoại nhà cửa chúng ta? Quả thật, đây là điều không thể làm được. Nhưng Đức Giêsu cho chúng ta biết tình yêu thì ở một mức độ cao hơn quý trọng. Khi khuyên chúng ta yêu kẻ thù, Đức Giêsu không nói đến tình yêu theo nghĩa eros hay philia; nhưng Người muốn nói tình yêu theo nghĩa agapè - một tình yêu đặt nền tảng trên cảm thông và ước muốn sáng tạo cứu chuộc dành cho mọi người. Chỉ bằng cách đi theo con đường này và dấn thân vào tình yêu này, chúng ta mới có thể trở thành con cái Cha chúng ta, Đấng ngự trên trời vậy.

II. Bây giờ, chúng ta hãy từ thực tế sang lý thuyết, từ làm thế nào sang tại sao. Tại sao chúng ta phải yêu kẻ thù?

Lý do thứ nhất thật là hiển nhiên. Lấy oán báo oán chỉ có thể làm tăng thêm hận thù, chỉ có thể làm cho đêm tối lại càng thêm tối tăm mù mịt bởi thiếu vắng ánh sáng các vì sao. Bóng tối không thể nào xóa tan bóng tối. Chỉ có ánh sáng xóa tan bóng tối. Hận thù tăng thêm hận thù; bạo lực kéo theo bạo lực; tàn nhẫn nhân thêm tàn nhẫn, như một cơn gió xoáy ập tới tiêu diệt tất cả. Như vậy, khi khuyên chúng ta yêu kẻ thù, Đức Giêsu đưa ra một lời cảnh giác mạnh mẽ về cái chung cuộc cuối cùng mà chúng ta không thoát khỏi, nếu không đem lời Người ra thực hành. Trong thế giới ngày nay, phải chăng chúng ta đang bị dồn vào chân tường là yêu kẻ thù, nếu không... thì điều gì sẽ xảy ra? Phản ứng dây chuyền của sự ác - hận thù tăng thêm hận thù, chiến tranh kéo theo chiến tranh, chúng ta phải chận đứng phản ứng này, nếu không tất cả chúng ta sẽ rơi vào hố diệt vong.

Lý do thứ hai chúng ta phải yêu kẻ thù là vì hận thù làm tổn thương tinh thần và hủy diệt nhân cách. Quá nhấn mạnh đến hận thù như là một sức mạnh xấu, nguy hiểm, chúng ta thường quan tâm đến các tác hại nơi người bị oán ghét. Đây là điều dễ hiểu vì hận thù gây nhiều tác hại không thể cứu vãn nỗi nơi các nạn nhân. Chúng ta đã chứng kiến các tội ác ghê tởm khi thấy hơn sáu triệu người Do Thái bị tiêu diệt man rợ bởi một tên điên rồ có tên là Hitler, khi thấy các người anh em da đen bị đọa đày bởi một tầng lớp

người da trắng, khi thấy cảnh điêu tàn đổ nát do chiến tranh gây nên, khi thấy các bất công khổ nhục mà con cái Thiên Chúa phải gánh chịu.

Nhưng cũng có một điều mà chúng ta không bao giờ được phép quên, đó là hận thù cũng gây tác hại cho chính con người oán ghét kẻ khác. Như một căn bệnh ung thư tiềm ẩn, hận thù làm tổn thương và phá vỡ thế thống nhất của nhân cách. Hận thù làm con người không còn biết nhận thức các giá trị khách quan, coi cái đẹp là xấu, cái xấu là đẹp, lầm lẫn cái thật với cái giả và cái giả với cái thật.

Trong một cuốn sách về tính cách bệnh hoạn của nạn kỳ thị chủng tộc, E. Franklin Frazier cho chúng ta thấy một số trường hợp người da trắng bình thường, dễ mến trong quan hệ hàng ngày với những người da trắng khác, nhưng lại có những phản ứng rất phi lý, bất bình thường khi được mời gọi xem các người da đen là những người bình đẳng với mình hoặc chỉ thảo luận về các bất công do nạn kỳ thị chủng tộc gây nên. Đây là điều xảy ra khi hận thù ngự trị lòng người. Các nhà phân tâm học cho biết rằng có những điều kỳ lạ như thế tồn tại và phát triển nơi tiềm thức, có những cuộc xung đột ác liệt diễn ra nơi nội tâm con người: đa số những điều này thường phát xuất từ hận thù. Họ đặt chúng ta trước một sự lựa chọn: "Yêu thương hoặc tiêu diệt". Tâm lý học hiện đại nhìn nhận điều Đức Giêsu đã dạy thuở xưa: hận thù hủy diệt còn tình yêu phát triển và thống nhất nhân cách một cách lạ lùng và hữu hiệu.

Lý do thứ ba chúng ta phải yêu kẻ thù là vì tình yêu là sức mạnh duy nhất có khả năng biến thù thành bạn. Chúng ta không bao giờ có thể loại bỏ kẻ thù bằng cách lấy hận thù đối lại hận thù. Chúng ta chỉ có thể loại bỏ kẻ thù bằng cách loại bỏ hận thù chiếm ngự lòng chúng ta. Tự bản chất, hận thù phá hoại, hủy diệt; còn tự bản chất, tình yêu sáng tạo và xây dựng. Tình yêu đổi mới bằng sức mạnh cứu chuộc.

Abraham Lincoln đã có một kinh nghiệm như thế về tình yêu và đã trở thành một gương mẫu tuyệt vời cho hậu thế. Trong cuộc vận động tranh cử chức vụ Tổng Thống Hoa Kỳ, Stanton là người chống đối Lincoln kịch liệt nhất. Vì một lý do nào đó, Stanton thù ghét và tìm hết mọi cách để hạ nhục Lincoln trước công chúng. Stanton chế diễu dáng điệu của Lincoln với lời lẽ khiếm nhã, đả kích mãnh liệt và gây bối rối cho Lincoln. Nhưng các cố gắng của Stanton đã không ngăn cản Lincoln đắc cử Tổng Thống Hoa Kỳ. Khi lập nội các, Tổng Thống Lincoln đã chọn một số cộng sự viên thân tín nắm giữ các bộ trong chính phủ nhằm thực hiện chương trình đã được đề ra. Đến ngày phải chọn người giữ chức vụ quan trọng nhất là Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng, các bạn có biết Tổng Thống Lincoln đã chọn ai không? Không ai khác ngoài Stanton! Quyết định này đã làm dư luận xôn xao và các cố vấn thân tín đã phải lên tiếng can gián Tổng Thống: "Ngài đã phạm sai lầm. Ngài có biết Stanton là ai không? Và đã chống lại ngài quyết liệt như thế nào không? Stanton là kẻ thù của ngài và sẽ tìm cách phá hoại chương trình ngài đã đề ra. Ngài đã suy nghĩ kỹ chưa?" Tổng Thống Lincoln đã trả lời

một cách lịch sự và thẳng thắn: "Tôi biết Stanton cũng như những điều Stanton đã nói và đã làm để chống lại tôi. Nhưng, tại quốc gia này, nhìn kỹ, tôi thấy Stanton là người thích hợp nhất để giữ chức Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng". Và trong cương vị của mình, Stanton đã tận tình phục vụ Tổng Thống và Quốc Gia mình. Vài năm sau, Tổng Thống Lincoln bị ám sát. Nhiều người đã hết lời ca ngợi Lincoln. H. G. Wells xem Abraham Lincoln là một trong sáu người vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại. Nhưng một trong số những lời đã được nói để ca ngợi Tổng Thống Lincoln, không một lời nào có thế sánh được với những lời Stanton đã nói. Đứng trước thi hài của người một thời đã là kẻ thù của mình, Stanton đã nói về Abraham Lincoln như một con người vĩ đại nhất đã sinh ra trên trái đất này, và ông tuyên bố: "Từ nay, Abraham Lincoln thuộc về lịch sử".

Nếu Lincoln thù ghét Stanton, thì cả hai đều xuống mồ như kẻ thù. Nhưng nhờ sức mạnh tình yêu, Lincoln đã biến thù thành bạn. Ông cũng đã có một thái độ tương tự như vậy đối với Miền Nam trong cuộc nội chiến, khi chiến sự đến hồi ác liệt nhất. Một trong số quý bà nghe ông diễn thuyết, đã tỏ thái độ bất bình về cách phát biểu của Tổng Thống. Ông nói: "Biến thù thành bạn, phải chăng đã là tiêu diệt được kẻ thù rồi?" Đây chính là sức mạnh của tình yêu có sức cứu độ.

Tuy vậy, chúng ta phải nói ngay rằng các lý do trên khiến chúng ta yêu kẻ thù cũng chưa phải là lý do quyết định. Lý do căn bản nhất và được diễn tả rõ ràng nhất chính là lý do Đức Giêsu đã nêu lên khi nói: "Anh em hãy yêu kẻ thù ?. Như vậy, anh em mới được trở nên con cái của Cha anh em, Đấng ngự trên trời". Chúng ta được mời gọi làm công việc khó khăn này cốt là để cùng với Thiên Chúa tạo nên được một mối tương quan độc nhất vô nhị. Chúng ta có thể trở thành con cái Thiên Chúa. Nhờ yêu thương, chúng ta có thể biến khả năng này thành hiện thực. Chúng ta phải yêu kẻ thù vì, như vậy, chúng ta mới có thể biết được Thiên Chúa và nhận biết Thiên Chúa là Đấng Thánh.

Hiển nhiên là những điều tôi vừa nói có liên quan đến vấn đề phân biệt chủng tộc. Sẽ không bao giờ có được một giải pháp lâu dài cho vấn đề này bao lâu các người bị áp bức chưa yêu kẻ thù. Bóng tối của nạn kỳ thị chủng tộc chỉ có thể bị xóa tan bởi ánh sáng của tình yêu tha thứ. Hơn ba thế kỷ, các người Mỹ da đen đã bị ngược đãi, ban ngày thì chịu đòn vọt, ban đêm thì bị ức hiếp một cách bất công và tàn nhẫn. Sống trong tủi nhục, hẳn chúng ta cũng muốn lấy ác báo ác, lấy hận thù đối lại hận thù. Nhưng nếu điều này xảy ra, thì trật tự mới chúng ta muốn xây dựng chẳng qua cũng chỉ là bản sao của trật tự cũ. Với tất cả sức mạnh và lòng khiêm nhường, chúng ta phải lấy tình yêu đối lại hận thù.

Dĩ nhiên làm như vậy quả là không thực tế. Sống là chiến đấu, cạnh tranh, giành giật, ăn miếng trả miếng. Thế mà tôi lại nói với các bạn rằng Đức Giêsu dạy chúng ta phải yêu kẻ thù và cầu nguyện cho những kẻ đã ngược đãi các bạn. Cũng như đa số các nhà giảng thuyết, phải chăng tôi cũng chỉ là

một người quá lý tưởng để quên mất thực tế? Các bạn có thể nghĩ rằng, trong một thế giới mộng tưởng nào đó, thì điều tôi nói còn có thể nghe được, còn trong thế giới lạnh lùng, nghiệt ngã như thế giới chúng ta, thì hẳn là không nghe được rồi.

Thưa các bạn, trong quá khứ, chúng ta đã đánh mất quá nhiều thời gian khi đi theo một đường lối tạm gọi là thực tế, và nó đã dẫn chúng ta đến xáo trộn sâu xa và hỗn loạn. Nhiều cộng đồng đã lún sâu vào hận thù và bạo lực. Vì lợi ích của quốc gia chúng ta, vì lợi ích của toàn thể nhân loại, chúng ta phải từ bỏ đường lối này. Làm như vậy không có nghĩa là chúng ta không còn cố gắng đấu tranh cho công lý. Còn chút sức lực nào, chúng ta sẽ dùng nó để giải thoát quốc gia này khỏi cơn ác mộng của nạn kỳ thị chủng tộc. Nhưng trong quá trình đấu tranh, chúng ta không bao giờ từ bỏ bổn phận phải yêu kẻ thù. Dấn thân chống lại nạn kỳ thị chủng tộc, chúng ta hết lòng yêu thương những kẻ kỳ thị chủng tộc. Không có cách nào khác để chúng ta tạo nên một cộng đồng trong đó mọi người yêu thương nhau. Với những người thù ghét chúng ta nhất, chúng ta nói: "Quý vị làm chúng tôi đau khổ; để chống lại, chúng tôi chịu đựng đau khổ. Quý vị dùng bạo lực; để chống lại, chúng tôi dùng sức mạnh tinh thần. Đối với chúng tôi, quý vị muốn làm gì tùy ý; chúng tôi vẫn hết lòng yêu thương quý vị. Theo lương tâm, chúng tôi không thể tuân theo những luật lệ quý vị áp đặt, vì không cộng tác làm điều ác cũng quan trọng như cộng tác làm điều lành. Quý vị tống chúng tôi vào ngục, chúng tôi vẫn yêu thương quý vị. Quý vị sai các tên khủng bố gieo rắc khiếp sợ trong các cộng đồng chúng tôi vào ban đêm, chúng tôi vẫn yêu thương quý vị. Xin quý vị biết cho rằng khả năng chịu đựng đau khổ của chúng tôi sẽ làm quý vị nản lòng, kiệt sức. Một ngày kia chúng tôi sẽ giành được tự do, nhưng không chỉ cho chúng tôi mà thôi. Chúng tôi sẽ gửi đến quý vị một lời kêu gọi đủ sức thức tỉnh lương tâm, lay chuyển con tim và biến đổi quý vị thành những người anh em trong khi chúng ta cùng nhau tiến bước trên đường đời. Như vậy, chúng tôi đã chiến thắng hai lần rồi vậy".

Tình yêu là sức mạnh tồn tại lâu dài nhất ở thế gian này. Như được minh chứng một cách rõ ràng nơi đời sống Đức Giêsu, tình yêu sáng tạo là công cụ hữu hiệu nhất mà nhân loại có thể sử dụng trong công cuộc tìm kiếm hòa bình và an toàn. Napoléon Bonaparte là một thiên tài quân sự vĩ đại. Người ta kể lại rằng, sau nhiều năm chinh chiến, ông đã nhận định như sau: "Alexandre, César, Charlemagne và tôi đã lập được những đế quốc rộng lớn. Nhưng nhờ vào gì? Nhờ sức mạnh. Thế mà, nhiều thế kỷ trước đây, Đức Giêsu đã lập một đế quốc đặt nền tảng trên tình yêu và, cho đến ngày nay, hàng triệu người vẫn sẵn sàng chịu chết vì Người". Ai có thể nghi ngờ tính xác thực của lời nhận định này? Các thiên tài quân sự đã biến mất; các đế quốc rộng lớn đã sụp đổ. Còn đế quốc mà Đức Giêsu đã lập và đặt nền tảng vững chắc trên tình yêu thì vẫn tồn tại và không ngừng phát triển rộng lớn. Đức Giêsu đã bắt đầu với một nhóm người dấn thân, thấm nhuần tinh thần

của Người. Nhờ vậy, họ đã mở toang cánh cửa đế quốc Rôma, và rao giảng Tin Mừng khắp mọi nơi. Ngày nay, đế quốc trần thế của Đức Kitô gồm hơn chín trăm triệu người, sinh sống khắp trên mặt đất. Ngày nay, chúng ta lại nghe nhắc lại lời hứa về một cuộc chiến thắng:

"Đức Giêsu ngự trị khắp nơi
bao lâu mặt trời chiếu soi ban ngày;
Triều đại Người lan rộng khắp nơi
bao lâu mặt trăng chiếu soi ban đêm."

Và một đoàn hợp xướng khác hân hoan đáp lại:
"Nơi Đức Kitô chẳng có Đông và chẳng có Tây,
chẳng có Nam và chẳng có Bắc.
Nơi Đức Kitô tình yêu huynh đệ
liên kết mọi người trên toàn cõi đất."

Đức Giêsu luôn có lý. Lịch sử để lại biết bao cánh đồng đầy ắp xương khô tại những quốc gia đã từ chối nghe lời Người. Thế kỷ XX này, ước gì chúng ta biết nghe lời Người và đem ra thực hành, trước khi quá trễ! Ước gì chúng ta ý thức được rằng chúng ta sẽ không bao giờ là con cái đích thực của Cha chúng ta ở trên trời, trừ khi chúng ta yêu kẻ thù và cầu nguyện cho kẻ ngược đãi chúng ta.

NỬA ĐÊM CÓ NGƯỜI GÕ CỬA

"Ai trong anh em có một người bạn và nửa đêm đến nhà người ấy mà nói: 'Bạn ơi cho tôi vay ba cái bánh, vì tôi có anh bạn lỡ đường và tôi không có gì dọn cho anh ta ăn cả ?" (Lc 11,5-6).

Nửa đêm là thời điểm con người cố gắng giữ thật đúng "Điều răn thứ mười một" là "Chớ để bị bắt tại trận". Theo nền luân lý này, tội trọng nhất là "tội bị bắt tại trận"; nhân đức trọng nhất là tránh khỏi bị bắt tại trận. Nói dối là hoàn toàn phù hợp với nền luân lý này, nhưng phải biết nói dối thật khôn khéo, thật tài tình

Mặc dầu dụ ngôn này muốn nói đến sức mạnh của lời cầu nguyện kiên trì nhưng cũng có thể làm nền tảng cho các suy tư của chúng ta về nhiều vấn đề quan trọng hiện nay và về cách thức Giáo Hội đã đối phó với các vấn đề ấy.

I. Đời sống xã hội chúng ta đang ở vào thời điểm nửa đêm. Trên chính trường quốc tế, các quốc gia đang đối đầu với nhau một cách quyết liệt và ra sức giành giật ưu thế bằng mọi giá. Hai cuộc thế chiến đã xảy ra trong thời gian một thế hệ và những đám mây kéo đến đen nghịt như báo trước một cuộc thế chiến khác sắp xảy đến. Ngày nay, con người nắm chắc trong tay vũ khí nguyên tử, hạt nhân có sức hủy diệt các đô thị lớn trên khắp thế giới trong khoảng khắc vài ba giây đồng hồ. Cuộc chạy đua vũ trang vẫn còn tiếp tục, các cuộc thử nghiệm hạt nhân vẫn được tiến hành, các tia phóng xạ không ngừng làm ô nhiễm không khí chúng ta hít thở. Phải chăng khí giới nguyên tử và ô nhiễm môi trường đang dẫn nhân loại tới chỗ diệt vong?

Trong quá khứ, vào thời điểm nửa đêm trong đời sống xã hội, chúng ta đã phải cậy dựa vào khoa học. Điều này không làm chúng ta phải ngạc nhiên. Trong rất nhiều trường hợp, khoa học đã chẳng cứu chúng ta đó sao? Khi chúng ta ở trong đêm tối là yếu kém về thể lực, thiếu thốn về tiện nghi, thì khoa học đưa chúng ta đến bình minh là các tiện nghi vật chất, làm cho cuộc sống trở nên dễ chịu hơn. Khi chúng ta ở trong đêm tối là ngu dốt và mê tín, thì khoa học đã đưa chúng ta đến bình minh là tự do và tinh thần cởi mở. Khi chúng ta ở trong đêm tối là bệnh tật, thì khoa học đã đưa chúng ta đến bình minh là sức khỏe, với các tiến bộ về y học, phẫu thuật, vệ sinh, và, nhờ vậy, chúng ta được bảo vệ tốt hơn và sống thoải mái hơn. Vì thế, tin tưởng vào khoa học là điều tự nhiên, trong khi các vấn đề thế giới ngày càng tỏ ra khó khăn hơn, xấu hơn nữa là đàng khác.

Nhưng than ôi! Khoa học không thể cứu chúng ta vì các người làm công tác khoa học cũng đang tiến sâu vào đêm tối dày đặc của thời đại chúng ta. Trong thực tế, khoa học cung cấp cho thời đại chúng ta những phương tiện có thể đưa vũ trụ này đến chỗ tự hủy diệt mình. Trong đời sống xã hội, con người ngày nay phải đối phó với đêm tối thật khủng khiếp, kinh hoàng.

Song song với đêm tối trong đời sống tập thể và ngoại giới, còn có đêm tối trong đời sống cá nhân và nội tâm con người. Đây chính là thời điểm nửa đêm của đời sống tâm linh. Đâu đâu cũng thấy xuất hiện những nỗi sợ hãi đang làm tê liệt và hành hạ con người ban ngày, cũng như đang đeo đuổi và ám ảnh con người vào ban đêm. Những nỗi lo âu, trầm uất cứ lơ lửng như những đám mây trong bầu trời là tâm trí chúng ta. Tại bệnh viện, các phòng chữa trị tâm bệnh không còn một chỗ trống, và các bác sĩ được trọng vọng ngày nay chính là các bác sĩ tâm thần, các nhà phân tâm học. Trong lãnh vực tâm lý học, các sách bán chạy nhất là những sách đại loại như: "Con người chống lại chính mình", "Con người thời đại ngày nay trên đường đi tìm một 'linh hồn'". Trong lãnh vực tôn giáo, các sách được nhiều người đọc nhất là những cuốn như: "Tinh Thần và Bình An tâm hồn", "Tâm hồn thanh thản". Các nhà giảng thuyết cũng triển khai những chủ đề hợp thời có sức thoa dịu, chẳng hạn như "Làm thế nào để sống hạnh phúc?" hay "Làm thế nào để thư giãn?". Một số người cũng đã cố gắng "xét lại" lệnh truyền của Đức Giêsu thành một lệnh truyền được diễn tả như sau: "Hãy đi khắp thế gian, hãy giữ huyết áp thấp và Ta sẽ làm cho con trở thành những kẻ thích ứng với thời đại ngày nay". Tất cả những điều này cho thấy đời sống nội tâm của con người, nam cũng như nữ, đang ở vào thời điểm nửa đêm.

Đời sống luân lý cũng đang ở vào thời điểm nửa đêm. Trong đêm tối, các màu sắc mất hết sắc độ và hòa lẫn với nhau để trở thành bóng đêm xám xịt. Các nguyên tắc luân lý cũng mất đi nét đặc trưng của chúng. Đối với con người ngày nay, điều tốt tuyệt đối và điều xấu tuyệt đối lệ thuộc vào cách xử sự và hành động của đám đông dân chúng. Tốt và xấu lệ thuộc vào thị hiếu và thói quen của một cộng đồng nhất định. Một cách vô thức, chúng ta đang

áp dụng thuyết tương đối của Einstein trong lãnh vực vật lý vào lãnh vực luân lý.

Nửa đêm là thời điểm con người cố gắng giữ thật đúng "Điều răn thứ mười một" là "Chớ để bị bắt tại trận". Theo nền luân lý này, tội trọng nhất là "tội bị bắt tại trận"; nhân đức trọng nhất là tránh khỏi bị bắt tại trận. Nói dối là hoàn toàn phù hợp với nền luân lý này, nhưng phải biết nói dối thật khôn khéo, thật tài tình. Lấy của người ta cũng vậy; những kẻ lấy của người ta phải tỏ ra mình là kẻ điệu nghệ để, nếu có bị bắt tại trận, thì đây chỉ là lạm dụng lòng tin tưởng của người khác chứ không phải là lấy của người khác, tức là ăn trộm. Thù ghét cũng vậy. Được phép thù ghét, nhưng phải mặc cho nó bộ áo của tình yêu để thù ghét mang dáng vẻ yêu thương. Trong cuộc đấu tranh sinh tồn, Darwin chủ trương rằng kẻ tồn tại là kẻ biết thích nghi cách tốt nhất. Còn trong đời sống luân lý, người ta thay thế khái niệm trên đây bằng một thứ triết lý, theo đó, kẻ tồn tại là kẻ gian manh nhất. Cách suy nghĩ và hành động như thế chỉ có thể làm cho các chuẩn mực luân lý trượt dốc thê thảm và đêm tối lại càng đen tối hơn mà thôi.

II. Trong thế giới ngày nay, cũng như trong dụ ngôn, đêm tối bị "đánh động" bởi tiếng gõ cửa. Nhiều triệu người đã đến gõ cửa Giáo Hội. Tại quốc gia này, "Sổ Nhân Danh" chưa bao giờ lại dày cộm như bây giờ. Hơn 115 triệu người đã ghi tên làm thành viên của một giáo hội hay hội đường. Như thế, số tín hữu đã tăng 100% kể từ năm 1929, trong khi dân số chỉ tăng 31%.

Chúng ta không thể phóng đại tầm quan trọng của số lượng và cũng phải đề cao cảnh giác để khỏi lẫn lộn sức mạnh đích thực của số lượng với chất lượng. Điều mà có người đã gọi là "một cuộc tăng vọt về số lượng" thực chất không phải là thước đo chính xác về chất lượng. Tăng số lượng không đương nhiên đưa đến tăng chất lượng. Một cộng đoàn có nhiều thành viên hơn, không đương nhiên là một cộng đoàn gắn bó với Đức Kitô. Hình như, trong đại đa số trường hợp, chính một thiểu số sáng tạo, dấn thân đã làm cho thế giới này trở nên tốt hơn. Nhưng nếu tăng số thành viên không đương nhiên là tăng tinh thần dấn thân, thì vẫn có điều gì đó đúng khi hàng triệu người nghĩ rằng Giáo Hội có thể cung cấp câu trả lời cho các biến động sâu xa đang làm đảo lộn cuộc sống của họ. Giáo Hội là cột mốc quen thuộc duy nhất cho người lữ khách mệt mỏi vào thời điểm nửa đêm. Giáo Hội là ngôi nhà duy nhất đứng vững tại nơi mà Giáo Hội đã có mặt, ngôi nhà mà người lữ khách quyết định hay từ chối tìm đến vào thời điểm nửa đêm. Một số người quyết định không bao giờ tìm đến với Giáo Hội. Còn những người tìm đến với Giáo Hội, thì họ gõ cửa và tìm kiếm một cách tuyệt vọng cái bánh mà họ đang cần.

Người lữ khách xin ba cái bánh. Bánh thứ nhất là bánh niềm tin. Trong một thế hệ thất vọng bởi biết bao ảo tưởng, con người đánh mất niềm tin vào Thiên Chúa, vào con người, và vào tương lai. Nhiều người đồng ý với điều William Wilberforce đã nói năm 1801: "Tôi không dám cưới vợ ? Tương lai quá bấp bênh", hay với điều William Pitt đã nói năm 1806: "Chung quanh

chúng ta chỉ còn lại điêu tàn và thất vọng". Trong số những con người tuyệt vọng này, có nhiều người xin bánh niềm tin.

Bánh thứ hai là bánh niềm hy vọng. Trong những năm đầu thế kỷ XX, ít ai xin bánh này. Những máy điện thoại, xe hơi, phi cơ đầu tiên đã đưa họ lên tận trời cao, hồ hởi phấn khởi. Họ thờ lạy Thần Tiến Bộ. Họ tin rằng mỗi tiến bộ mới trong các lãnh vực khác nhau sẽ đưa con người đến một mức hoàn thiện cao hơn. Thế nhưng, tiến trình tiến bộ đã cho thấy rõ tính ích kỷ và sự thối nát của con người và, như thế, chứng minh điều mà Lord Acton đã nói trước đây là đúng: "Quyền bính có khuynh hướng làm thối nát, và quyền bính tuyệt đối chỉ làm thối nát hoàn toàn mà thôi". Một khi khám phá ra điều đáng ghê sợ này, chưa bao giờ trong lịch sử, con người lại đánh mất hết lạc quan như thế. Đối với biết bao nhiêu người, già cũng như trẻ, ánh sáng của niềm hy vọng đã tắt và họ bắt đầu lang thang mệt mỏi, chìm sâu xuống vực thẳm bi quan. Nhiều người kết luận rằng: cuộc sống chẳng có ý nghĩa gì cả! Có người tâm đắc với triết gia Schopenhauer khi ông cho rằng cuộc sống chỉ là đau khổ triền miên, và cũng chỉ chấm dứt trong đau khổ, hay cuộc sống chỉ là một bi hài kịch được diễn đi diễn lại với một vài thay đổi nhỏ trong phần dàn dựng. Có người tán thành ý kiến của nhân vật Macbeth trong vở kịch của Shakespeare cho rằng cuộc sống chỉ là một câu chuyện được kể lại bởi một thằng khùng, khua chiêng gõ trống rùm beng nhưng rốt cuộc chẳng ra trò trống gì. Thế nhưng, trong những giờ phút tuyệt vọng không thể thiếu của cuộc sống, con người biết rằng không hy vọng gì thì không thể sống được, nên họ lại chạy đến gõ cửa Giáo Hội và xin bánh niềm hy vọng.

Cuối cùng bánh thứ ba là bánh tình thương. Mỗi người đều ước mong yêu thương và được yêu thương. Người không cảm thấy được yêu thương thì có ấn tượng mình không đáng kể đối với người khác. Nhiều điều xảy ra trong thế giới ngày nay cho con người thấy rằng chúng chẳng liên quan gì đến mình. Cuộc sống trong một thế giới đang bóp chết con người làm cho nhiều người có ấn tượng rằng chẳng qua chúng ta chỉ là những con số. Ralp Borsodi đã mô tả cách sâu sắc thế giới trong đó, tại nhà hộ sinh, người mẹ mang số 8434, khi người ta lấy các dấu tay, người con trở thành số 8003 và khi chết, đám tang được cử hành tại phòng B, với các vòng hoa, màn trướng loại B, do mục sư số 14 và ca viên số 84 hát bài tiễn biệt số 174. Kinh hoàng trước khuynh hướng biến con người thành một con số, một cột trong cuốn sổ ghi chép, con người tìm đến với Giáo Hội và gõ cửa khẩn thiết xin bánh tình thương.

III. Nhân vật trong dụ ngôn đến gõ cửa nhà người bạn và xin vay ba chiếc bánh, nhưng anh bạn cự tuyệt: "Xin đừng quấy rầy tôi, cửa đã đóng cả rồi, các cháu lại ngủ cùng giường với tôi, tôi không thể dậy lấy bánh cho anh được". Biết bao lần nhiều người đã thất vọng khi đến gõ cửa Giáo Hội. Hàng triệu người châu Phi đã gõ cửa Giáo Hội để xin bánh công bằng xã hội, nhưng Giáo Hội đã làm ngơ và họ chỉ nhận được một câu trả lời chung

chung rằng vấn đề sẽ được giải quyết sau, nghĩa là không bao giờ được giải quyết cả. Hàng triệu người da đen châu Mỹ đói khát tự do cũng đã nhiều lần gõ cửa Giáo Hội gọi là Giáo Hội của người da trắng, nhưng cũng chỉ được đón tiếp bằng một thái độ lạnh nhạt, giả hình. Ngay cả những người lãnh đạo Giáo Hội muốn mở cửa cho bánh cũng tỏ ra thận trọng hơn là can đảm, và thường giải quyết vấn đề theo giải pháp hoàn cảnh hơn là theo luật lệ luân lý. Một trong những thảm kịch ô nhục nhất của lịch sử nhân loại là cái cơ chế đáng lẽ phải đưa con người thoát khỏi thời điểm nửa đêm là sự phân biệt chủng tộc, thì lại cộng tác với những kẻ muốn kéo dài thời điểm này?. Vai trò của Giáo Hội luôn phải là phê phán, hướng dẫn chứ không phải tiếp tay cho các cơ chế chính trị, kinh tế và phân biệt chủng tộc đang cầm giữ con người trong thời điểm nửa đêm. Nếu Giáo Hội không tìm lại được vai trò ngôn sứ của mình thì sẽ mau chóng trở thành một câu lạc bộ vừa không có hiệu quả vừa không có uy tín về mặt tinh thần cũng như về đạo đức. Nếu Giáo Hội không tích cực tham gia đấu tranh cho hòa bình, công bằng xã hội, hòa hợp chủng tộc, thì Giáo Hội sẽ phản bội hàng triệu tín hữu trung thành và đẩy họ đến chỗ phải nói lên khắp nơi rằng Giáo Hội đã đánh mất ý chí của mình. Nhưng nếu Giáo Hội biết tự giải thoát khỏi các xiềng xích đang cầm giữ mình trong tình trạng như hiện có và, nhờ vậy, tìm lại được sứ mạng của mình trong dòng lịch sử nhân loại, thì Giáo Hội sẽ lên tiếng và hành động với lòng can đảm, kiên trì để cổ võ cho hòa bình và công lý. Giáo Hội sẽ khơi dậy trí sáng tạo và nung đốt tâm hồn con người bằng cách truyền đạt cho họ lòng ái mộ chân lý, công lý và hòa bình. Nhờ vậy mỗi người gần xa sẽ nhận thấy trong Giáo Hội tình huynh đệ đại đồng đem lại ánh sáng và bình an cho những người lữ khách đang mò mẫm trong đêm tối.

IV. Chúng ta nhận thấy rằng, sau khi bị từ chối cho vay bánh, nhân vật trong dụ ngôn vẫn tiếp tục gõ cửa, quấy rầy, và cuối cùng, thuyết phục được người bạn dậy ra mở cửa. Nhiều người vẫn tiếp tục gõ cửa Giáo Hội vào lúc nửa đêm, mặc dầu trước đó họ đã phải thất vọng, vì họ biết rằng Giáo Hội có bánh sự sống. Giáo Hội ngày nay đang bị thách đố công bố cho mọi người biết rằng Con Thiên Chúa, Đức Giêsu Kitô, là niềm hy vọng của họ trong tất cả các vấn đề phức tạp thuộc lãnh vực cá nhân cũng như xã hội. Nhiều người trẻ gõ cửa Giáo Hội vì họ lo âu trước cuộc sống bấp bênh đầy thất vọng giữa các thăng trầm của lịch sử. Trong số những người trẻ này, có nhiều người đã phải rời bỏ gia đình, nhà trường, xí nghiệp để trở thành những người lính tại chiến trường. Chúng ta phải đem lại cho họ bánh niềm hy vọng và khơi dậy nơi họ xác tín rằng Thiên Chúa Quyền Năng có thể thực hiện điều tốt lành từ điều xấu xa. Cũng có những người trẻ đã phải hối hận khi để mình chìm sâu vào đêm tối bằng cách xem mọi sự chỉ là tương đối trong lãnh vực luân lý hay bằng cách khẳng định mình bằng mọi phương thế. Chúng ta phải dẫn họ đến với Đức Kitô để Người ban cho họ bánh tha thứ. Cũng có những người gõ cửa Giáo Hội vì hoảng sợ trước cái chết. chúng ta phải đem đến cho họ bánh niềm tin vào tính bất tử, để họ hiểu rằng cuộc sống trần thế chỉ là khúc dạo đầu của cuộc sống mai sau.

Nửa đêm là thời điểm đáng sợ. Vào thời điểm này chúng ta khó lòng giữ vững niềm tin. Điều mà Giáo Hội có thể nói như một điều an ủi chúng ta, đó là không có một đêm tối nào lại có thể kéo dài quá lâu. Người lữ khách mệt mỏi trong đêm tối đến gõ cửa xin bánh, thật ra là người đang mong đợi bình minh. Sứ điệp đem lại niềm hy vọng mà chúng ta phải công bố: đó là bình minh phải xuất hiện. Các tổ phụ chúng ta là những người da đen nô lệ. Họ đã biết rõ điều này. Họ không bao giờ quên được đêm tối, cây roi da trong tay những tên quản đốc, cuộc ngã giá giữa các ông chủ, gia đình phân tán; tất cả luôn nhắc họ nhớ lại thân phận người nô lệ. Và mỗi lần nhớ đến đêm tối bao trùm cuộc đời, họ lại cất tiếng hát:

"Ôi! Chẳng một ai hiểu hết
nỗi ô nhục tôi phải chịu.
Lạy Chúa tôi! Halleluia!
Khi tôi trồi lên, khi tôi ngụp xuống,
Ôi! Lạy Chúa tôi!
Khi tôi hầu như chết chìm,
Ôi! Lạy Chúa tôi!
Ôi! Chẳng một ai hiểu hết
nỗi ô nhục tôi phải chịu.
Lạy Chúa tôi! Tôn vinh Chúa. Halleluia!

Ngập chìm trong đêm tối khắc nghiệt nhưng luôn xác tín rằng bình minh sẽ xuất hiện, họ cất tiếng hát:

"Tôi mừng vui
vì khổ nhục không kéo dài mãi mãi
Lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi, tôi sẽ làm gì?"

Các tổ phụ chúng ta đã xác tín rằng bình minh sẽ xuất hiện sau đêm tối, vì họ đã tin vào Thiên Chúa, Đấng nhân hậu và xét xử công bằng. Ai tin như vậy thì biết rằng các đau khổ không phải là dấu chấm hết của cuộc đời con người. Kẻ ấy có thể vượt qua đêm tối mà vẫn luôn xác tín rằng mọi sự đều có thể mưu ích cho những ai yêu mến Thiên Chúa.

Trong giai đoạn đầu của cuộc tẩy chay xe buýt công cộng tại Montgomery, bang Alabama, chúng tôi đã tổ chức một hệ thống đưa đón công nhân bằng xe hơi tư nhân. Hệ thống chuyên chở này hoạt động rất tốt trong thời gian mười một tháng. Sau đó, thị trưởng Gayle đã chỉ thị cho cơ quan tư pháp của thành phố phải nghiên cứu luật pháp để chấm dứt hệ thống xe hơi tư nhân tự nguyện đưa đón công nhân và đồng thời để ngăn chặn mọi hình thức chuyên chở tư nhân phát xuất từ cuộc tẩy chay hệ thống xe buýt công cộng. Phiên tòa được triệu tập vào ngày Thứ Ba 13 tháng 11 năm 1956.

Khi cuộc họp hàng tuần được dự định vào trước ngày ra Tòa, tôi cảm thấy mình có trách nhiệm phải báo trước cho mọi người biết rằng rất có thể Tòa sẽ ra lệnh không cho phép hệ thống đưa rước hoạt động như trước đây nữa. Tôi biết rằng họ đã tự nguyện chấp nhận cực nhọc suốt mười một tháng nay,

nhưng chẳng lẽ bây giờ tôi lại bảo họ phải cuốc bộ sao? Và nếu không làm như vậy, thì chúng tôi sẽ phải chấp nhận thất bại trong cuộc đấu tranh này hay sao? Lần đầu tiên, tôi cảm thấy lo âu, sợ hãi khi thấy mình sẽ phải chủ trì cuộc họp.

Chiều đến, trong cuộc họp, tôi đã can đảm nói cho họ biết tất cả sự thật. Tuy vậy, tôi cũng đã cố gắng kết luận với một tia hy vọng: "Trong những tháng qua, chúng ta hành động và tin tưởng rằng Thiên Chúa luôn đứng về phía chúng ta trong cuộc đấu tranh này. Kinh nghiệm trong thời gian qua đã chứng minh điều đó một cách tuyệt vời. Chiều nay, chúng ta phải tin rằng một con đường sẽ được khai mở tại nơi không còn con đường nào nữa". Nhưng tôi vẫn nhận thấy rằng bầu khí bi quan bao trùm cử tọa. Hy vọng bị dập tắt và niềm tin bị chao đảo.

Vài giờ sau, thẩm phán Carter chủ tọa phiên tòa. Đại diện thành phố đọc bản cáo trạng cho thấy chúng tôi đã thành lập một tổ chức tư nhân chuyên chở công nhân mà không có giấy phép của thành phố. Các luật sư chúng tôi đã hùng hồn biện hộ rằng tổ chức nói trên đơn thuần là một tổ chức tự nguyện, phi lợi nhuận do các Giáo Hội người da đen lập ra để phục vụ các thành viên của mình mà thôi. Nhưng mọi sự cho thấy trước rằng thẩm phán Carter sẽ xử cho thành phố thắng kiện.

Trong giờ nghỉ trưa, tôi nhận thấy tòa án sôi động hẳn lên. Thị trưởng Gayle được mời vào hậu trường, nơi có nhiều nhà báo ra vào hối hả. Bỗng một nhà báo tiến lại chỗ tôi đang ngồi trong tư cách là bị cáo. Ông nói: "Đây, quyết định các ông đang chờ đợi! Hãy cầm lấy và đọc đi! Quyết định trả tự do cho các ông đó!"

Vừa lo âu, vừa hy vọng, tôi đọc: "Tòa Án Tối Cao Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ nhất trí phán quyết: phân biệt chủng tộc trong hệ thống xe buýt tại Montgomery, bang Alabana, là bất hợp hiến". Tim tôi đập mạnh, mừng vui khôn xiết. Giờ đen tối nhất trong cuộc đấu tranh đã trở thành giờ chiến thắng - cuộc chiến thắng thứ nhất mà chúng tôi đã giành giật được. Từ cuối phòng xử án, có ai đó đã hô lớn tiếng: "Thiên Chúa Toàn Năng đã nói từ Washington!"

Bình minh sẽ xuất hiện. Buồn phiền, nhọc nhằn, thất vọng phát sinh vào thời điểm nửa đêm. Nhưng, sau đó, ánh sáng bình minh sẽ ló dạng. Tác giả thánh vịnh đã nói:

"Lệ có rơi khi màn đêm buông xuống,
hừng đông về đã vọng tiếng hò reo" (Tv 29,5)

Niềm tin xua đuổi tuyệt vọng và đem ánh sáng đến tận mọi ngõ ngách chứa đầy bi quan.

KẺ NGU NGỐC

"Đồ ngốc, nội đêm nay, người ta sẽ đòi lại mạng ngươi" (Lc 12, 20)

Khoa học chỉ có thể cho ta một sức mạnh vật chất tàn phá vũ trụ này, nếu nó không được kiểm soát bởi một sức mạnh tinh thần.

Tôi muốn kể cho các bạn nghe một câu chuyện bi thảm mà kết luận lại trực tiếp liên quan đến chúng ta một cách rất sâu sắc. Đó là câu chuyện của một con người mà, theo cách đánh giá thời đại ngày nay, có thể xem là một con người thành đạt về mọi mặt. Nhưng Đức Giêsu lại xem là "kẻ ngu ngốc".

Nhân vật chính của câu chuyện là "một người giàu có", ruộng nương sinh nhiều hoa lợi, đến nỗi ông quyết định xây nhiều kho mới, lớn hơn. Ông nói: "Ta sẽ tích trữ tất cả thóc lúa và của cải vào đó" và "ta sẽ nhủ lòng: Hồn ta hỡi, mình bây giờ ê hề của cải, dư xài nhiều năm, cứ nghỉ ngơi, ăn uống, vui chơi cho đã". Nhưng Thiên Chúa bảo ông ta: "Đồ ngốc, nội đêm nay, người ta sẽ đòi lại mạng ngươi" (x. Lc 12,16 -20). Và chuyện đã xảy ra đúng như vậy. Ở tận đỉnh cao của vinh hoa phú qúy, người giàu có ấy phải lìa bỏ đời này.

Các bạn hãy xem con người này. Nếu ông sống vào thời đại ngày nay, mọi người sẽ xem ông là một nhân vật vị vọng, một con người có địa vị cao trong xã hội, được mọi người nể trọng. Có thể ông là một "ông vua" trong lãnh vực kinh tế. Thế mà, một người nhà quê miền Galilê lại gọi ông là "kẻ ngu ngốc".

Đức Giêsu đã không xem ông là "kẻ ngu ngốc" vì ông có nhiều của cải. Người không bao giờ lên án của cải nói chung, nhưng lên án cách sử dụng của cải. Cũng như mọi thứ sức mạnh khác, như điện chẳng hạn, tiền bạc tự nó không có giá trị đạo đức. Nó có thể sử dụng cho việc tốt cũng như việc xấu. Đành rằng Đức Giêsu đã nói với người thanh niên giàu có phải "bán hết của cải anh có"; nhưng trong trường hợp này, như Goerge A. Buttrick đã nhận định, Đức Giêsu kê một toa thuốc dành cho một con người nhất định, chứ không đưa ra một chẩn đoán chung dành cho mọi người. Tự bản chất, của cải không phải là xấu xa, và, tự bản chất, nghèo khó cũng không phải là nhân đức.

Đức Giêsu cũng không lên án ông là "kẻ ngu ngốc", vì có thể ông đã làm giàu một cách bất chính. Hình như câu chuyện cho thấy ông đã lao động cật lực, đã biết tận dụng thiên thời địa lợi và hoạch định một chương trình dài hạn như một nhà doanh nghiệp tài ba. Vậy tại sao ông lại là một "kẻ ngu ngốc"?

I. "Người giàu có" là "kẻ ngu ngốc" vì ông đã không phân biệt cùng đích của cuộc sống với các phương tiện giúp ông đạt tới cùng đích này, vì ông đã để cho cơ cấu kinh tế lấn át vận mệnh con người. Mỗi người chúng ta sống trên hai bình diện: bên trong là nội giới, bên ngoài là ngoại giới. Nội giới là phạm vi của cùng đích tinh thần, được biểu lộ qua nghệ thuật, văn học, đạo đức và tôn giáo. Ngoại giới là tổng hợp phức tạp gồm các chương trình, các kỹ thuật, các phương tiện cho phép ta duy trì và phát huy sự sống. Đó là ngôi nhà ta ở, cái xe ta đi, áo quần ta mặc, của cải ta có. Tắt một lời, là toàn

bộ hành trang vật chất ta cần để tồn tại. Ta sống nhờ phương tiện nhưng lại sống cho cùng đích. Vậy mà luôn có nguy cơ ta thường để cho phương tiện chiếm chỗ cùng đích, nội giới tan biến trong ngoại giới. "Người giàu có" là "kẻ ngu ngốc" vì ông không phân định rạch ròi ranh giới giữa phương tiện và cùng đích, điều kiện cuộc sống và vận mệnh con người. Đời sống của ông bị nhận chìm bởi các ngọn sóng là các phương tiện trong cuộc sống của ông.

Nói như vậy không phải là phủ nhận tầm quan trọng của các điều thuộc ngoại giới trong cuộc sống con người. Chúng ta vừa có quyền vừa có bổn phận tìm kiếm những phương tiện căn bản cần thiết cho cuộc sống. Một tôn giáo lệch lạc là thứ tôn giáo không cảm thấy cần phải quan tâm tới các điều kiện sống của con người về mặt kinh tế. Trái lại, một tôn giáo lành mạnh luôn ý thức được rằng tinh thần bị dày vò bao lâu thân xác còn phải chịu đói khát, không nơi trú ẩn. Đức Giêsu biết rõ ta cần có cơm ăn áo mặc, có nơi trú ẩn an toàn. Người nói lên điều này một cách rõ ràng, ngắn gọn: "Cha anh em biết rõ anh em cần gì" (Mt 6,8). Nhưng Đức Giêsu cũng biết rõ con người không phải là một con chó mà người ta có thể thỏa mãn cơn đói với vài cục xương. Người cũng biết rất rõ rằng điều thuộc nội giới cũng quan trọng như điều thuộc ngoại giới. Nên Người nói thêm: "Trước hết, anh em hãy tìm kiếm Nước Thiên Chúa và đức công chính của Người, còn tất cả những thứ kia, Người sẽ thêm cho" (Mt 6, 33). Lo lắng trước hết tìm kiếm phương tiện, và để cho cùng đích tan biến trong phương tiện: đó chính là thảm kịch của cuộc sống "người giàu có".

"Con người giàu có" này càng giàu có về của cải vật chất, thì đời sống tinh thần và thiêng liêng càng trở nên nghèo nàn. Có thể ông đã có vợ, nhưng chắc chắn ông không yêu vợ. Có thể ông đã tặng vợ những món quà đắt giá, nhưng chắc chắn ông không thể tặng vợ điều cần thiết nhất, đó là tình yêu. Có thể ông đã có con cái, nhưng chắc chắn ông không quý mến chúng. Có thể ông đã có rất nhiều sách quý, thuộc nhiều thời đại, đặt ngay ngắn trên giá để sách, nhưng chắc chắn ông đã chẳng bao giờ đọc. Có thể ông đã có tiền để mua những đĩa nhạc hay, nhưng chắc chắn ông đã không bao giờ nghe. Mắt ông không biết chiêm ngắm vẻ huy hoàng rực rỡ của trời cao. Tai ông không bao giờ nghe các giai điệu êm dịu của dàn nhạc trên thiên quốc. Tâm trí ông cũng không bao giờ chú ý đến điều các thi sĩ, các ngôn sứ, các triết gia muốn nói. Ông thật xứng với biệt danh của ông: "kẻ ngu ngốc".

II. "Người giàu có" là "kẻ ngu ngốc" vì ông đã không ý thức được rằng ông lệ thuộc rất nhiều vào người khác. Bài độc thoại của ông gồm khoảng chừng 60 chữ, thế mà đã có tới mười hai chữ "tôi". Ông đã nói "tôi" quá nhiều đến nỗi không còn có thể nói "chúng tôi". Là nạn nhân của một căn bệnh trầm kha, một thứ bệnh ung thư, đó là tính vị kỷ, nên ông không còn nhận thấy rằng của cải cá nhân là do của cải tập thể đem lại. Ông nói như thể chỉ có một mình ông là người làm ruộng, xây kho. Ông không thấy rằng ông là người thừa hưởng một kho tàng gồm các ý tưởng và các tiến bộ mà người

sống cũng như kẻ chết góp phần tạo nên. Khi một cá nhân hay một quốc gia không nhận biết sự lệ thuộc hỗ tương này, thì sẽ rơi vào một tình trạng điên rồ dẫn tới một thảm kịch.

Ý nghĩa của dụ ngôn này đối với cơn khủng hoảng hiện nay trên thế giới quả thật rõ ràng. Quốc gia chúng ta làm ra nhiều sản phẩm đến nỗi phải xây thêm nhiều kho mới, lớn hơn, rộng hơn, và phải chi trên một triệu đôla một ngày để có nơi cất giữ các sản phẩm dư thừa. Mỗi năm, chúng ta tự hỏi: "Mình phải làm gì đây? Vì còn chỗ đâu mà tích trữ hoa màu?" Câu trả lời cho câu hỏi này, tôi đã tìm thấy nơi khuôn mặt của hàng triệu người nam người nữ sống nghèo khổ tại châu Á, châu Mỹ Latinh, châu Phi. Câu trả lời cho câu hỏi này, tôi cũng đã tìm thấy nơi thung lũng nghèo khổ sông Missisippi, cũng như tại các khu nhà nghèo nàn là nơi ở của những người thất nghiệp tại các thành phố công nghiệp lớn thuộc miền bắc nước Mỹ. Ta có thể làm gì? Câu trả lời quả là đơn giản: cho kẻ đói ăn, cho kẻ trần truồng áo mặc, chăm sóc người đau yếu. Ta có thể cất giữ của cải ta ở đâu? Câu trả lời lại còn đơn giản hơn nữa: ta có thể cất giữ số thực phẩm dư thừa của chúng ta trong các bao tử trống rỗng của hàng triệu con cái Thiên Chúa, khi mỗi tối họ phải lên giường nằm ngủ mà không có gì để ăn. Làm như vậy, ta chẳng tốn kém đồng xu nào cả. Ta có thể sử dụng các tài nguyên to lớn của chúng ta để xóa bỏ sự nghèo đói khỏi mặt đất này.

Tất cả cho thấy rằng có một điều gì đó thật căn bản trong sự lệ thuộc giữa con người và các quốc gia với nhau. Dù có ý thức được hay không, mỗi người chúng ta là một con nợ đối với những người nam và người nữ mà chúng ta quen biết hay chẳng hề quen biết. Ta không thể ăn sáng mà không lệ thuộc vào hơn nửa phần nhân loại. Buổi sáng, khi thức dậy, bước vào phòng tắm, ta sử dụng miếng bọt biển lấy từ một hòn đảo thuộc Thái Bình Dương, cục savon được sản xuất bởi một người Pháp, chiếc khăn tắm bởi một người Thổ Nhĩ Kỳ. Ngồi vào bàn ăn, ly cà phê được cung cấp bởi một người châu Mỹ Latinh, ly trà bởi một người Trung Quốc, ly cacao bởi một người châu Phi. Trước khi đi ra khỏi nhà để đi làm, ta đã là con nợ của hơn phân nửa nhân loại.

Theo một nghĩa rất thực, mọi cuộc sống là một chùm tương quan giữa người với người, giữa người này với các người khác. Tất cả mọi người đều ở trong hệ tương quan hỗ tương này, đều liên kết với nhau trong cùng một vận mệnh chung. Điều trực tiếp làm tổn thương người này cũng gián tiếp làm tổn thương mọi người khác. Tôi không thể bao giờ trở thành điều tôi phải trở thành nếu các bạn không trở thành điều các bạn phải trở thành. Và các bạn không thể bao giờ trở thành điều các bạn phải trở thành, nếu tôi không trở thành điều tôi phải trở thành. Đây chính là hệ tương quan hỗ tương, nơi thực tại được hình thành.

"Người giàu có" đã không hiểu được điều này và đây chính là thảm kịch của đời ông. Ông nghĩ rằng ông có thể sống sung túc trong thế giới nhỏ bé, chật

hẹp mà ông là trọng tâm. Ông là một con người sống theo chủ nghĩa cá nhân cực đoan. Và, vì thế, mãi mãi ông là "kẻ ngu ngốc".

III. Đức Giêsu đã gọi "người giàu có" là "kẻ ngu ngốc" vì ông đã không ý thức được rằng ông lệ thuộc vào Thiên Chúa. Ông suy nghĩ và nói như thể chính ông làm cho bốn mùa thay đổi, đất đai thêm phì nhiêu, chính ông kiểm soát chu kỳ mặt trời mọc và lặn, mưa rơi và sương sa trên mặt đất, theo ý muốn của ông. Một cách vô ý thức, ông tưởng mình là Đấng Tạo Hóa, trong khi đó ông chỉ là một thụ tạo, không hơn không kém.

Xem con người là trọng tâm quả thật là điên rồ. Và sự điên rồ này đã tồn tại lâu dài và gây nhiều hậu quả tai hại trong lịch sử nhân loại. Một đôi khi sự điên rồ này được diễn tả rõ ràng và có hệ thống như trong chủ nghĩa duy vật, cho rằng thực tại có thể giải thích được bằng vận hành của vật chất, rằng sự sống chỉ là "một tiến trình sinh lý hướng tới một ý nghĩa sinh lyù", rằng con người là một điều chóng qua trong vận hành mất phương hướng của các electron và proton, rằng tư duy con người là sản phẩm tạm thời của chất xám, và các biến cố lịch sử chỉ là tác động giữa vật chất và vận hành theo hướng tất yếu. Không dành một chỗ đứng cho Thiên Chúa hay các Ý tưởng vĩnh cửu, chủ nghĩa duy vật chống lại chủ nghĩa hữu thần cũng như chủ nghĩa duy tâm.

Tất nhiên, chủ nghĩa duy vật này dẫn đến bế tắc trong một thế giới thiếu vắng ý nghĩa, xét về mặt tinh thần. Tin rằng nhân cách con người chỉ là kết quả của một sự kết hợp ngẫu nhiên giữa các nguyên tử và phân tử, thì cũng phi lý như tin rằng một con khỉ chỉ cần gõ hết phím này đến phím khác trên máy đánh chữ là có thể viết được một bi kịch của Shakespeare. Quả là chuyện kỳ quái! Đúng hơn phải nói như nhà vật lý Sir James Jeans rằng "Hình như vũ trụ tỏ ra gần với một tư duy lớn hơn là một cỗ máy lớn", hay như triết gia Arthur Balfour rằng "Giờ đây chúng ta biết quá rõ về vật chất để còn có thể là những người duy vật". Chủ nghĩa duy vật chỉ là một là một ngọn lửa heo hắt không đủ sức chống lại một tư duy chín chắn.

Cũng có một cố gắng khác để làm cho Thiên Chúa trở thành vô ích, đó là chủ nghĩa nhân bản vô thần - một chủ nghĩa thần thánh hóa con người, xem con người là thước đo mọi sưï. Ngày nay, có nhiều người theo học thuyết này và họ nhất trí với J. J. Rousseau, rằng bản tính con người là tốt lành. Điều xấu xa chỉ ở trong các cơ cấu, và, nếu sự nghèo khó và ngu dốt không còn nữa, thì mọi sự sẽ nên hoàn hảo.

Thế kỷ XX đã bắt đầu với một thứ lạc quan như thế. Người ta tin rằng nền văn minh sẽ không ngừng tiến bộ và dẫn tới một thiên đàng trên mặt đất. Herbert Spencer đã khôn khéo nhào nặn thuyết tiến hóa của Darwin thành một ý thức hệ lệch lạc về tiến bộ. Người ta tin rằng xã hội sẽ tiến bộ theo một định luật tương tự như định luật vạn vật hấp dẫn trong lãnh vực vật lý.

Say men lạc quan, ngày nay con người lao mình vào công việc khám phá thiên nhiên và thu lượm được nhiều thành quả về mặt khoa học, phát triển

các kỹ thuật khả dĩ tạo nên một cuộc cách mạng thay đổi trái đất. Những gì khoa học kỹ thuật thực hiện được quả thật là kỳ diệu, cụ thể!

Tận mắt chứng kiến cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, con người thời đại ngày nay đã có thể thốt lên:

"Khoa học là mục tử chăn dắt tôi,
Tôi sợ gì nguy hiểm, vì có Khoa học ở cùng!"

Từ nay khát vọng của con người không còn hướng về Thiên Chúa hay về trời nữa. Trái lại, con người chỉ nghĩ về con người và trái đất. Con người sáng tác một bản kinh nhại lại Kinh Lạy Cha: "Lạy anh em chúng ta ở dưới đất, nguyện danh chúng ta được cả sáng, triều đại chúng ta mau đến, ý chúng ta được thể hiện ở dưới đất này, vì đâu còn có trời nữa!". Những người trong quá khứ còn hướng về Thiên Chúa để tìm một lời giải đáp cho các vấn đề của mình, thì nay lại hướng về khoa học kỹ thuật, vì xác tín rằng bây giờ họ có trong tay các phương tiện cần thiết để xây dựng một xã hội mới.

Thế nhưng, huyền thoại này đã tan biến với cảnh hãi hùng ghê sợ khi hai trái bom nguyên tử nổ tại Nagasaki và Hiroshima, cùng với các trái bom khinh khí có sức mạnh tàn phá gấp bội. Giờ đây, ta nhận thấy rằng khoa học chỉ có thể cho ta một sức mạnh vật chất tàn phá vũ trụ này, nếu nó không được kiểm soát bởi một sức mạnh tinh thần. Những lời Alfred Le Grand nói vẫn còn đúng: "Sức mạnh chỉ là một điều tốt lành, nếu người có nó là một người tốt lành". Ta cần có một cái gì đó tốt hơn là khoa học, để nâng đỡ ta trong đời sống thiêng liêng và kiểm soát ta trong đời sống đạo đức. Được tinh thần của Thiên Chúa hướng dẫn, khoa học là một công cụ có khả năng dẫn con người tới một mức độ an toàn cao hơn. Không được tinh thần Thiên Chúa hướng dẫn, khoa học chỉ là một vũ khí gieo rắc chết chóc và hỗn loạn. Tại sao ta lại tự lừa dối mình về sự tiến bộ tất yếu và về khả năng con người có thể tự cứu được mình? Ta phải đưa tâm hồn và con mắt hướng tới các đỉnh cao từ đó sự cứu độ có thể đến được với ta. Lúc đó, và chỉ lúc đó, các thành quả khoa học hiện đại sẽ là một phúc lành thay vì là một tai họa.

Nếu ta không tuân phục Thiên Chúa, các cố gắng của ta chỉ tạo nên một đống tro tàn và bình minh cũng chỉ là tối tăm. Trừ khi tinh thần thâm nhập đời sống, ta chỉ tìm được điều mà G. K. Chesterton gọi là "những lời chúc dữ không chúc dữ, những lời chúc lành không chúc lành, những giải pháp không giải quyết vấn đề".

"Thiên Chúa là nơi ta ẩn náu,
là sức mạnh của ta;
Người luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ,
khi ta phải ngặt nghèo"
(Tv 45,1).

Đáng tiếc là "người giàu có" đã không hiểu được điều này. Cũng như nhiều người trong thế kỷ XX này, ông quá bận rộn với các việc quan trọng cũng như với các việc tầm thường đến nỗi ông quên mất Thiên Chúa. Ông gán cho điều hữu hạn một giá trị vô hạn, xem một việc là hoàn tất khi nó vừa mới được khởi sự.

Khi "người giàu có" đã tích trữ cơ man nào là của cải, khi các kho lẫm của ông ta đã đầy ắp, và cung điện tráng lệ của ông làm mọi người phải trầm trồ, thì đó cũng là lúc ông trải qua kinh nghiệm mà mọi người phải trải qua: ông phải chết. Cái chết của ông vào thời điểm này làm tăng thêm tính bi thảm của câu chuyện. Nhưng giả như ông có sống lâu như ông Mathusalem thuở xưa, thì sự thật căn bản mà dụ ngôn muốn làm sáng tỏ vẫn y nguyên. Cho dù ông không chết về thể xác, nhưng tinh thần thì đã chết lâu rồi. Việc ông ngừng thở chỉ là dấu hiệu báo cho ta biết một cái chết đã xảy ra trước đó lâu rồi. Ông đã chết khi không còn biết phân biệt đâu là phương tiện và đâu là cùng đích của cuộc sống, khi ông quên mất rằng ông lệ thuộc vào người khác và vào Thiên Chúa.

Phải chăng "người giàu có" lại không phải là nền văn minh Phương Tây chúng ta? Giàu có về của cải vật chất, ta có những tiêu chuẩn đánh giá thành công gắn liền với lòng ham muốn vô độ. Các phương tiện làm cho ta sống quả thật là kỳ diệu. Tuy vậy, ta vẫn còn thiếu một cái gì đó. Ta đã bay lên trời như loài chim, lặn xuống biển như loài cá, nhưng lại không học cho biết nghệ thuật sống với nhau như những người anh em. Giàu sang phú quý đã không làm cho tinh thần được bình an, tâm hồn được thanh thản. Một nhà văn Phương Đông đã mô tả tình trạng của ta như sau:

"Quý vị nói rằng hàng ngàn máy móc làm việc thay cho quý vị, nhưng quý vị vẫn luôn bâïn rộn. Càng có nhiều máy móc, quý vị càng tỏ ra mệt mỏi, lo âu, bồn chồn, không bao giờ được thỏa mãn. Càng có nhiều, quý vị càng muốn có thêm. Có ở một nơi nào đi nữa, quý vị cũng muốn đi đến một nơi khác. Quý vị có một cái máy để khai thác tài nguyên, một cái máy để làm việc. Một cái máy để chuyên chở, một cái máy để hút bụi, một cái máy để chuyển tải thông tin, để viết, để nói, để hát, để bầu cử, để may ?. Quý vị có hàng trăm cái máy để làm hàng trăm thứ việc cho quý vị?. Nhưng quý vị vẫn là con người bận rộn nhất trên thế gian này. Máy móc của quý vị không thể cứu được thời gian và linh hồn. Chúng chỉ thúc đẩy quý vị sáng chế ra nhiều máy móc hơn và làm việc nhiều hơn mà thôi!" (Abraham Mitrie Rilbany, "Những người khôn ngoan từ Đông đến Tây", 1922).

Bức tranh về nền văn minh Phương Tây như được phác họa ở đây quả là đúng với sự thật. Ta không thể dễ dàng bỏ qua những lời này và xem đây là những lời phóng đại của một tư tưởng gia Phương Đông bày tỏ thái độ ganh tị của mình đối với sự phồn vinh của Phương Tây. Ta không thể tránh né những lời kết án này. Các phương tiện nhờ đó ta sống đã vượt quá xa các cùng đích của cuộc sống mà ta nhắm tới. Sức mạnh khoa học đã bỏ lại rất xa phía sau sức mạnh thiêng liêng. Ta có nhiều hỏa tiễn được hướng dẫn tốt

nhưng lại có quá nhiều con người được hướng dẫn xấu. Như "người giàu có" thuở xưa, trong cuộc sống, ta đã làm điều điên rồ sau đây: thu hẹp nội giới tới mức tối thiểu và mở rộng ngoại giới đến mức tối đa. Ta đã làm tan biến sự sống trong phong cách sống. Thế hệ chúng ta sẽ không tìm được sự bình an, nếu ta không học biết rằng mạng sống con người không bảo đảm bởi của cải, dù có dư thừa chăng nữa, mà bởi những kho tàng thiêng liêng trên trời, nơi trộm cắp không bén mảng, mối mọt không đục phá (x. Lc 12, 33).

Ta hy vọng có được một cuộc sống sáng tạo, vì ta có khả năng lặp lại thế quân bình giữa cùng đích và phương tiện nơi bản thân mỗi người và trong xã hội. Nếu ta không khơi dậy và phát huy đời sống thiêng liêng và tinh thần, thì ta sẽ tự hủy diệt mình bằng các công cụ mà ta đã làm ra. Thế hệ chúng ta không thể tránh né câu hỏi mà Chúa chúng ta đã đặt ra: Có được tất cả mọi của cải thuộc ngoại giới (phi cơ, đèn điện, xe hơi, tivi màu,...) mà mất đi thực tại căn bản thuộc nội giới, tức là linh hồn, thì nào được ích gì?

SỰ DỮ PHƠI THÂY TRÊN BỜ BIỂN

"Israel thấy quân Ai Cập phơi thây trên bờ biển..." (Xh 14, 30)

Nếu Thiên Chúa dùng quyền năng tuyệt đối của Người mà làm tiêu tan mục đích đã được đềø ra, thì Thiên Chúa chứng tỏ Người yếu đuối hơn là quyền năng. Quyền năng là khả năng đạt tới mục đích; hành động mà không đạt được mục đích chính là yếu đuối vậy

Có điều gì hiển nhiên hơn sự dữ trong vũ trụ? Như con bạch tuộc, sự dữ vươn vòi đến mọi mặt của cuộc sống con người. Ta có thể tranh luận về nguồn gốc sự dữ. Còn về thực tại sự dữ thì chỉ những người lạc quan giả tạo mới dám tranh luận. Sự dữ là một sự kiện, trầm trọng và có thực trước mắt chúng ta.

Sách Thánh khẳng định rõ ràng thực tại sự dữ khi dùng biểu tượng con rắn để mô tả hành động xảo trá gieo rắc bất hoà trong bản hòa tấu nhịp nhàng là cuộc sống con người trong thửa vườn. Sách Thánh cũng tố cáo sự bất công dai dẳng và sự giả hình khả ố, đồng thời vẽ nên bức tranh bi thảm của một đám đông dân chúng lầm lạc khi họ đóng đinh trên thập giá Con Người quí báu nhất trên thế gian này giữa hai tên trộm cướp. Điều Sách Thánh nói về sự dữ quả rõ ràng, trong suốt như pha lê. Đức Giêsu không bỏ qua thực tại sự dữ. Mặc dù không bao giờ giải thích sự dữ về mặt thần học, nhưng Người không bao giờ biện minh cho sự dữ. Trong dụ ngôn cỏ lùng, Đức Giêsu gọi cỏ lùng là cỏ lùng chứ không phải là ảo ảnh hay lầm lạc của con người phải chết. Được gieo vào ruộng lúa bởi Satan hay bởi lạm dụng sự tự do của mình, cỏ lùng luôn gây nên tai họa và dẫn đến sự chết. Về cỏ lùng Đức Giêsu nói đại khái như sau: "Tôi không tìm cách giải thích nguồn gốc của cỏ lùng, nhưng kẻ thù đã gieo chúng vào ruộng lúa". Người nhìn nhận rằng sức mạnh của sự dữ cũng có thật như sức mạnh của sự lành.

Trong cánh đồng rộng lớn của cuộc đời hằng ngày, ta nhận thấy sự dữ trong các chiều kích đáng sợ của nó: trong lòng ham muốn vô độ, trong tính ích kỷ làm mất đi trật tự hài hòa; khi con người sẵn sàng hi sinh sự thật để bảo vệ quyền lợi riêng tư, khi các đế quốc cầm giữ các dân tộc khác trong bất công xã hội, khi chiến tranh bùng nổ, gây điêu tàn đổ nát, làm cho con người và các quốc gia phải chịu thiệt thòi về vật chất cũng như tinh thần.

Theo một cách hiểu, lịch sử con người là lịch sử của cuộc chiến giữa sự dữ và sự lành. Tất cả các tôn giáo lớn đều nhìn nhận rằng có một sự dằng co ngay trong lòng vũ trụ. Theo Ấn Độ giáo, một cuộc chiến giữa thần ánh sáng và thần bóng tối; theo Do Thái giáo và Kitô giáo, một cuộc chiến giữa Thiên Chúa và Satan. Mọi người cảm nhận được rằng trong sức mạnh của điều lành hướng con người đi lên có sức mạnh của điều dữ kéo con người đi xuống.

Kitô giáo khẳng định rằng, trong cuộc chiến trường kỳ giữa sự lành và sự dữ, sự lành sẽ toàn thắng. Cuối cùng, sự dữ sẽ bị tiêu diệt bởi sức mạnh không gì thắng nổi của sự lành. Ngày Thứ Sáu Tuần Thánh phải dẫn tới khúc ca khải hoàn của ngày lễ Phục Sinh. Cỏ lùng có thể bóp ngẹt lúa non trong một thời gian, nhưng đến mùa gặt, cỏ lùng sẽ được gom lại và đốt đi. César ở trong cung điện, còn Đức Giêsu chịu đóng đinh trên thập giá. Nhưng chính Đức Giêsu này lại phân chia lịch sử nhân loại thành hai phần: trước và sau Đức Giêsu, và, cuối cùng, người ta đã dùng danh Đức Giêsu để xác định niên đại của triều đại César trong lịch sử. Trong Sách Thánh, tôn giáo đã xác nhận điều William Cullen Bryant khẳng định: "Sự thật có ngã xuống thì rồi cũng sẽ chỗi dậy!". Cũng như điều Thomas Carlyle viết: "Không có điều dối trá nào có thể được nói lên và thực hiện, hoặc có thể quay trở lại sau một chu kỳ ngắn hay dài, mà lại không nhận được câu trả lời: Không có hiệu quả nào cả".

I. Lịch sử dân tộc Do Thái là một bằng chứng hùng hồn về sự thật này. Khi con cái Israel phải làm nô lệ người Ai Cập, thì Ai Cập là biểu tượng sự dữ, dưới hình thức một sự đàn áp tàn bạo, một sự bóc lột không nương tay, một sự thống trị hà khắc; còn Israel là biểu tượng của sự lành, dưới hình thức một sự tôn thờ và thần phục Thiên Chúa của Abraham, của Isaac của Giacóp. Ai Cập chiến đấu để duy trì ách nô lệ. Còn Israel chiến đấu để dành lại tự do. Vua Pharaô nhất mực từ chối lời yêu cầu của Môsê, ngay cả khi hết tai họa nay đến tai họa khác ập xuống trên thần dân và vương quốc. Sự kiện này nhấn mạnh điều mà ta không bao giờ được phép quên: sự dữ luôn dai dẳng, ngoan cố, không dễ dàng buông tha, nếu không bị chống lại một cách mãnh liệt, gần như cuồng tín. Nhưng nơi nơi, người ta cũng nhận thấy rằng sự dữ không có khả năng tổ chức một cuộc cầm cự lâu dài. Vì thế, sau một cuộc chiến trường kỳ gian khổ, người Israel, với sự trợ giúp của Thiên Chúa, đã vượt qua Biển Đỏ. Nhưng, như những vệ binh thiện chiến không bao giờ đầu hàng, thì người Ai Cập cũng đã có một cố gắng gần như tuyệt vọng để ngăn cản người Israel ra đi, và đã đưa quân đuổi theo họ trong lòng

Biển Đỏ. Khi người Ai Cập đi vào lòng biển, nước sừng sững như tường thành hai bên tả hữu liền ập xuống vùi lấp toàn thể quân lực vua Pharaô. Người Israel quay lại nhìn bờ bên kia thì chỉ thấy quân Ai Cập phơi thây trên bờ biển. Đối với người Israel, đây là một thời điểm trọng đại, chấm dứt một giai đoạn bi thảm của lịch sử họ, là một buổi sáng tươi đẹp chấm dứt đêm tối của cuộc lưu đày. Ý nghĩa của biến cố này không phải việc người Ai Cập bị tiêu diệt, vì không một ai lại có thể vui mừng khi thấy một con người phải chết hay thất bại. Biến cố này là biểu tượng nói lên sự tiêu diệt của sự dữ, sự chấm dứt của sự đàn áp vô nhân đạo, của sự bóc lột bất công.

Người Ai cập phơi thây trên bờ biển nhắc ta nhớ lại rằng ngay cả thiên nhiên trong vũ trụ cũng góp sức với sự lành trong cuộc chiến chống lại sự dữ. Tân Ước nói rất đúng: "Ngay lúc bị sửa dạy thì chẳng ai lấy làm vui thú mà chỉ thấy buồn phiền. Nhưng sau đó, những người chịu rèn luyện như thế sẽ gặt được hoa trái là sự bình an và công chính" (Dt 12,11). Vua Pharaô đàn áp dân Israel, nhưng sau đoù...! Quan Philatô chiều ý dân chúng và trao Đức Giêsu cho quân lính đóng đinh vào thập giá, nhưng sau đó...! Những Kitô hữu tiên khởi bị quẳng vào thao trường cho thú dữ cắn xé, nhưng sau đoù...! Có cái gì đó trong vũ trụ này chứng thực điều Shakespeare nói:

"Có một thần minh đang uốn nắn các cùng đích chúng ta
sao cho hợp với ý định
và khuôn mẫu của mình"
(Hamlet,V,2).

Hay điều Lowell nói:

"Sự dữ tràn lan thật đấy,
nhưng Sự Thật mới là mạnh hơn!"

Hay điều Tennyson nói:

"Tôi chỉ có thể tin rằng
cuối cùng điều lành sẽ đến với mọi người,
dù bây giờ còn xa xăm:
và mỗi mùa đông sẽ biến thành mùa xuân".

II. Sự thật mà Sách Thánh nói đến trên đây cũng xuất hiện trong cuộc chiến ngày nay giữa điều lành dưới hình thức tự do và công lý, và sự dữ dưới hình thức đàn áp và thực dân. Trong số ba tỷ người sống trên mặt đất, hơn hai tỷ người -nghĩa là đa số nhân loại- sống tại châu Á và châu Phi. Khoảng hai mươi năm trước đây, đa số các dân tộc châu Á và châu Phi sống dưới chế độ thực dân, bị đàn áp về chính trị, bóc lột về kinh tế, phân biệt về chủng tộc và miệt thị bởi những cường quốc ngoại bang. Trong nhiều năm, các dân tộc này đã chống lại các bất công trầm trọng. Mỗi miền thuộc hai châu lục này đều có một Môsê can đảm đứng lên đấu tranh giành độc lập cho dân tộc mình. Trong hơn hai thập niên, Mahatma Gandhi đã lớn tiếng yêu cầu phó vương, toàn quyền, thủ tướng và vua chúa nước Anh để cho dân tộc ông"

lên đường ra đi". Và cũng như vua Pharaô thuở xưa, các nhà cầm quyền nước Anh đã bỏ ngoài tai lời yêu cầu thống thiết này. Khi Mahatma Gandhi yêu cầu Sir Winston Churchill trả độc lập cho Ấn Độ, ông đã nhận được câu trả lời như sau: "Tôi không trở thành Thủ Tướng của Hoàng đế để làm cho đế quốc phải tan rã". Cuộc chiến đấu quyết liệt giữa hai thế lực -giữa thế lực thực dân và các dân tộc châu Á và châu Phi- đã là một trong các cuộc chiến đấu quan trọng nhất và gay go nhất trong thế kỷ XX này.

Mặc dầu các đế quốc thực dân ngoan cố chống trả, nhưng sức mạnh của công lý và nhân phẩm đã từng bước giành được thắng lợi. Hai mươi lăm năm trước đây, chỉ có ba quốc gia độc lập trên khắp châu Phi; còn bây giờ thì có tới ba mươi hai. Mười lăm năm trước đây, đế quốc Anh thống trị hơn 650 triệu người châu Á và châu Phi; bây giờ con số này chỉ còn lại trên dưới 60 triệu. Biển Đỏ đã mở ra. Các người châu Á và châu Phi bị đàn áp đã giành lại được tự do từ Ai Cập tức là từ chế độ thực đân, và đang tiến tới đất hứa, tức là một nền kinh tế và văn hóa ổn định. Các dân tộc này cũng đã nhìn thấy chế độ thực dân phơi thây trên bờ biển.

Tại nước Mỹ, trong cuộc đấu tranh giành tự do và công lý, chúng ta cũng đang nhìn thấy sự dữ "phơi thây trên bờ biển". Năm 1619, người da đen bị bắt và dẫn từ châu Phi sang châu Mỹ. Suốt hai thế kỷ, châu Phi bị cướp bóc, các vương quốc tan rã, các bộ lạc và các người lãnh đạo mất tinh thần. Tại nước Mỹ, người da den chỉ là một mắt xích trong cỗ máy to lớn tại các đồn điền. Nhưng cũng có những người ý thức được rằng một hệ thống bóc lột con người như thế quả thật là điều nghịch lý tại một quốc gia được thành lập theo nguyên lý cho rằng mọi người sinh ra đều bình đẳng. Năm 1820, sáu năm trước khi chết, Thomas Jefferson đã viết những lời sầu muộn này:

"Vấn đề quan trọng này làm tôi phải sợ hãi, như một hồi chuông báo động trong đêm tối... Thế hệ 1776 đã chấp nhận hy sinh để quốc gia này được độc lập và hạnh phúc. Nhưng tôi e rằng các hy sinh này đang bị lãng phí..., Điều duy nhất an ủi tôi là tôi không còn sống nữa để phải than khóc..."

Cùng với Jefferson, có nhiều người chống lại chế độ nô lệ. Họ đã sáng suốt nhận thấy rằng một chế độ như thế chỉ có thể làm mất nhân phẩm của người chủ da trắng cũng như của người nô lệ da đen.

Rồi đến ngày Abraham Lincoln cương quyết đối phó dứt điểm với vấn đề này. Ông viết: "Trả tự do cho người nô lệ là bảo đảm tự do cho người tự do... Trả tự do cũng cao quí như bảo đảm tự do vậy". Dựa trên nền tảng này, Abraham Lincoln đã ký sắc lệnh bãi bỏ chế độ nô lệ. Sắc lệnh này có một ý nghĩa to lớn, như Féderic Douglass đã nhận định: "Chắc chắn ngày 1 tháng 1 năm 1863 sẽ là ngày đáng ghi nhớ nhất trong lịch sử nước Mỹ. Ngày 4 tháng 7 là ngày đáng ghi nhớ, nhưng này 01 tháng 01 còn đáng ghi nhớ gấp bội, xét về các hậu quả mà nó đem lại. Ngày 04 tháng 07 liên quan đến một quốc gia được khai sinh về mặt chính trị; ngày 01 tháng 01 liên quan đến

đời sống và nét đặc trưng của quốc gia này và sẽ quyết định xem chúng sẽ rực sáng vinh quang hay sẽ mãi mãi rơi vào tối tăm ô nhục".

Thế nhưng, sắc lệnh bãi bỏ chế độ nô lệ đã không đem lại tự do trọn vẹn cho người da đen. Đành rằng, trong thời gian tái thiết quốc gia, họ được hưởng một số quyền lợi chính trị và xã hội nào đó. Nhưng họ mau chóng nhận ra rằng các Pharaô miền Nam cương quyết cầm giữ họ dưới ách nô lệ. Sắc lệnh đã đưa họ đến Biển Đỏ nhưng đã không bảo đảm cho họ đi vào lòng biển khô cạn. Các Pharaô miền Nam dựa vào một phán quyết của tòa án Tối Cao nước Mỹ để duy trì bất công và phân biệt chủng tộc bằng mọi thủ đoạn. Có hơn một Môsê đã lên tiếng yêu cầu, nhưng họ vẫn từ chối để cho người da đen ra đi.

Ngày nay, chúng ta đang chứng kiến những thay đổi to lớn. Một phán quyết mới của Tòa Án Tối Cao hủy bỏ phán quyết năm 1896 và "khiến biển hóa thành đất khô" để con cái sự công chính qua bờ bên kia ráo chân. Theo phán quyết của Tòa Án Tối Cao, sự phân biệt trong các dịch vụ công cộng là bất công xét về thực chất, và việc phân biệt một đứa trẻ dựa trên sắc tộc tức là tước mất quyền của đứa trẻ đó được hưởng một sự bảo vệ bình đẳng trước pháp luật. Phán quyết này là một nguồn ánh sáng đem lại hi vọng cho hàng triệu người phải chịu thiệt thòi. Nhìn lại phía sau, chúng ta thấy các thế lực phân biêït chủng tộc đang từ từ "phơi thây trên bờ biển". Thế nhưng không phải vì vậy mà mọi vấn đèø đã được giải quyết dứt điểm. Trên đường đi, còn có rất nhiều thế lực chống đối. Nhưng ít ra, chúng ta đã rời bỏ Ai Cập và, với một quyết tâm kiên cường, chúng ta tiến vào đất hứa. Sự dữ dưới hình thức bất công và bóc lột không thể tồn tại mãi trong lịch sử. Một lối đi trong lòng Biển Đỏ khô cạn dẫn con cái của sự lành tiến đến thắng lợi, và nước ập xuống nói lên sự tan rã của các thế lực của sự dữ.

Tất cả nhưng điều này cho thấy rằng sự dữ mang nơi mình mầm mống hủy diệt chính mình. Trong cuộc chiến trường kỳ, sự lành bị đánh bại luôn tỏ ra mạnh hơn sự dữ đang thắng thế. Người ta đã hỏi sử gia Charles A. Beard đâu là bài học lớn mà lịch sử đã để lại. Ông trả lời như sau: "Thứ nhất, khi muốn tiêu diệt người nào thì các thần minh dùng quyền lực mà làm cho con người đó thành một 'thằng điên'. Thứ hai, các cối xay bột của Thiên Chúa xay chậm nhưng cho bột mịn. Thứ ba, con ong rút mật hoa nhưng lại làm cho hoa thụ phấn. Thứ tư, đêm có tối thì ta mới nhìn thấy được các vì sao".

Đây không phải là nhưng lời lẽ của một nhà giảng thuyết nhưng là những kết luận của một sử gia dày công nghiên cứu lịch sử để có thể kết luận rằng sự dữ luôn hướng về sự tự hủy diệt mình. Sự dữ có thể kéo dài trong một thời gian dài, nhưng cuối cùng cũng đạt tới các giới hạn của nó. Trong vũ trụ, có cái gì đó mà thần thoại Hy lạp gọi là thần Némésis -vị thần báo oán, trừng phạt các bất công thái quá.

III. Ở đây, ta cần phải cảnh giác để khỏi rơi vào một thứ lạc quan giả tạo và để không vội vàng kết luận rằng một sự dữ cá biệt chấm dứt là tất cả mọii sự

dữ phơi thây trên bờ biển. Mọi tiến bộ đều mong manh. Và khi giải quyết xong vấn đề, đó là lúc ta phải đối phó với một vấn đề khác. Xét như là một thực tại phổ quát, triều đại Thiên Chúa chưa được thiết lập vì tội lỗi vẫn còn đó, ở mọi mức độ của cuộc sống con người. Một bạo chúa ngã gục, thì lại xuất hiện một bạo chúa khác.

Nhưng nếu ta phải tránh để khỏi lạc quan giả tạo, thì ta cũng không được phép có một thái độ bi quan khả dĩ làm ta tê liệt. Mặc dù mọi tiến bộ đều mong manh, nhưng trong những giới hạn nào đó, một tiến bộ xã hội đích thực có thể thực hiện được. Trong cuộc lữ hành trần thế, con người không bao giờ đạt tới đích điểm ở đời này, nhưng các cố gắng trường kì của ta có thể đưa con người ngày càng tiến gần hơn tới thành đô là nơi Thiên Chúa ngự trị. Triều đại Thiên Chúa chưa thể được thiết lập trong lịch sử như một thực tại phổ quát, nhưng triều đại đó lại hiện hữu trong hiện tại dưới những hình thức riêng rẽ như phê phán, dấn thân, hay cuộc sống của một số tập thể con người. "Triều Đại Thiên Chúa đang ở giữa các ông" (Lc17,21).

Nhất là ta phải luôn nhớ rằng Thiên Chúa đang hoạt động trong lịch sử. Thiên Chúa không ở ngoài thế giới, nhìn thế giới từ xa, với thái độ dửng dưng lạnh lùng. Trên mọi nẻo đường của cuộc sống, Thiên Chúa đang chiến đấu cùng với chúng ta. Như một người Cha đầy lòng yêu thương, Thiên Chúa luôn hoạt động trong lịch sử để giải thoát con cái mình. Khi ta chiến đấu chống lại các sức mạnh của sự dữ, thì Người có mặt và chiến đấu bên cạnh ta. Sự dữ phơi thây trên bờ biển, không phải vì con người tập trung sức lực chống lại nó, nhưng vì Thiên Chúa toàn thắng có thể đánh tan sự dữ.

Thế thì tại sao Thiên Chúa lại tỏ ra chậm chạp trong cuộc chiến chống lại các sức mạnh sự dữ? Tại sao Thiên Chúa lại để cho Hitler giết chết hơn sáu triệu người Do Thái? Cho chế độ nô lệ tồn tại tại nước Mỹ hơn hai trăm bốn chục năm? Cho các băng nhóm khát máu giết hại tùy thích người da đen, đàn ông cũng như đàn bà hay nhận chìm người da đen xuống sông, con trai cũng như con gái? Tại sao Thiên Chúa không can thiệp để đập tan ý đồ xấu xa của quân gian ác?

Tôi không dám chắc là tôi hiểu hết mọi đường lối của Thiên Chúa cũng như lịch trình của Người trong cuộc chiến chống lại sự dữ. Có lẽ, nếu Thiên Chúa tiêu diệt sự dữ một cách vũ bão như ta mong muốn, thì ý định của Người cũng vì thế mà tiêu tan. Ta là những con người có trách nhiệm, chứ đâu phải là những người máy mù quáng; những nhân vị chứ đâu phải là những rôbô. Khi ban cho ta sự tự do, Thiên Chúa đã tự bỏ một phần quyền năng tuyệt đối của Người và chấp nhận một số giới hạn. Nếu con cái Thiên Chúa được tự do, thì họ phải thực thi ý muốn của Người bằng một sự lựa chọn tự do. Vì thế Thiên Chúa không thể áp đặt ý muốn của mình cho con cái, đồng thời lại theo đuổi mục đích mà Người đề ra về con người. Nếu Thiên Chúa dùng quyền năng tuyệt đối của Người mà làm tiêu tan mục đích đã được đềø ra, thì Thiên Chúa chứng tỏ Người yếu đuối hơn là quyền năng.

Quyền năng là khả năng đạt tới mục đích; hành động mà không đạt được mục đích chính là yếu đuối vậy.

Thiên Chúa từ chối chống lại sự dữ một cách có hiệu quả trực tiếp. Điều này không có nghĩa là Thiên Chúa không làm gì. Tuy là những con người yếu đuối và giới hạn, nhưng chúng ta không đơn độc trong cuộc đấu tranh cho Công Lý. Như Matthew Arnold đã nói: " Chính là một sức mạnh trường tồn chứ không phải chúng ta, đang tiến tới Công Lyù".

Ta cũng phải nhớ rằng Thiên Chúa không quên con cái của Người. Thiên Chúa ban cho ta sức mạnh tinh thần để gánh chịu các bất hạnh của cuộc sống. Nếu ta đang bị áp bức tại một Ai Cập tối tăm nào đó, thì Thiên Chúa là ánh sáng chỉ đường cho ta tiến tới. Nếu niềm hi vọng sút giảm và niềm tin lung lay nơi ta, thì Thiên Chúa làm cho ta thêm mạnh sức can đảm. Thiên Chúa ở với ta không chỉ khi mặt trời đúng ngọ mà còn trong đêm tối dày đặc, không chỉ trong thành công mà còn trong thất bại.

Chúng tôi đã có dịp viếng thăm bang Kerela ở cực nam Ấn Độ. Một buổi chiều cuối tuần, chúng tôi đến bãi biển Cap-Comorin,, thường được gọi là "nơi tận cùng của thế giới", vì đây là mũi đất cuối cùng của lục địa Ấn Độ tiếp giáp Ấn Độ Dương. Trước mắt chúng tôi là đại dương mênh mông, với các đợt sóng nhấp nhô. Nơi đây được gọi là "điểm hẹn" của ba biển cả: Ấn Độ Dương, Biển Ảrập và vịnh Bengal. Ngồi trên tảng đá nhô ra trên mặt nước, chúng tôi cảm thấy mình bị cuốn hút vào biển cả mênh mông. Trong khi các đợt sóng dồn dập đập vào mỏm đá, tạo nên một bản nhạc nhịp nhàng, thì, về phía tây, chúng tôi nhìn thấy mặt trời đỏ chói đang dần dần đi vào biển cả. Khi mặt trời gần khuất, vợi tôi đánh động tôi và nói: "Xem kìa, Martin, thật là tuyệt vời, phải không?" Tôi đưa mắt nhìn chung quanh và kìa mặt trăng đang từ từ đi lên khỏi mặt biển trong khi mặt trời từ từ đi vào lòng biển. Khi mặt trời lặn, bóng tối bao trùm mặt đất, nhưng, từ phía đông, mặt trăng mọc lên, rực rỡ, sáng chói.

Tôi nói với vợ tôi: "Cảnh tượng này cũng giống như điều thường xảy ra trong cuộc sống". Chúng ta trải qua nhiều kinh nghiệm, trong đó ánh sáng mặt trời tắt dần và dìm ta vào trong bóng tối dày đặc. Trong những thời điểm này, ta nhìn thấy các niềm hy vọng to lớn biến thành thất vọng nặng nề, ta chỉ là những nạn nhân của bất công và bóc lột. Và ta nghĩ rằng chẳng bao giờ ta lại nhìn thấy ánh sáng. Nhưng, mỗi lần như vậy, ta nhìn về phía đông và ta thấy một ánh sáng khác rực rỡ huy hoàng ngay trong đêm tối. Và đêm đen lại sáng tỏ như ban ngày.

Chúng ta sẽ không thể nào sống được trong thế giới này, nếu Thiên Chúa chỉ dựng nên một ánh sáng. Nhưng, tạ ơn Thiên Chúa, Người đã dựng nên hai ánh sáng: một ánh sáng để hướng dẫn ta ban ngày, khi các ước mơ trở thành hiện thực và mọi sự thuận buồm xuôi gió; và một ánh sáng để hướng dẫn ta ban đêm, khi ta gặp chống đối tư bề và thất vọng lại trỗi dậy trong

chúng ta như con mãnh thú đưa ta tới chỗ diệt vong. Theo kinh nghiệm của tác giả thánh vịnh, ta không bao giờ phải bước đi trong tối tăm:

"Đi mãi đâu cho thoát thần trí Ngài
lẫn nơi nào cho khuất được Thánh Nhan?
Con có lên trời, Chúa đang ngự đó,
nằm dưới âm ty, vẫn gặp thấy Ngài.
"Dù chắp cánh bay từ phía hừng đông xuất hiện,
đến ở nơi chân trời góc biển phương tây,
tại đó cũng tay Ngài đưa dẫn,
cánh tay hùng mạnh giữ lấy con.
"Con tự nhủ: 'Ước gì bóng tối bao phủ tôi
và ánh sáng quanh tôi trở thành đêm tối!'
Nhưng đối với Ngài, tối tăm chẳng có chi mù mịt,
và đêm đen sáng tỏ như ban ngày,
bóng tối và ánh sáng cũng như nhau"
(Tv 138, 7-12)

Niềm tin này sẽ nâng đỡ ta trong cuộc chiến chống lại mọi hình thức sự dữ tồn tại tại một Ai Cập nào đó. Niềm tin này sẽ là ngọn đèn dẫn lối ta đi trên con đường gập ghềnh. Không có niềm tin này, các ước mơ tốt đẹp nhất của con người cũng chỉ là cát bụi mà thôi.

BA CHIỀU KÍCH CỦA MỘT CUỘC ĐỜI TOÀN VẸN

"Chiều dài, chiều rộng và chiều cao đều bằng nhau" (Kh 21,16).

Họ để mình bị lôi cuốn vào các công việc trần thế đến nỗi họ không còn biết mình bị ngọn sóng duy vật cuốn mất, bị giam hãm và ngụp lặn trong ao tù nước đọng của chủ nghĩa thế tục. Họ sống trong một môi trường mà giáo sư Sorokin gọi là "Một nền văn hóa của giác quan". Con người ngày nay chỉ tin vào các điều mà họ cảm nhận được nhờ năm giác quan của mình.

Sống lưu đày tại đảo Patmos, thánh Tông Đồ Gioan không còn được hưởng một tự do nào khác, ngoài tự do suy tư. Ngài suy nghĩ về nhiều điều. Về trật tự chính trị của thời Cổ Đại, về sự bất toàn bi thảm của nó cũng như các bất công khủng khiếp mà nó gây nên. Ngài suy nghĩ về Giêrusalem cũ, với lòng đạo đức hão cũng như tính vụ hình thức của nó. Nhưng khi nhìn về quá khứ đen tối, khả dĩ làm suy sụp tinh thần, thánh Tông Đồ cũng có một thị kiến về một cái gì đó vừa mới lạ, vừa vĩ đại. Ngài thấy thành Giêrusalem mới, thánh thiện từ trời, từ nơi Thiên Chúa mà xuống. Thành Giêrusalem mới là một thành toàn hảo, rạng rỡ như buổi bình minh sau đêm tối dày đặc chứa đầy bất toàn. Thành không được xây dựng dang dở, nghiêng lệch, nhưng hoàn tất trong mỗi chiều kích và tất cả mọi chiều kích. Mô tả thành Giêrusalem mới, thánh Gioan viết: "Chiều dài, chiều rộng và chiều cao đều bằng nhau" (Kh 21,16). Thành thánh của Thiên Chúa không phải là một công trình kiến trúc mất cân đối, với một bên là các tháp canh tức là các

nhân đức, và bên kia là các hố sâu tức các tật xấu. Nhưng, trái lại, thành thánh được xây dựng hoàn tất về mọi mặt.

Đối với nhiều người, sách Khải Huyền là một sách lạ lùng, thường làm họ bối rối, và người ta cũng thường gạt nó ra một bên, vì có quá nhiều điều bí ẩn, khó hiểu trong đó. Nhưng bên dưới ngôn ngữ đặc trưng của thánh Gioan và tính biểu tượng khải huyền, ta khám phá ra nhiều sự thật vừa sâu xa, vừa làm ta thêm phấn khởi. Khi mô tả thành thánh mới của Thiên Chúa, thánh Gioan muốn mô tả nhân loại lý tưởng và nói rằng cuộc đời hoàn hảo phải là một cuộc đời trọn vẹn, hoàn tất về mọi mặt.

Một cuộc đời không hoàn tất hay chỉ hoàn tất một phần -- dầu là của một cá nhân hay của một tập thể -- luôn có cái gì đó làm ta phải lo ngại, xót xa. Ta thường khó mà nói rằng một con người nào đó là một con người vĩ đại mà không cần phải xác định thêm một số điều, để nhận định của ta đúng với sự thật. Vì thế các nhận định của ta thường kèm theo từ 'nhưng'. Cựu Ước nói rằng "Naaman là một người có thần thế, nhưng...". Từ 'Nhưng' nói lên điều bi thảm của cuộc đời ông. "Nhưng ông mắc bệnh phong" (2V 5,1). Có biết bao cuộc đời phải mô tả theo cách này.

Hy Lạp là một quốc gia vĩ đại, đã để lại cho nhân loại một kho tàng to lớn về sự khôn ngoan, với các đại thi sĩ như Eschyle, Sophocle và Euripide, với các đại triết gia như Socrate, Platon và Aristote. Hy Lạp là một quốc gia vĩ đại, nhưng... 'nhưng' ở đây, nhấn mạnh sự kiện bi thảm là, trong thực tế, Hy Lạp chỉ là một chính thể quý tộc dành cho một số ít người hơn là một chính thể dân chủ dành cho mọi người. 'Nhưng', ở đây, cũng nói lên sự kiện đáng ghê tởm là tổ chức thành-thị-quốc-gia của Hy Lạp lại đặt nền tảng trên chế độ nô lệ.

Nền văn minh Tây Phương là một nền văn minh lớn, đã để lại cho thế giới một kho tàng kỳ diệu về triết học, nghệ thuật, kể từ thời Phục Hưng; cuộc cách mạng kỹ nghệ là khởi đầu của một tiến trình phát triển dẫn con người tới chỗ phồn vinh về đời sống vật chất. Nền văn minh Tây Phương là một nền văn minh lớn, nhưng... 'Nhưng', ở đây, nhắc ta nhớ lại các bất công, các tai họa của chế độ thực dân, của một nền văn minh đã để cho phương tiện về mặt vật chất lấn át các mục tiêu về mặt tinh thần.

Nước Mỹ là một quốc gia vĩ đại, với bản Tuyên Ngôn Độc Lập trong đó phẩm giá con người được xác nhận một cách rõ ràng nhất, ít có thể hiểu sai nhất. Nước Mỹ đã xây dựng những cây cầu vượt biển, những ngôi nhà chọc trời, thu ngắn khoảng cách bằng cách phát minh ra máy bay, v. v... Nước Mỹ là một quốc gia vĩ đại, nhưng... 'Nhưng', ở đây là tình trạng nô lệ mà hơn hai mươi triệu người da đen phải chịu suốt hơn hai trăm năm: các người nam người nữ này mất hết quyền sống, tự do và hạnh phúc. 'Nhưng', ở đây, cũng còn là chủ nghĩa duy vật thực tiễn, quan tâm đến sự vật nhiều hơn các giá trị đích thực.

Và, như vậy, mọi khẳng định của ta về tính vĩ đại đều không kèm theo một dấu chấm hết, tượng trưng cho sự hoàn tất, nhưng lại kèm theo một dấu phẩy, nói lên các giới hạn đau buồn. Nhiều nền văn minh lớn chỉ lớn về một số mặt. Nhiều con người vĩ đại chỉ vĩ đại trong một số lãnh vực và tỏ ra yếu kém, hèn nhát trong một số mặt khác.

Nhưng cuộc đời phải mạnh mẽ và hoàn tất về mọi mặt. Một cuộc đời hoàn tất có ba chiều kích như đã được nói đến trong sách Khải Huyền:

[a] Chiều dài của cuộc đời là tiến trình các nỗ lực của mỗi người để đạt tới các mục tiêu và các tham vọng cá nhân, là mối quan tâm của mỗi người mưu cầu hạnh phúc và thành công cho chính mình.

[a] Chiều rộng của cuộc đời là mưu cầu hạnh phúc cho người khác.

[a] Chiều cao của cuộc đời là hướng đi lên tới Thiên Chúa.

Một cuộc đời hoàn tất thật sự là một tam giác đều. Ở một góc đáy là cá nhân con người; ở góc đáy đối diện là tha nhân; ở góc đỉnh là Thiên Chúa. Nếu không có sự phát triển đồng đều của mỗi cạnh tam giác, thì không thể có được một cuộc đời hoàn tất.

I. Trước hết, ta hãy nói về chiều dài của cuộc đời, nghĩa là mối quan tâm của mỗi cá nhân để phát huy các khả năng của mình. Theo một nghĩa nào đó, đây là chiều kích có tính cách vụ lợi của cuộc sống. Nhưng cũng có một mối quan tâm về chính bản thân mình vừa hợp lý vừa lành mạnh. Rabbi Josua Liebman nói rằng ta phải yêu mình một cách đúng đắn trước khi có thể yêu người khác một cách thích hợp. Nhiều người đã rơi vào vực thẳm của định mệnh tức là sống theo cảm xúc, chỉ vì họ không biết yêu mình một cách lành mạnh.

Mỗi người phải biết quan tâm đến mình và cảm thấy có trách nhiệm khám phá ra sứ mạng của mình trong cuộc sống. Mỗi con người bình thường đều được Thiên Chúa ban cho một việc gì đó để làm. Hẳn là có người nhận được nhiều nén bạc hơn người khác, nhưng Thiên Chúa không bao giờ để cho ai không có nén bạc nào cả. Trong ta có những khả năng sáng tạo và ta phải cần cù làm việc để khám phá ra chúng.

Ai đã hiểu được điều mình phải làm thì phải làm hết sức mình để thực hiện điều đó. Phải hành động như thể Thiên Chúa Toàn Năng đã gọi mình vào chính thời điểm này của lịch sử và cho chính công việc này. Không một ai có thể góp phần lớn lao cho nhân loại mà lại không có ý thức cao về công việc phải làm và làm với quyết tâm cao. Không một ai có thể biến các khả năng của mình thành hành động mà không có sự năng động này thúc đẩy từ bên trong. Long Fellow đã viết: "Các đỉnh núi cao bị chinh phục bởi những con người vĩ đại, nhưng chúng không bị chinh phục dễ dàng; trong khi các bạn đồng hành ngủ say, thì họ tiến lên, vất vả nhọc nhằn trong đêm tối".

Bây giờ, tôi có thể ngỏ lời một cách đặc biệt hơn với các bạn trẻ được không? Chiều dài của cuộc đời là một lời mời gọi có một không hai. Các bạn đang theo học tại các trường khác nhau. Các bạn nên biết điều này: nếu giờ đây các cánh cửa của các trường học được rộng mở đón các bạn, thì, trong quá khứ, nó đã không bao giờ được mở ra cho cha mẹ các bạn. Các bạn có bổn phận bước qua các cánh cửa này. Các bạn phải khám phá ra, càng sớm càng hay, các bạn sinh ra để làm công việc gì và không ngừơng phấn đấu để đạt đỉnh cao nhất trong các lãnh vực khác nhau. Ông Ralf Waldo Emerson đã nói: "Nếu một người có khả năng viết một cuốn sách hay nhất, giảng một bài giảng hay nhất, hay làm được một cái bẫy chuột tốt hơn người hàng xóm, thì, dầu người ấy có cất chòi ở trong rừng rậm, thế giới cũng tìm ra lối vào đến tận cửa chòi ông ở". Điều này ngày càng trở nên hiện thực hơn. Các bạn đừng đợi đến ngày được giải phóng hoàn toàn mới tích cực đóng góp cho quốc gia này. Hẳn là các bạn đang đứng trước một sự do dự tự nhiên -- một sự do dự gây nên bởi các di sản mà các bạn thừa hưởng từ chế độ nô lệ, phân biệt chủng tộc, bởi các trường học kém chất lượng, bởi những con người xem các bạn như "những công dân hạng hai". Nhưng các bạn phải quyết tâm gạt bỏ các chướng ngại do hoàn cảnh gây nên. Điều khích lệ các bạn là đã có rất nhiều người da đen đã sống và làm việc trong những điều kiện vô cùng khó khăn nhưng đã trở thành những ngôi sao sáng chói, những con người thành đạt trong nhiều lãnh vực khác nhau. Một ví dụ cụ thể: Ralf J. Bunche là cháu của một nhà truyền giáo nô lệ nhưng đã phấn đấu trở thành một nhà ngoại giao tài ba. Và còn biết bao con người đã sống và làm việc cũng đã thành công vượt bực như vậy. Điều này nhắc cho chúng ta nhớ rằng, chúng ta vẫn phải đóng góp một cái gì và đóng góp ngay từ bây giờ.

Từ khắp mọi nơi, chúng ta được mời gọi làm việc không ngơi nghỉ để thành đạt trong nghề nghiệp của chúng ta. Không phải mọi người đều có khả năng làm một công việc chuyên môn. Rất ít người đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật, khoa học. Còn đại đa số chúng ta được mời gọi làm việc trong các nhà máy, nơi đồng ruộng, ngoài đường phố. Nhưng không có một công việc nào tầm thường cả. Mọi công việc mưu ích cho nhân loại đều có giá trị, đều quan trọng và người làm công việc này phải phấn đấu làm một cách hoàn hảo nhất, không lùi bước trước các khó khăn vất vả. Ai được mời gọi quét đường thì hãy quét như Michel-Ange vẽ, như Beethoven soạn nhạc, như Shakespeare viết kịch. Người ấy phải quét đường một cách hoàn hảo đến nỗi khách từ trời xuống hay từ tứ phương thiên hạ tuôn đến phải dừng chân lại và trầm trồ ca ngợi: "Đây là nơi sinh sống và làm việc của một người quét đường vĩ đại -- một người đã hoàn thành một cách tốt đẹp nhất công việc mình phải làm". Đây cũng là điều Douglas Mallock muốn nói khi ông viết:

"Nếu bạn không thể là cây thông trên đồi cao,
thì hãy là cây nhỏ dưới thung lũng,

nhưng là cây nhỏ xinh đẹp nhất bên dòng suối mát.
Hãy là cây nhỏ nếu bạn không thể là cây đại thụ.
Nếu bạn không thể là con đường, thì hãy là lối đi,
nếu bạn không thể là mặt trời, thì hãy là những vì sao;
không phải vì vóc to dáng lớn mà bạn sẽ thắng.
Hãy là người tốt nhất, dầu bạn là ai."

Bạn hãy để tâm xem công việc nào thích hợp với bạn nhất và quyết tâm làm công việc ấy với tất cả sự hăng say bạn có thể có được. Làm việc như vậy đưa bạn đến việc thể hiện chính mình trong chiều dài của cuộc đời.

II. Một số người không bao giờ vượt qua được chiều dài của cuộc đời. Họ có thể là những cá nhân vượt trội, phát huy tối đa các khả năng của mình, nhưng lại giam hãm mình trong các ranh giới do mình đặt ra -- những ranh giới khả dĩ làm cho họ bị tê liệt, chỉ vì họ quy tất cả về mình. Họ sống trong các ranh giới chật hẹp của các tham vọng và các ước muốn của họ. Còn gì bi thảm hơn khi thấy con người lún sâu và chết ngạt trong chiều dài của cuộc đời như vậy.

Nếu cuộc đời là một cuộc đời hoàn tất, thì ngoài chiều dài, còn có chiều rộng: đó là việc mưu cầu hạnh phúc cho người khác. Người ta chưa thực sự biết thế nào là sống, nếu bao lâu chưa vượt ra ngoài các giới hạn của các nhân, để đưa mắt nhìn đến các công việc của người khác, đến những gì liên quan đến mọi người. Một cuộc đời có chiều dài mà không có chiều rộng có thể ví được như một dòng sông không đổ vào biển cả, và, vì thế, trở thành ao tù nước đọng, không có sự sống, không có dòng nước trong mát. Để cuộc đời có được một ý nghĩa và một sức mạnh sáng tạo, mưu cầu lợi ích cá nhân phải kết hợp với mưu cầu lợi ích cho người khác.

Mô tả một cách tượng trưng cuộc phán xét chung, Đức Giêsu đã cho chúng ta thấy Người dựa trên tiêu chuẩn nào để tách biệt chiên với dê: đó là điều ta làm cho người khác. Chúng ta sẽ bị tra hỏi không phải về số bằng cấp mà ta đã có được, nhưng về các việc chúng ta đã làm cho người khác. Chúng ta đã cho kẻ đói ăn, kẻ khát uống, cho kẻ mình trần áo mặc không? Chúng ta đã thăm nom kẻ đau yếu, đã đến thăm kẻ ngồi tù không? Đó là những câu hỏi mà Chúa của sự sống sẽ hỏi chúng ta. Chúng ta có thể nói: mỗi ngày là một ngày phán xét, bằng hành động và lời nói, bằng im lặng hay lên tiếng, chúng ta không ngừng viết vào trong Sách Sự Sống.

Ánh sáng đã đến trong thế giới và mỗi người phải quyết định bước đi trong ánh sáng tức là yêu thương người khác một cách sáng tạo hay trong bóng tối tức là sống ích kỷ, với tất cả sự tàn phá mà lối sống như vậy có thể gây nên. Đây chính là cuộc phán xét. Câu hỏi thường xuyên nhất, cấp bách nhất của cuộc đời chính là câu hỏi sau đây: "Chúng ta đã làm gì cho người khác?"

Thiên Chúa đã làm nên thế giới này và Người sẽ để cho mọi sự không diễn ra trôi chảy nếu như mọi người không tích cực quan tâm đến chiều rộng của cuộc đời. 'Cái-là-tôi' sẽ không đạt được tầm vóc đích thực nếu không có 'cái-

là-anh'. Con người sẽ không là mình mà không có những con người khác. Các nhà tâm lý xã hội cho chúng ta thấy rằng chúng ta không thể là những con người không có tương quan với những con người khác. Cuộc sống là một mối tương quan và tất cả mọi người đều lệ thuộc vào nhau. Thế mà, chúng ta vẫn phải di chuyển trên một con đường được trải một lớp nhựa trơn trượt là tính ích kỷ vô độ, gây ra không biết bao nhiêu hỗn loạn! Các vấn đề bi thảm chúng ta phải đối phó trong thế giới ngày nay, nói lên sự bất lực của con người trong việc đưa thêm chiều rộng vào chiều dài của cuộc sống.

Chúng ta nhận thấy điều này một cách rõ ràng trong cuộc xung đột chủng tộc tại quốc gia chúng ta. Nguyên nhân của cuộc khủng hoảng chính là vì các người anh em da trắng chỉ biết đến chiều dài của cuộc đời: đặc quyền kinh tế, quyền lực chính trị, địa vị xã hội, điều mà hoặc gọi chung là "một phong cách sống". Chỉ cần họ thêm chiều rộng vào chiều dài, cái nhìn hướng tới người khác vào cái nhìn về mình, thì các cuộc cãi vả của chúng ta sẽ biến thành một bản giao hưởng ca ngợi tình huynh đệ đại đồng.

Trong lãnh vực quốc tế, chúng ta cũng nhận thấy rằng việc thêm chiều rộng vào chiều dài là một điều cần thiết. Vợ chồng chúng tôi đã có dịp viếng thăm Ấn Độ. Chúng tôi được thấy tận mắt nhiều điều làm chúng tôi hài lòng nhưng cũng lắm điều làm chúng tôi phải xót xa. Không xót xa sao được khi thấy 370 triệu người trên tổng số 435 triệu người Ấn chỉ có 70 đô-la để sống hàng năm, không có phương tiện khám bệnh và chữa trị.

Các điều kiện sinh sống như thếù lại chẳng liên quan gì đến chúng ta sao? Tại nước Mỹ, chúng ta có thể an tâm suy nghĩ như thế được không? Không, chắc chắn là không. Vận mệnh của chúng ta trong tư cách là một quốc gia cũng liên quan đến vận mệnh của Ấn Độ. Chừng nào tương lai của Ấn Độ -- hay của bất cứ một quốc gia nào khác -- chưa được bảo đảm thì tương lai của chúng ta cũng chưa được bảo đảm. Chúng ta có bổn phận sử dụng các tài nguyên to lớn của chúng ta để giúp các nước đang trên đà phát triển. Chúng ta đã chẳng sử dụng ngân sách quốc gia để thiết lập các căn cứ quân sự thay vì để phát huy sự hiểu biết lẫn nhau đó sao?

Cuối cùng, chúng ta nhận thấy rằng tất cả mọi người đều lệ thuộc vào nhau, và, vì thế, liên quan với nhau trong cùng một tiến trình phát triển duy nhất. Chúng ta không thể tránh được điều này là chúng ta là những người giữ gìn người anh em chúng ta, do bởi các mối tương quan ràng buộc chúng ta với nhau. Không một dân tộc hay một cá nhân nào lại có thể sống trong sự cô lập. Chân lý này đã được nói lên bởi John Donne bằng những lời lẽ đầy sức thuyết phục sau đây:

"Không ai là một hòn đảo, tự đủ cho mình; mỗi người là một phần của một lục địa, một phần của một tổng thể. Nếu một phần đất bị biển cả cuốn đi, cả Châu Âu sẽ bị thiệt thòi, dầu phần đất này chỉ là một mũi đất cao nhô ra biển hay lâu đài của một người bạn hoặc của chính mình. Mỗi con người chết đi là một mất mát cho tôi, vì tôi cũng là một phần của nhân loại. Vì thế,

đừng bao giờ hỏi: "Hồi chuông báo tử gióng lên cho ai?". Hồi chuông báo tử gióng lên cho bạn đoù."

(Bài suy niệm XVII)

Nhận ra mối dây liên kết mọi người thành một khối cũng như quan tâm tích cực hoạt động để mưu cầu hạnh phúc cho người khác, trong tinh thần huynh đệ đại đồng, đó chính là chiều rộng của cuộc đời con người.

III. Còn phải có một chiều kích thứ ba để cuộc đời là một cuộc đời hoàn tất: đó là chiều cao của cuộc đời, chiều đưa ta tới một cái gì cao hơn, một cái gì lớn hơn con người. Chúng ta phải vươn thẳng lên khỏi mặt đất và thề hứa sống trung thành với Đấng Vĩnh Cửu là nguồn cội và là nền tảng của mọi thực tại. Nếu chúng ta thêm chiều cao vào chiều dài và chiều rộng, thì chúng ta sẽ làm cho cuộc đời được hoàn tất viên mãn.

Trong cuộc đời, một số người không bao giờ đi xa hơn chiều dài. Một số khác cũng không bao giờ đi xa hơn chiều dài và chiều rộng gộp lại. Họ phát huy tối đa các khả năng của mình, họ thực sự quan tâm đến người khác. Nhưng, họ dừng tại đó. Họ bị gắn chặt với trái đất đến nỗi họ kết luận rằng con người là Thiên Chúa. Và họ tìm cách sống như thể không có trời.

Có nhiều lý do giải thích tại sao con người ngày nay không mấy quan tâm đến chiều kích thứ ba này. Một số người hoài nghi một cách chính đáng. Nhìn thấy tận mắt biết bao điều ác về thể lý cũng như tinh thần, họ tự hỏi: "Nếu có một Thiên Chúa tốt lành và toàn năng, thì tại sao Người lại cho phép tai họa và bất hạnh xảy đến với những người đáng lẽ ra không phải gánh chịu?". Và vì không thể tìm được câu trả lời thích hợp cho câu hỏi này, họ đành chấp nhận thuyết bất khả tri. Một số người khác gặp khó khăn khi phải 'hòa giải' các khám phá thuộc phạm vi khoa học và lý trí với các tín điều tôn giáo thường tỏ ra không khoa học, cũng như với các quan niệm cổ truyền về Thiên Chúa.

Tuy vậy, tôi nghĩ rằng đa số các người khác thuộc về một loại thứ ba. Họ không phải là những người vô thần xét về mặt lý thuyết, nhưng lại là những người vô thần, xét về mặt thực tiễn. Họ không công khai tuyên bố chối bỏ Thiên Chúa, nhưng lại không ngừng tống khứ Thiên Chúa ra khỏi cuộc sống của họ. Họ sống như thể không có Thiên Chúa. Rất có thể họ hành động như thế một cách vô thức. Họ không nói: "Thôi, lạy Chúa, con bỏ Chúa". Nhưng họ để mình bị lôi cuốn vào các công việc trần thế đến nỗi họ không còn biết mình bị ngọn sóng duy vật cuốn mất, bị giam hãm và ngụp lặn trong ao tù nước đọng của chủ nghĩa thế tục. Họ sống trong một môi trường mà giáo sư Sorokin gọi là "Một nền văn hóa của giác quan". Con người ngày nay chỉ tin vào các điều mà họ cảm nhận được nhờ năm giác quan của mình.

Nhưng cố gắng dùng thế giới đặt trọng tâm vào con người để thay thế cho thế giới đặt trọng tâm vào Thiên Chúa, cuối cùng, chỉ có thể làm cho con người cảm thấy thất vọng hơn. Reinhold Niebuhr đã nói: "Từ năm 1914, các

biến cố bi thảm liên tục xảy ra như thể là phản bác các ảo tưởng hão huyền của con người thời đại ngày nay". Chúng ta đang lênh đênh trên đại dương của lịch sử như một con tàu không có địa bàn, không có người lái, không có phương hướng. Chúng ta nghi ngờ ngay cả các mối ngờ vực của chúng ta, và, cuối cùng, tự hỏi xem phải chăng đích thực có một sức mạnh thiêng liêng nào đó làm nền tảng cho thực tại.

Có những kinh nghiệm thiêng liêng mà chúng ta có thể chối bỏ về mặt lý thuyết, nhưng chúng ta lại không thể giải thích được, nếu chỉ đặt chúng trong phạm vi vật chất. Mặc dầu chúng ta tôn trọng trật tự tự nhiên, nhưng chúng ta vẫn luôn gặp phải một cái gì đó ở trên chúng ta, làm chúng ta phải tự hỏi rằng phải chăng sự sắp xếp tuyệt vời trong vũ trụ lại chỉ có thể là sự sắp xếp ngẫu nhiên của các nguyên tử và điện tử? Mặc dầu chúng ta tôn trọng một cách quá đáng các sự vật vật chất, nhưng vẫn luôn có một cái gì đó nhắc nhở cho chúng ta về một thực tại vô hình. Ban đêm, chúng ta nhìn thấy các vì sao lấp lánh như những ngọn đèn sáng chói từ muôn thuở tô điểm bầu trời. Lúc đó, chúng ta nghĩ rằng chúng ta thấy tất cả, nhưng cũng có cái gì đó nhắc chúng ta nhớ rằng chúng ta không thấy định luật vạn vật hấp dẫn đang làm cho các vì sao như đứng yên một chỗ. Chúng ta thán phục một ngôi đền thờ dâng kính Thiên Chúa, nhưng có một cái gì đó nhắc nhở cho chúng ta biết rằng, thực ra, chúng ta không thể nào nắm bắt hết ý nghĩa trọn vẹn của toàn bộ công trình kiến trúc này. Chúng ta không thể hiểu thấu ý định của vị kiến trúc sư đã thiết kế và xây dựng đền thờ này. Chúng ta cũng không bao giờ thấy hết tất cả tình yêu và lòng tin của những con người đã đóng góp công sức để hoàn thành công trình xây dựng này.

Các bạn và tôi, chúng ta nhìn nhau và mau chóng nói rằng điều chúng ta thấy về thân xác của chúng ta là tất cả những gì tạo thành chúng ta. Vào thời điểm này, các bạn thấy tôi đang giảng thuyết và các bạn kết luận ngay tức khắc rằng các bạn thấy Martin Luther King. Nhưng các bạn phải nhớ rằng các bạn chỉ thấy thân xác của tôi -- một thân xác tự nó không có khả năng lý luận và suy tư. Không bao giờ các bạn có thể thấy được cái 'tôi', cái làm cho tôi là tôi, cũng như không bao giờ tôi có thể thấy được cái làm cho bạn là bạn. Có một cái gì đó không thể nhìn thấy được mà ta gọi là nhân cách, và, ở bên kia hình dáng mà chúng ta có thể thấy được. Triết gia Platon đã có lý khi ông nói rằng điều có thể thấy được chỉ là cái bóng của điều không thể thấy được.

Thiên Chúa luôn ở trong vũ trụ của Người. Các thành tựu khoa học kỹ thuật không thể tống khứ Người ra khỏi không gian vĩ mô của nguyên tử cũng như không gian vĩ mô của vũ trụ rộng lớn giữa các giải ngân hà. Sống trong một vũ trụ mà các khoảng cách phải tính bằng tỷ năm ánh sáng, con người thời đại ngày nay cũng thốt lên như tác giả thánh vịnh xưa:

"Ngắm tầng trời tay Chúa sáng tạo,
Muôn trăng sao Chúa đã an bài,
thì con người là chi mà Chúa cần nhớ đến,

phàm nhân là gì mà Chúa phải bận tâm?"
(Tv 8, 4-5)

Tôi muốn động viên các bạn ưu tiên tìm kiếm Thiên Chúa. hãy để Thần Khí của Người xâm nhập lòng bạn. Để đối phó với các khó khăn và thử thách của cuộc đời, các bạn cần Thiên Chúa. Trước khi con thuyền của cuộc đời các bạn đến được bến cuối cùng, nó sẽ phải trải qua nhiều cơn bão dai dẳng, khó lường trước được, nhiều cơn lốc dữ dằn, phải đi qua nhiều vùng biển động mạnh đến nỗi làm cho các bạn sợ hãi. Nếu các bạn không có niềm tin vào Thiên Chúa -- một niềm tin sâu xa và bền vững-- thì các bạn sẽ không có đủ sức mạnh để đối phó với các trì trệ, các thất vọng, các thăng trầm, là những điều không thể tránh khỏi được. Không có Thiên Chúa, các cố gắng của chúng ta sẽ biến thành mây khói và các buổi bình minh của chúng ta sẽ trở thành đêm tối dày đặc. Không có Thiên Chúa, cuộc đời là một bi kịch thiếu một hướng tiến tới, thiếu những cảnh quyết định. Nhưng với Thiên Chúa, chúng ta có thể đi từ các thung lũng đầy biến động tới các đỉnh cao của sự bình an trong tâm hồn. Và, nhờ vậy, chúng ta có thể khám phá ra các vì sao rạng rỡ của niềm hy vọng trong đêm tối dày đặc của cuộc đời. Thánh Âutinh đã rất đúng khi nói: "Lạy Chúa, Ngài đã dựng nên chúng con cho Ngài và tâm hồn chúng con sẽ không tìm được bình an bao lâu chưa an nghỉ nơi Ngài".

Có một nhà truyền giáo lão thành và khôn ngoan đến diễn thuyết cho các học sinh tại một trường trung học. Sau bài giảng thuyết, ông nấn ná chuyện trò với học sinh sắp ra trường. Ông hỏi Robert -- một học sinh trẻ, thông minh: "Này bạn, bạn có dự tính nào cho tương lai không?" -"Tôi sẽ theo học Trường Luật", Robert trả lời. "Và sau đó?", nhà truyền giáo hỏi. "Tôi sẽ cưới vợ, có con cái, lo làm ăn, hành nghề luật sư", Robert trả lời. "Và sau đó nữa, Robert?", nhà truyền giáo tiếp tục hỏi. "Tôi hy vọng kiếm được khá tiền với nghề luật sư; rồi tôi nghỉ hưu, dùng một số giờ rảnh rỗi để đi chu du khắp đó đây như tôi hằng luôn ao ước", Robert trả lời. "Và sau đó nữa?", nhà truyền giáo tiếp tục hỏi. "Tôi không còn có một chương trình nào nữa?", Robert trả lời. Nhà truyền giáo đưa mắt nhìn Robert --một cái nhìn đầy yêu thương, và quan tâm của người cha đối với con mình. Ông nói: "Này anh bạn trẻ, các chương trình của bạn thật quá ngắn hạn, chỉ kéo dài vỏn vẹn có 75 hay 100 năm là cùng. Bạn hãy có những chương trình đủ dài hạn để đưa Thiên Chúa vào đó, và đủ rộng lớn để bao gồm thời gian vĩnh cửu".

Đây là một ý kiến rất khôn ngoan. Tôi sợ rằng nhiều người trong số các bạn đang mò mẫm trong những chương trình đồ sộ về số lượng nhưng lại quá thu hẹp về chất lượng, trong những chương trình trải rộng theo chiều ngang của thời gian thay vì vươn lên theo chiều cao của vĩnh cửu. Tôi cũng muốn động viên các bạn hãy có những chương trình đủ lớn, đủ rộng để có thể thoát khỏi các xích xiềng của thời gian và các chướng ngại của không gian. Các bạn có gì, các bạn là gì các bạn hãy cống hiến cho Thiên Chúa của vũ trụ, Đấng không bao giờ thay đổi các ý định của mình.

Chúng ta tìm thấy Thiên Chúa này ở đâu? Ở trong phòng thí nghiệm? Hẳn là không. Ở đâu, nếu không phải là nơi Đức Giêsu Kitô, Chúa của cuộc đời chúng ta. Đức Kitô giống Thiên Chúa, và Thiên Chúa giống Đức Kitô. Đức Kitô là Ngôi Lời đã trở nên người phàm. Người là ngôn ngữ của vĩnh cửu được diễn dịch bằng các từ ngữ của thời gian. Nếu chúng ta muốn biết Thiên Chúa là gì và ý định của Người về nhân loại như thế nào, thì chúng ta phải quay về với Đức Kitô. Bằng cách gắn bó một cách tuyệt đối với Đức Kitô và đường lối của Người, chúng ta sẽ được thông phần vào hành vi kỳ diệu là hành vi tuyên xưng đức tin -- một đức tin dẫn ta tới sự hiểu biết Thiên Chúa một cách đích thực.

Vậy, chúng ta phải kết luận như thế nào? Các bạn hãy yêu mình, nếu đó là mối quan tâm hợp lý và lành mạnh; các bạn đã nhận được lệnh truyền phải làm như thế; đó là chiều dài của cuộc đời. Các bạn hãy yêu tha nhân như chính mình; các bạn cũng nhận được lệnh truyền phải làm như thế; đó là chiều rộng của cuộc đời. Nhưng các bạn đừng bao giờ quên lệnh truyền thứ nhất, quan trọng hơn nhiều: "Ngươi phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi, hết lòng, hết linh hồn và hết trí khôn ngươi" (Mt 22,37); đó là chiều cao của cuộc đời. Chỉ bằng cách tích cực phát huy mỗi chiều trong số ba chiều kích của cuộc đời, các bạn mới có thể mong đợi sống một cuộc đời hoàn tất được.

Chúng ta tạ ơn Thiên Chúa vì, nhiều thế kỷ trước đây, trong một thị kiến, Người đã cho thánh Tông Đồ Gioan lên tận trời cao và thấy thành Giêrusalem mới, rực rỡ huy hoàng. Ước gì chúng ta cũng nhìn thấy được hàm ý của thị kiến và hăng hái lên đường tiến tới thành đô là cuộc đời hoàn tất, với chiều dài, chiều rộng, chiều cao đều bằng nhau. Chúng ta chỉ đích thực là mình một khi tiến tới thành đô này. Chỉ nhờ sự viên mãn này mà chúng ta có thể trở thành những con người đích thực của Thiên Chúa .

MỘT ƯỚC MƠ KHÔNG THÀNH HIỆN THỰC

"*Khi nào tôi sang Tây Ban Nha, tôi hy vọng trên đường đi tôi sẽ ghé thăm anh em....*"
Rm 15, 24

Một trong những điều làm ta phải đau lòng nhất, đó là ít ai trong chúng ta sống đủ lâu để nhìn thấy các ước mơ chân chính nhất trở thành hiện thực. Các hy vọng của tuổi thơ, các hứa hẹn của tuổi trưởng thành, tất cả chỉ là những bản hòa tấu chưa hoàn tất. Trong một bức tranh nổi tiếng, họa sĩ George Fréderic Watt vẽ Thần Hy Vọng ngồi bình thản trên đỉnh địa cầu, đầu cúi xuống, nét mặt buồn buồn, tay gảy đàn - một cây đàn harpe (thụ cầm) chỉ còn lại một dây duy nhất. Có ai trong chúng ta lại không phải đau khổ khi nhìn thấy các niềm hy vọng tiêu tan, các ước mơ không thành hiện thực?

Trong thư thánh Phaolô gửi tín hữu Rôma, ta tìm thấy một minh họa rõ ràng cho vấn đề làm ta nhức nhối khi "*mộng không thành thực*": "*Khi nào tôi*

sang Tây Ban Nha, tôi hy vọng trên đường đi sẽ ghé thăm anh em?". Thánh Phaolô ước ao sang Tây Ban Nha; như thế, ngài sẽ đem Tin Mừng "*đến tận cùng trái đất*", vì miền đất này được biết đến như tận cùng của thế giới thời đó. Trên đường về, ngàøi cũng ước ao gặp gỡ các Kitô hữu Rôma -một cộng đoàn tín hữu dũng cảm kiên cường. Càng nghĩ về những điều này, ngài lại thấy lòng tràn ngập niềm vui. Từ nay, ngài tập trung chuẩn bị tâm trí để đem Tin Mừng đến tận thủ đô là Rôma và đến tận cùng đế quốc là Tây Ban Nha.

Niềm hy vọng này làm thánh Phaolô phấn khởi biết bao! Nhưng chẳng bao giờ ngài lại đến Rôma đúng như ý ngài muốn. Trái lại, vì niềm tin vào Đức Kitô, ngài bị dẫn độ đến đây như một tù nhân và bị cầm giữ tại một căn nhà nhỏ bé. Và cũng chẳng bao giờ ngài rảo bước trên các nẻo đường gió bụi mịt mù tại Tây Ban Nha, ngắm nhìn các sườn đồi thoai thoải hay quan sát đời sống náo nhiệt tại các bến cảng. Ngài bị đem đi giết tại Rôma để làm chứng cho Đức Kitô. Đời sống của ngài thật là một câu chuyện bi thảm của một ước mơ không thành hiện thực.

Trong cuộc sống, nhiều người cũng đã trải qua những kinh nghiệm như thế. Ai trong chúng ta lại không ước mơ đặt chân đến một Tây Ban Nha nào đó, lại không đề ra một mục tiêu quan trọng và cố gắng đạt được mục tiêu đó với một chút ít vẻ vang nào đó? Nhưng cuối cùng ta không đến được Tây Ban Nha như ta mong ước, không hoàn toàn đạt được mục tiêu như ta đề ra. Chẳng bao giờ ta được rảo bước trên con đường Rôma của ta; trái lại, các hoàn cảnh lại đưa đẩy ta phải sống trong một căn nhà nhỏ bé. Có một sự rạn nứt tai hại xuyên qua cuộc đời chúng ta, và cũng có một sự phân chia phi lý và không thể tiên liệu được xuyên suốt dòng lịch sử. Như tổ phụ Abraham, ta sống trên mảnh đất của lời hứa, nhưng thường lại không trở thành "*những người đồng thừa kế cùng một lời hứa*" (Dt 11,9). Điều ta ước mơ luôn vượt khỏi tầm tay.

Sau những năm chiến tranh dành độc lập, Mahamat Gandhi đã phải chứng kiến cuộc chiến tranh đẫm máu giữa người Ấn Độ và người Hồi giáo: Ấn Đội và Pakistan phân chia thành hai quốc gia và điều này đã làm tiêu tan ước mơ mà ông ấp ủ suốt đời: một nước Ấn Độ độc lập, thống nhất, đoàn kết. Tổng thống Wilson đã nhắm mắt lìa đời trước khi thấy Hiệp Hội Các Quốc Gia được thành lập. Nhiều người da đen đã ao ước nhìn thấy ngày mình được sống tự do, nhưng đã phải ra đi trước ngày giải phóng đến. Sau khi cầu nguyện tại vườn Giệtsimani để khỏi uống chén đắng, Đức Giêsu đã phải uống đến giọt cuối cùng. Thánh Phaolô đã kiên trì và sốt sắng cầu xin Chúa cất cái dằm khỏi thân xác ngài, nhưng nó vẫn đeo đuổi ngài cho đến ngày cuối đời. Các ước mơ không thành hiện thực chính là dấu ấn in sâu vào cuộc đời con người phải chết vậy.

I. Trước khi quyết định phải sống thế nào trong một thế giới mà các ước mơ lớn lao nhất không bao giờ được thành hiện thực trọn vẹn, ta phải tự hỏi: bình thường, người ta phản ứng ra sao trong những trường hợp như vậy?

Có thể ta biến các thất vọng thành những nỗi đắng cay chua xót. Kẻ đi theo con đường này có thể trở thành dửng dưng, lạnh lùng, thù oán đối với Thiên Chúa, đối với những người chung sống với mình cũng như đối với bản thân. Không thể dồn Thiên Chúa hay đời sống vào chân tường, họ trút hết cơn giận lên người khác. Họ không yêu ai và không cần ai yêu mình. Họ không tin tưởng ai và cũng không cần ai tin tưởng mình. Họ độc ác đối với chồng hoặc vợ, bất nhân đối với con cái. Tắt một lời. họ quả là con người đê tiện. Nhìn người khác, việc khác, họ chỉ biết "vạch lá tìm sâu" và không ngừng kêu ca, than vãn.

Phản ứng như trên làm cho tâm trí bị nhiễm độc, nhân cách phải hủy hoại. Thật không có gì tai hại hơn cho một con người khi phải sống trong một tình trạng như vậy. Y học ngày nay cho ta biết rằng, trong một số trường hợp, các bệnh đau dạ dày, thấp khớp, hen suyễn có thể phát sinh từ những bực bội, ấm ức tích trữ lâu ngày. Y học tâm thể nghiên cứu các bệnh phát sinh từ các tổn thương tâm thần, cho thấy rằng oán giận hận thù cũng có thể hủy hoại cơ thể con người.

Cũng có thể có một cách phản ứng thông thường khác: khi thấy hy vọng tiêu tan, con người rút lui vào trong các ranh giới của mình, sống co rúm khép kín, không để người khác đến với mình cũng như từ chối đến với người khác. Những con người như thế chỉ biết giơ tay đầu hàng; không còn cảm nhận được niềm vui trong cuộc sống, họ tìm cách thoát khỏi cuộc sống để vươn tới một thế giới siêu việt, lạnh lùng. Họ là những "con người thoát tục". Quá dửng dưng để có thể yêu thương và quá lãnh đạm để có thể thù ghét; quá xa lạ để có thể sống ích kỷ và quá yếu nhược để có thể thờ ơ; quá thản nhiên để có thể đón nhận niềm vui và quá lạnh lùng để có thể hứng chịu nỗi buồn. Họ là những con người không chết và cũng không sống. Họ chỉ có mặt đó thôi. Mắt họ mù và không còn nhìn thấy vẻ đẹp của thiên nhiên; tai họ điếc và không nghe được các giai điệu của bản hùng ca; tay họ chai cứng và không còn cảm nhận được sự mơn trớn dịu dàng ấm áp của trẻ thơ. Sự sống biến mất nơi họ; chỉ còn lại cuộc sống lạnh lùng, trần trụi. Họ trở thành những con người cay nghiệt, yếm thế, bất lực, như Omar Khayyâm mô tả:

"*Con người đặt hết tin tưởng vào hy vọng trần thế,*
nhưng nó lại tiêu tan thành tro bụi... hoặc có thành tựu,
thì, một đôi khi, như tuyết rơi trên sa mạc,
nó lấp lánh một giờ hoặc hai... và biến mất".

Phản ứng như vậy là tách rời khỏi cuộc sống, lẩn trốn cuộc sống. Các nhà phân tâm học cho biết rằng, nơi những con người sống như vậy, nhân cách ngày càng suy yếu và cuối cùng bị hủy hoại. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến chứng bệnh tâm thần phân lập.

Cũng còn có một cách phản ứng thứ ba trước các thất vọng trong cuộc sống: đó là chấp nhận sống theo thuyết định mệnh, cho rằng việc gì đến thì phải

đến và các biến cố đã được đặt định trước. Thuyết định mệnh chủ trương rằng tất cả đều đã được định trước và không sao tránh khỏi. Những người sống theo thuyết định mệnh chỉ còn biết cam chịu mọi sự mà họ xem là số phận dành riêng cho họ. Với thời gian, họ cảm thấy mình giống như những đứa trẻ mồ côi mất hút trong không gian vô tận đáng sợ. Tin rằng con người không được hưởng một sự tự do nào cả, họ không còn cố gắng tranh luận, quyết định, mà chỉ còn biết chờ đợi một cách thụ động các sức mạnh bên ngoài quyết định thay cho họ. Họ không bao giờ tỏ ra tích cực trong việc tìm cách thay đổi các hoàn cảnh của cuộc sống, vì họ tin rằng, như trong các bi kịch Hy Lạp, mọi sự đã được sắp đặt và điều khiển bởi các sức mạnh mà con người không thể chống lại. Một số người sống như thế có khi lại là những người rất "sùng đạo", xem Thiên Chúa là Đấng an bài mọi sự, quyết định số phận mỗi người. Một số bài thánh ca cũng nói lên quan niệm này, như trong đoạn sau đây:

"*Đường đời con có đen tối,*
số phận con có hẩm hiu,
con cũng chỉ biết ngậm miệng làm thinh,
và dâng lên Chúa lời ước nguyện:
Xin vâng theo ý Chúa"

Vì tin rằng tự do chỉ là huyền thoại, những người chủ trương thuyết định mệnh xem tất cả là tất định, và phó mặc cho định mệnh - một định mệnh làm họ phải tê liệt và đưa họ đến kết luận rằng họ chỉ là "những quân cờ vô vọng trong ván cờ đang diễn ra ngày đêm". Họ cũng chẳng phải lo lắng gì về tương lai, vì "điều gì đã viết là đã viết", và họ không thể thay đổi được câu nào, chữ nào.

Kẻ sống theo thuyết định mệnh giống như người lún sâu vào trong đụn cát và cuối cùng bị chết ngạt, về trí tuệ cũng như về tâm lý. Bởi vì sự tự do thuộc bản chất con người, nên khi phủ nhận sự tự do, người đó không còn là một nhân vị mà chỉ là một con rối. Dĩ nhiên, người sống theo thuyết định mệnh có lý khi xác tín rằng không có tự do tuyệt đối và tự do luôn được thể hiện trong bối cảnh một cơ cấu nhất định. Kinh nghiệm hằng ngày cho ta thấy con người được tự do đi từ Atlanta, tiến về phía bắc và đến Washington, hoặc tiến về phía nam để tới Miami, nhưng không thể nào tiến về phía bắc để tới Miami và về phía nam để tới Washington được. Tự do luôn ở ù trong khuôn khổ của cuộc sống, nhưng có tự do. Ta vừa được tự do vừa được định hướng. Tự do khi suy nghĩ, quyết định, đáp trả trong bản tính có định hướng của chúng ta. Cho dù cuộc sống có ngăn cản ta đến được một Tây Ban Nha rất hấp dẫn nào đó, nhưng ta có khả năng chấp nhaïn thất bại và làm một cái gì đó từ thất bại này, trong khi sống theo thuyết định mệnh chỉ có thể làm cho ta trở thành mù quáng và mất hết khả năng thích nghi với đời sống.

Hơn nữa thuyết định mệnh đặt nền tảng trên một quan niệm sai lầm về Thiên Chúa, khi cho rằng tất cả mọi sự, tốt hay xấu, tất cả đều do bởi Thiên

Chúa. Một tôn giáo lành mạnh luôn chống lại quan niệm xem Thiên Chúa là Đấng muốn sự dữ cho con người. Thiên Chúa cho phép sự dữ xảy ra; nhưng Thiên Chúa không phải là nguồn gốc của sự dữ. Nói rằng Thiên Chúa muốn cho một trẻ em sinh ra phải mù, một con người phải điên, đích thực là một tà thuyết mô tả Thiên Chúa như một ác quỷ thay vì một người Cha đầy lòng yêu thương. Sống theo thuyết định mệnh cũng là một lối sống phó mặc trước những ước mơ không thành hiện thực - một lối sống buông thả và nguy hiểm, không kém lối sống khép kín, oán hận.

II. Vậy đâu là câu trả lời? Là tự ý chấp nhận các hoàn cảnh bất trắc, các nỗi bất hạnh bằng cách bám chắc vào một niềm hy vọng sáng chói, là chấp nhận một thất bại có giới hạn, bằng cách gắn bó với một niềm hy vọng không có giới hạn. Đây không phải là thái độ cam chịu, đau khổ của kẻ sống theo thuyết định mệnh, nhưng là một thái độ tích cực như ngôn sứ Giêrêmia đã mô tả:

"*Đau khổ của mình chỉ có bấy nhiêu ư?*
Thế thì mình sẽ chịu đựng nổi"
(Gr 10,19).

Bạn phải đối phó nghiêm túc với các ước mơ không thành hiện thực. Lẩn trốn vấn đề bằng cách xua đuổi chúng khỏi tâm trí bạn chỉ có thể dẫn đến một tình trạng dồn nén tâm lý đầy nguy hại. Trái lại, bạn hãy đặt thất bại của mình lên bàn mổ và mạnh dạn quan sát thật kỹ càng. "*Làm thế nào tôi có thể biến chướng ngại này thành một điểm xuất phát mới*?". Bị cầm giữ trong một ngục tù Rôma nào đó và không thể đến được Tây Ban Nha mà tôi mơ ước, làm thế nào tôi có thể biến ngục tù thành bến cảng và ô nhục đau khổ thành sức mạnh cứu độ? Hầu hết những gì xảy đến cho ta có thể ở trong các ý định của Thiên Chúa. Suy nghĩ như vậy làm ta nhìn mọi sự với đôi mắt thiện cảm và giúp ta đánh bại tính kiêu căng. Thánh giá mà người đời độc ác bắt ta phải vác, lại là hàng chỉ trong tấm thảm rộng lớn là sự cứu chuộc mà Thiên Chúa đang ra công dệt nên.

Trong số các nhân vật có ảnh hưởng lớn trên thế giới, nhiều người đã biến mũ gai thành triều thiên: Charles Darwin bị bệnh mãn tính, Robert Louis Stevenson bị bệnh lao phổi, Hellen Keller bị điếc và mù. Họ đã không có thái độ hận đời, phó mặc cho số phận, nhưng đã vận dụng sức mạnh năng động của ý chí để biến các hoàn cảnh tiêu cực thành tích cực. Người viết tiểu sử Georg Friedric Haendel kể lại như sau:

"*Sức khỏe tồi tệ, tiền bạc cạn kiệt, ông bị bán thân bất toại. Các con nợ đe dọa tống ông vào ngục. Và cũng có lúc ông cũng đã muốn buông xuôi.... nhưng ông đã trấn tỉnh và đã sáng tác tác phẩm hay nhất trong đời ông: 'Đấng Mêssia*'"

"Halleluia" ra đời không phải trong một ngôi nhà sang trọng, nhưng trong một căn phòng chật hẹp, nghèo nàn.

Có ý định sang Tây Ban Nha nhưng lại kết thúc cuộc đời trong ngục tù Rôma, đây quả là một kinh nghiệm quen thuộc đối với ta. Cũng như biến các mảnh vụn của hy vọng tiêu tan thành cơ may phục vụ ý định Thiên Chúa vậy. Đối với ta, sống cuộc đời năng động chính là chiến thắng bản thân và hoàn cảnh.

Là những người da đen, chúng ta luôn ước mơ sống tự do nhưng lại bị giam hãm trong một ngục tù là sự kỳ thị chủng tộc. Chúng ta phải phản ứng như thế nào? Bằng thù ghét oán hận chăng? Không đời nào! Vì làm như thế là làm suy yếu và hủy hoại nhân cách của chúng ta. Chúng ta phải kết luận rằng kỳ thị chủng tộc là điều Thiên Chúa muốn và ta đành phải cam chịu chăng? Không đời nào! Vì làm như vậy là xúc phạm đến Thiên Chúa bằng cách gán cho Người những điều xấu xa từ ma quỷ mà đến. Thụ động hợp tác với một chế độ bất công sẽ làm cho kẻ bị đàn áp trở thành xấu xa như kẻ đàn áp vậy. Cách thức hành động có hiệu quả chính là can đảm giữ vững quyết tâm luôn tiến lên và vượt lên trên các chướng ngại và các bất hạnh mà không sử dụng bạo lực. Là chấp nhận các thất bại trong khi vẫn luôn bám chặt vào niềm hy vọng, để rồi, cuối cùng, quyết tâm tiến lên, sẽ mở ra cho chúng ta các cánh cửa dẫn đến thành công. Sống trong ngục tù là sự phân biệt chủng tộc, chúng ta phải tự hỏi: "*Làm thế nào chúng ta có thể biến chướng ngại này thành một khởi điểm*?" Nhận biết rằng phải chịu đau khổ là điều cần thiết, chúng ta có thể làm cho nhân loại đạt tới tầm vóc viên mãn. Để khỏi rơi vào oán ghét hận thù, chúng ta phải xem các thử thách của thế hệ này như một cơ may có khả năng đổi mới chính chúng ta cũng như xã hội nước Mỹ vậy. Các đau khổ chúng ta phải chịu hiện nay, cuộc đấu tranh bất bạo động cho tự do mà chúng ta đang theo đuổi, tất cả có thể cống hiến cho nền văn minh Tây Phương một mầm mống của sự năng động tinh thần mà nền văn minh này đang tìm kiếm một cách tuyệt vọng để sống còn.

Hẳn là một số trong chúng ta sẽ chết trước khi đến bến tự do, nhưng chúng ta phải tiếp tục cuộc hành trình. Chúng ta phải biết chấp nhận một thất bại có giới hạn, để không bao giờ đánh mất niềm hy vọng không có giới hạn. Có như vậy, chúng ta mới có thể sống mà không bị oán ghét làm mệt mỏi, hận thù làm tiêu hao.

Đây chính là bí quyết của tổ tiên chúng ta khi phải sống dưới chế độ nô lệ - một chế độ đê hèn và bất nhân. Những người nô lệ bị bắt, bị tách rời khỏi gia đình, bị trói chặt trong con tàu đưa họ từ châu Phi qua châu Mỹ. Đối với con người, không gì bi thảm hơn là bị tách rời khỏi gia đình, ngôn ngữ và cội nguồn của mình. Trong nhiều trường hợp, chồng mất vợ, con cái mất cha mẹ; vợ bị người da trắng làm nhục, chồng cũng không thể chống lại. Nhưng, dù phải chịu nhiều cực hình, tổ tiên chúng ta vẫn vươn lên để sống còn. Khi một ngày mới bắt đầu, những người nô lệ ra đồng hái bông trên những luống dài vô tận, dưới ánh nắng gay gắt, dưới làn roi của những tên giám thị độc ác. Ngày nào cũng như ngày nào. Thế nhưng, những người nam và những người nữ can đảm này vẫn mơ ước một ngày mai xán lạn

hơn. Họ không có cách nào khác là phải làm nô lệ, nhưng họ vẫn bám chặt vào niềm hy vọng được sống tự do. Sống trong một hoàn cảnh hầu như không có lối thoát, họ đã cố giữ cho tâm hồn luôn lạc quan - một sự lạc quan sáng tạo giúp họ đứng vững trong gian truân. Sức sống không bao giờ cạn kiệt nơi họ đã biến tối tăm thành ánh sáng, ô nhục thành hy vọng vậy.

Lần đầu tiên tôi đi từ New York đến London, với loại phi cơ cánh quạt và phải mất 9 giờ 30 phút, thay vì 6 giờ với loại phi cơ phản lực hiện nay. Lúc từ London trở về, người ta cho biết chuyến bay sẽ kéo dài 12 giờ 30 phút, trong khi khoảng cách giữa hai thành phố vẫn không thay đổi. Tại sao phải mất thêm 3 giờ? Khi viên phi công trưởng đến chào hành khách, ông đã giải thích như sau: "Chắc quí vị biết về sức mạnh của gió: khi đi thì xuôi gió, nên mau hơn; còn khi về thì ngược gió, nên chậm hơn". Và ông nói thêm: "Xin quý vị cứ an tâm, với bốn động cơ vừa mạnh vừa khỏe, chúng ta sẽ thắng được gió!". Cuộc đời chúng ta cũng có khi xuôi gió với các niềm vui, các thành công, các hoàn cảnh thuận lợi; nhưng cũng có khi ngược gió, với các nỗi buồn, các thất bại, các hoàn cảnh bất lợi. Phải chăng ta sẽ để cho gió ngược đánh bại ta khi vượt qua Đại Tây Dương, trong khi các động cơ tinh thần lại không ngừng hỗ trợ ta? Từ chối bị đánh bại, quyết tâm sống dũng cảm và tiến lên dù có nhiều chướng ngại, tất cả phản ánh hình ảnh Thiên Chúa nơi chúng ta. Kẻ đã khám phá ra điều này thì biết rõ rằng không một chướng ngại nào có thể làm mình phải lung lạc, không một "cơn gió ngược nào" có thể làm tiêu tan hy vọng ở nơi mình. Con người đó có thể đứng vững dù có xảy ra chuyện gì đi chăng nữa.

Thánh Phaolô đích thực là mẫu người sống dũng cảm. Cuộc đời của ngài là một chuỗi dài thất bại. Các dự định không thực hiện được, các ước mơ không thành hiện thực. Muốn sang Tây Ban Nha, nhưng ngài lại bị giam giữ trong một ngục tù nhỏ bé tại Rôma; muốn đi Bithinia, nhưng ngài lại phải xuống Troa. Muốn hoàn tất sứ mạng rao giảng Tin Mừng, ngài "*phải thực hiện nhiều cuộc hành trình, gặp bao nguy hiểm trên sông, nguy hiểm do trộm cướp, nguy hiểm do đồng bào, nguy hiểm vì dân ngoại, nguy hiểm ở thành phố, trong sa mạc, ngoài biển khơi, nguy hiểm do những kẻ giả danh là anh em*" (2Cr 11, 26). Phải chăng ngài đã để cho các hoàn cảnh thắng được ngài? Ngài viết: "*Tôi đã học sống tự lập trong bất cứ hoàn cảnh nào*" (Pl 4,11). Không phải thánh Phaolô đã học sống cam chịu, vì đời sống của ngài cho thấy ngài không bao giờ chấp nhận sống như thế. Trong cuốn "Ngày tàn và sụp đổ của Đế quốc Rôma", Edward Gilbon viết: "*Hơn bất cứ một người nào khác đã đặt chân lên phần đất Tây Phương, Phaolô là người đã có nhiều đóng góp nhất cho việc cổ võ sự tự do tại nơi đây*". Phải chăng ngài đã để cho hoàn cảnh đưa đẩy? Đã học sống cam chịu chấp nhận một định mệnh khôn dò? Ngài đã phân biệt thế nào là giữ cho tâm hồn thanh thản, thế nào là lệ thuộc vào hoàn cảnh bên ngoài, nên ngài đã học sống tự lập, đứng vững và không ngã lòng trước những thất bại ngài phải chịu trong cuộc sống.

Mỗi người trong chúng ta cũng phải học để biết phân biệt như thánh Phaolô đã làm, và, nhờ vậy, cũng được hưởng "sự bình an vượt trên mọi hiểu biết" (Pl 4,7). Bình an mà thế gian có thể hiểu được là thứ bình an khi trời mùa hạ quang đãng, ánh sáng mặt trời chói lọi, tinh thần và thể xác vắng bóng đau khổ, và ta đến được bến cảng Tây Ban Nha. Nhưng thứ bình an này không phải là bình an thật. Bình an mà thánh Phaolô nói đến chính là sự bình thản của tâm hồn trước các khó khăn, sự bình tĩnh trong cơn giông tố, sự bình tâm ngay cả khi bị cuốn hút vào tâm bão. Chúng ta dễ dàng hiểu bình an là gì khi các nhu cầu của mỗi người được thỏa mãn, nhưng chúng ta lại bối rối khi nghe thánh Phaolô nói rằng chúng ta chỉ có được sự bình an thật khi mọi sự không xảy ra như mong muốn, khi gánh nặng đè lên đôi vai, khi đau khổ hành hạ thân xác, khi phải giam cầm trong bốn bức tường của ngục tù, khi phải thất vọng ê chề. Bình an thật - một sự thanh thản không thể giải thích được - là sự bình an trong bão tố, là sự bình an trong thất bại.

Nhờ đức tin, chúng ta có thể đón nhận di sản của Đức Giêsu để lại cho chúng ta: "*Thầy để lại bình an cho anh em, Thầy ban bình an của Thầy cho anh em*" (Ga 14, 27). Tại thành Philipphê, thánh Phaolô bị tống vào ngục, thân xác bị đánh nhừ tử, chân bị cùm, tâm thần mệt mỏi, vậy mà vào quãng nửa đêm, ngài hát thánh ca ngợi khen Thiên Chúa. Trong thao trường, khi phải đối mặt với thú dữ bị bỏ đói, các Kitô hữu tiên khởi vui mừng khôn xiết vì thấy mình xứng đáng được chịu cực hình vì lòng yêu mến Đức Kitô. Sau một ngày làm lụng vất vả dưới ánh nắng mặt trời, thân xác rã rời vì mệt mỏi, vì các lằn roi quất vào lưng, tổ tiên chúng ta cũng ca khúc khải hoàn: "*Rồi có ngày tôi cũng sẽ cất được gánh nặng đè trên đôi vai*". Trên đây là một vài ví dụ về sự bình an vượt trên mọi hiểu biết.

Từ những ước mơ không thành hiện thực, chúng ta có thể có được cái nhìn tích cực, xây dựng, vì, cuối cùng, chúng ta tin vào Thiên Chúa. Một niềm tin đích thực làm cho chúng ta xác tín rằng bên kia cuộc sống có Sự Sống. Cho dù các hoàn cảnh hiện nay có tỏ ra bất lợi và làm ta phải buồn phiền đến đâu chăng nữa, thì chúng ta vẫn biết rằng chúng ta không chiến đấu một mình. Thiên Chúa chia sẻ với chúng ta ngục tù chật hẹp nhất, tồi tệ nhất đang làm tinh thần chúng ta phải suy sụp. Và ngay cả khi chúng ta có chết mà không tận hưởng được những gì đã được hứa ban ở trần gian này, thì, bằng con đường bí ẩn là cái chết, chúng ta vẫn tới được thành đô được dọn sẵn cho chúng ta. Sức sáng tạo của quyền năng Thiên Chúa không hề bị cuộc sống trần gian làm cạn kiệt, và tình yêu của Thiên Chúa cũng không hề bị cầm giữ trong các ranh giới là thời gian và không gian. Vũ trụ này sẽ vô cùng phi lý khi, cuối cùng, Thiên Chúa không nối kết được nhân đức và thành công. Và cũng vô cùng phi lý khi sự chết dẫn nhân loại vào ngõ cụt. Nhờ Đức Kitô, Thiên Chúa đã khử trừ nọc độc của sự chết và giải thoát chúng ta khỏi sự thống trị của sự chết. Đời sống trần thế của chúng ta là sự báo hiệu của sự sống lại vinh quang và sự chết là cánh cửa dẫn chúng ta đến đời sống vĩnh cửu.

Niềm tin Kitô giáo cho chúng ta khả năng chấp nhận cách khôn ngoan điều không thể thay đổi được, đối phó một cách bình thản với các khó khăn, các thất bại, cũng như chịu đựng các đau khổ lớn lao mà không đánh mất niềm hy vọng, vì như thánh Phaolô nói, từ sự chết hay sự sống, tại Tây Ban Nha hay tại Rôma, "*Thiên Chúa làm cho mọi sự đều sinh ích cho những ai yêu mến Người, tức là những kẻ được Người kêu gọi theo như ý Người định*" (Rm 8, 26).

CON NGƯỜI LÀ GÌ?

"Con người là chi mà Chúa cần nhớ đến,
phàm nhân là gì, mà Chúa phải bận tâm?
Chúa cho con người
chẳng thua kém thần linh là mấy,
ban vinh quang danh dự làm mũ triều thiên"
(Tv 8, 5-6)

Con người khác với con vật nhờ sự tự do làm điều ác hay điều thiện, tiến tới trên con đường dẫn tới chân, thiện, mỹ hay đi theo con đường dẫn tới diệt vong

Toàn bộ cơ cấu chính trị, xã hội, kinh tế của thế giới lệ thuộc phần lớn vào câu trả lời cho câu hỏi này. Thật vậy, con người là con tốt trên bàn cờ hay là một nhân vị? Một bánh xe trong cỗ máy hay một hữu thể tự do, có khả năng sáng tạo và chịu trách nhiệm về các hành vi của mình? Câu hỏi này cũng xưa như con người và cũng mới như tờ báo sáng nay. Đặt câu hỏi thì hầu như mọi người đều nhất trí; còn trả lời câu hỏi thì gây nhiều tranh luận.

Những người theo thuyết duy vật thì cho rằng con người chỉ là một con vật, một vật nhỏ bé trong một tổng thể to lớn đang vận hành, tức là thiên nhiên, hoàn toàn vô thức và phi nhân cách. Toàn bộ đời sống con người có thể giải thích bằng biến hóa của vật chất. Một hệ thống tư tưởng như thế khẳng định rằng hành động con người bị điều kiện hóa; trí tuệ con người cũng chỉ là sản phẩm của bộ não.

Những quan niệm con người như thế thường có thái độ bi quan. Họ đồng quan điểm với một tác giả thời nay cho rằng con người chỉ là một tai nạn xảy ra trong vũ trụ, một căn bệnh khó chữa trị trên mặt đất, hoặc với Jonathan Swift khi ông viết: "Con người là loài sâu bọ tác hại nhất chưa từng có trước nay mà thiên nhiên để cho sinh sản và tràn lan khắp địa cầu".

Thuyết nhân bản vô thần cũng thường được xem là một câu trả lời khác cho câu hỏi "Con người là gì?". Không tin vào Thiên Chúa cũng như vào sự hiện hữu của một sức mạnh siêu nhiên, thuyết nhân bản vô thần cho rằng con người là một hình thái hiện hữu cao nhất mà vũ trụ tự nhiên có thể làm thành. Thay vì bi quan, những kẻ theo thuyết này lại tỏ ra lạc quan - một sự lạc quan tột độ, đắc thắng như Shakespeare mô tả trong vở kịch Hamlet:

"Con người đích thực là một tuyệt tác: với lý trí trổi vượt và các khả năng vô tận, với dáng điệu duyên dáng như thiên thần và trí tuệ minh mẫn như thần minh. Con người là tinh hoa của vũ trụ, trổi vượt muôn loài muôn vật, về mọi phương diện".

Một số người tỏ ra thực tế hơn, và tìm cách "dung hòa" các học thuyết đối lập trên, đồng thời tránh được tính cực đoan của các học thuyết này. Họ cho rằng sự thật về con người không ở nơi chính đề là thuyết duy vật bi quan cũng không ở nơi phản đề là thuyết nhân bản lạc quan, nhưng ở nơi một hợp đề cao hơn. Cũng không phải là gian ác, cũng không phải là anh hùng, đúng hơn con người vừa gian ác vừa anh hùng. Họ nhất trí với Carlyle khi nói rằng: "Nơi con người còn có những vực thẳm sâu hơn địa ngục sâu nhất, và cũng có những đỉnh cao vươn tới tận tầng trời cao nhất. Vì trời cao và hỏa ngục lại chẳng do con người tạo ra đó sao? Đích thực đây là điều kỳ lạ, nhiệm mầu muôn đời!".

Cách đây nhiều thế kỷ, tác giả thánh vịnh đã ngắm tầng trời và muôn sao trong hệ mặt trời, chiêm ngưỡng vẻ đẹp huy hoàng của trăng sao. Trước vũ trụ bao la vận hành trật tự, câu hỏi cổ xưa và quen thuộc lại xuất hiện trong tâm trí: "Con người là gì?". Và câu trả lời xuất phát từ chân lý cho biết con người là một thụ tạo: "Chúa cho con người chẳng thua kém thần linh là mấy, ban vinh quang danh dự làm mũ triều thiên" (Tv 8, 6).

Các lời này sẽ là nền tảng cho các suy tư khả dĩ giúp chúng ta có được một cái nhìn về con người, vừa đúng với thực tế, vừa hợp với tinh thần Kitô giáo.

I. Trước hết nhân sinh quan Kitô giáo nhìn nhận con người là một sinh vật, có thân xác. Theo nghĩa này, con người là một con vật. Vì thế, tác giả thánh vịnh nói: "Chúa cho con người chẳng thua kém thần linh là mấy". Ta đừng vội nghĩ rằng Thiên Chúa có thân xác. Thiên Chúa là Đấng thần linh, vượt trên mọi phạm trù thời gian và không gian; còn con người thua kém Thiên Chúa nên bị giới hạn trong không gian và thời gian. Con người ở trong thiên nhiên và không bao giờ lại có thể không thừa nhận rằng mình liên kết với thiên nhiên.

Tác giả thánh vịnh nói tiếp rằng Thiên Chúa đã tạo dựng con người như thế. Như vậy, tự bản chất, bản tính con người không phải là điều gì xấu xa, vì sách Sáng Thế cho ta biết rằng mọi sự Thiên Chúa tạo dựng đều tốt đẹp. Có thân xác chẳng phải là điều gì xấu xa. Trái lại, đây là điều khác biệt quan trọng giữa nhân sinh quan Kitô giáo và nhân sinh quan Hy Lạp. Do ảnh hưởng của triết gia Platon, người Hy Lạp kết luận rằng, tự bản chất, thân xác là xấu xa, và linh hồn không thể vươn tới đỉnh toàn hảo bao lâu chưa được giải thoát khỏi ngục tù là thân xác. Mặt khác, Kitô giáo khẳng định rằng chính ý chí, chứ không phải thân xác, mới là nguyên lý của điều ác. Theo cách nhìn của Kitô giáo, thân xác có một ý nghĩa, có một phẩm giá thánh thiêng.

Một cuộc sống thoải mái, sung túc về mặt vật chất luôn là một vấn đề mà mọi học thuyết thực tế về con người phải quan tâm. Khi Đức Giêsu nói con người sống không chỉ nhờ cơm bánh, Người không muốn nói rằng con người có thể sống mà không nhờ cơm bánh. Là Kitô hữu, chúng ta không chỉ nghĩ về "ngôi nhà chúng ta ở trên trời", mà còn về các khu nhà ổ chuột, các khu tập trung đang làm băng hoại linh hồn con người; chúng ta không chỉ hướng về các con đường rộng lớn trên thiên quốc, "nơi tràn đầy sữa và mật ong", mà còn về hàng triệu con người phải đi vào giấc ngủ trong khi không có gì để nhét cho đầy bụng. Một tôn giáo chỉ quan tâm đến linh hồn, trong khi lại tỏ ra thờ ơ đối với các điều kiện kinh tế đang làm băng hoại linh hồn, thì chỉ có thể là một tôn giáo già nua cằn cỗi, cần được tiếp máu để có được một sức sống mới. Một tôn giáo như thế quả thực sai lầm vì quên rằng con người là một con vật và, vì thế, cần có điều kiện thể lý và vật chất để sinh sống.

II. Con người có thể được giải thích một cách nông cạn như thế sao? Ta đâu có thể dùng quan niệm duy vật để giải thích được thiên tài của Shakespeare về văn chương, của Beethoven về âm nhạc, của Michel Ange về nghệ thuật? Cũng như tinh thần đạo lý của Đức Giêsu? Hay mầu nhiệm tuyệt vời của linh hồn con người? Chắc chắn là không. Nơi con người có một cái gì đó mà hóa học cũng như sinh học không thể nào giải thích được, vì con người không chỉ là một số phân tử vận hành theo những quy luật riêng của chúng.

Điều này dẫn ta đến một yếu tố thứ hai mà mọi học thuyết Kitô giáo xem như một yếu tố cấu thành: con người là một hữu thể có tinh thần. Con người đưa "các ý tưởng tổng quát trừu tượng" vào thế giới kỳ diệu của tư duy. Lương tâm con người lên tiếng nhắc con người nhớ lại các thực tại thần linh. Đó là điều tác giả thánh vịnh muốn nói khi nói rằng con người được ban "vinh quang danh dự làm mũ triều thiên".

Chính tinh thần làm cho con người có khả năng sống trên hai bình diện: ở trong thiên nhiên nhưng lại trỗi vượt trên thiên nhiên; ở trong thời gian và không gian nhưng lại vượt trên không gian và thời gian. Con người có thể suy nghĩ và sáng tác một bài thơ, một bản hòa tấu; con người hướng về một nền văn minh vĩ đại và làm cho nền văn minh này trở thành hiện thực. Nhờ vậy, con người không hoàn toàn bị trói buộc bởi không gian và thời gian. Con người có thể là John Bunyan bị cầm giữ trong nhà tù Bedford, nhưng tinh thần lại vượt ra ngoài các song sắt để sáng tác cuốn Pilgrim's Progress (Sự tiến tới của người lữ hành). Con người cũng có thể là một Handel, bị mù vào cuối đời, nhưng lại đưa hồn lên tận trời, trong tiếng hát vui tươi hay tiếng thì thầm êm dịu của bản hòa tấu lừng danh là: "Đấng Messia". Nhờ các khả năng kỳ diệu là lý trí, trí nhớ, trí tưởng tượng, con người vươn lên trên không gian và thời gian. Trí tuệ con người cũng kỳ diệu như các vì sao mà con người nhìn ngắm và nghiên cứu.

Đây chính là điều Sách Thánh muốn nói khi nói rằng con người được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa. "Hình ảnh Thiên Chúa" đã được các học

giả hiểu như là khả năng hiệp thông, lãnh nhận trách nhiệm, sử dụng lý trí, hành động theo lương tâm. Nhưng điều trổi vượt nơi con người vẫn là sự tự do. Con người là con người vì được tự do hành động trong khuôn khổ của vâïn mệnh mình. Con người được tự do tranh luận, lấy quyết định, lựa chọn nhiều giải pháp khác nhau. Con người khác với con vật nhờ sự tự do làm điều ác hay điều thiện, tiến tới trên con đường dẫn tới chân, thiện, mỹ hay đi theo con đường dẫn tới diệt vong.

III. Để không trở thành nạn nhân của ảo ảnh phát sinh từ một cái nhìn nông cạn như thế, phải nói rằng ta thật sai lầm khi cho rằng con người, vốn là hình ảnh Thiên Chúa, đã là một con người căn bản tốt lành khi sinh ra ở đời này. Quá hướng chiều về điều xấu, con người đã làm biến dạng hình ảnh Thiên Chúa.

Ta không muốn nghe nói rằng con người là một con người tội lỗi. Không gì làm tổn thương con người ngạo mạn thời đại ngày nay cho bằng nói lên điều này. Ta đã tìm kiếm một cách vô vọng những từ ngữ khác khả dĩ giải thích tội lỗi là gì - một sai lầm do bản tính tự nhiên, một sự trống vắng điều lành, một quan niệm sai lầm. Ta cũng dùng khoa tâm lý chiều sâu để xem tội lỗi chỉ như là hậu quả của cuộc xung đột nội tâm và các cấm đoán ngoại tại, của cuộc chiến giữa "phi ngãù" và "siêu ngã". Các khái niệm này nhắc ta thấy rằng nơi bản tính con người có một sự tha hóa bi thảm trong tương quan với bản thân, với tha nhân và với Thiên Chúa. Có một sự hư hỏng nơi ý muốn của con người.

Nếu ta đặt mình trước mặt Thiên Chúa, thì ta nhìn nhận rằng ta biết sự thật nhưng lại nói dối; biết thế nào là công chính nhưng ta lại sống như người bất chính; biết yêu thương nhưng ta lại ghen ghét; biết ngã đường phải rẽ, nhưng ta lại chọn con đường quanh. "Tất cả chúng ta lạc lõng như chiên cừu, lang thang mỗi người một ngả" (Is 53, 6).

Tội lỗi đã tàn phá và dìm con người xuống tận đáy vực sâu đến nỗi Reinhold Niebuhr đã có viết một cuốn sách tựa đề là: "Con người đạo đức và xã hội vô luân". Con người tan biến trong tập thể, bộ lạc, chủng tộc, quốc gia có thể trở thành độc ác và hung bạo một cách không thể tưởng tượng được và còn hơn cả thú dữ nữa. Có nhiều dấu hiệu cho thấy tính cách bi thảm của xã hội vô luân: đó là nạn phân biệt chủng tộc, khi người da trắng tự cho mình có quyền khai thác, chà đạp người da đen; là hai cuộc thế chiến tàn bạo đã để lại những chiến trường đẫm máu, những món nợ cao như núi mà các quốc gia phải gánh chịu, những con người tàn phế về thể lý cũng như tinh thần, những cô nhi quả phụ không thể thống kê nổi. Con người là một con người tội lỗi cần được Thiên Chúa ban ơn tha thứ. Nhìn nhận điều đó không phải là rơi vào thái độ bi quan bóp nghẹt con người, nhưng là thái độ thực tế Kitô giáo.

Mặc dầu con người có khuynh hướng chấp nhận sống thấp kém và nhục nhã, nhưng có cái gì đó nhắc nhớ lại rằng con người không được dựng nên

để sống như vậy. Khi con người lê bước trong cát bụi, có cái gì đó nhắc ta nhớ lại rằng con người được dựng nên để sống với các vì sao. Khi con người lăn xả vào cuộc sống điên rồ, có tiếng thì thầm trong lòng người cho ta biết con người được dựng nên để sống vĩnh cửu. Thiên Chúa không dễ dàng buông thả ta và luôn có một cái gì đó không bao giờ cho phép ta quên mất rằng ta là con người tốt trong khi làm điều xấu, hay xem một việc làm của ta là tự nhiên khi ta vi phạm luật tự nhiên.

Đức Giêsu kể cho ta nghe câu chuyện người thanh niên rời bỏ gia đình để trẩy đi phương xa. Tại đây, từ cuộc mạo hiểm này đến cuộc mạo hiểm khác, từ cảm xúc này đến cảm xúc khác, chàng đi tìm sự sống. Nhưng chẳng bao giờ chàng tìm được sự sống mà chỉ hứng chịu sự thất vọng cô đơn. Càng đi xa nhà cha mình, chàng càng tiến tới bờ vực thẳm tuyệt vọng. Càng làm điều mình thích, chàng lại chẳng cảm thấy thích thú với điều mình làm. Thay vì đưa chàng tới miền đất đầy tràn sữa và mật, cuộc phiêu lưu lại đưa chàng đến tận cái máng đựng thức ăn cho loài heo. Dụ ngôn này luôn là lời nhắc nhở cho ta biết rằng con người dựng nên để sống trong nhà của Đấng là Cha chúng ta, và rằng mọi cuộc phiêu lưu đến một miền đất xa lạ chỉ đem lại thất vọng và luyến tiếc.

Thiên Chúa còn dùng dụ ngôn này để dạy cho ta biết nhiều điều hơn thế nữa. Đứa con hoang đàng không biết mình đích thực là gì khi bỏ nhà cha mình ra đi và nghĩ rằng lạc thú là cùng đích của đời mình. Nó chỉ biết mình đích thực là gì khi quyết tâm trở về nhà cha mình và sống như người con. Nó tìm lại được người cha luôn yêu thương và rộng tay đón nhận nó, lòng vui mừng hân hoan. Khi con người trở về mái nhà đích thực của mình, thì luôn tìm được niềm vui.

Con người đã đi lạc trong các miền xa lạ của thế giới trần tục, vật chất, tình dục, bất công xã hội. Cuộc mạo hiểm này đã khơi dậy nơi nền văn minh Phương Tây một cơn đói khát về các giá trị đạo đức thiêng liêng. Nhưng không bao giờ quá trễ để trở về nhà.

Ngày nay, Cha chúng ta ở trên trời cũng nói với nền văn minh Phương Tây: "Trong miền xa lạ của chủ nghĩa thực dân, hơn sáu trăm triệu người anh em da màu bị đàn áp về chính trị, bóc lột về kinh tế, chà đạp về nhân phẩm. Vậy hãy trở về với mái nhà đích thực của mình là nơi có tự do, công lý, huynh đệ, và Ta sẽ hân hoan vui mừng đón tiếp các ngươi". Thiên Chúa cũng nói với châu Mỹ một cách khẩn thiết: "Trong miền xa lạ của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, các bạn đã đàn áp mười chín triệu anh em da đen, không để cho họ có cơ may phát triển và cầm giữ họ trong các khu biệt cư, tước đoạt hết quyền làm người của họ, chà đạp nhân phẩm của họ đến độ họ nghĩ rằng họ chẳng còn là người nữa. Vậy, các bạn hãy trở về ngôi nhà đích thực của các bạn là nơi có dân chủ, huynh đệ và tình thương của Thiên Chúa, và Ta sẽ vui mừng hân hoan đón tiếp các bạn, ban cho các bạn cơ may trở thành một quốc gia vĩ đại".

Trong tư cách là cá nhân hay tập thể nhân loại, ta phải nhận biết rằng ta được dựng nên cho điều vĩ đại, thanh cao và tốt lành, và mái nhà đích thực của ta chính là thánh ý của Thiên Chúa Cha chúng ta. Ta hãy chọn con đường dẫn tới sự sống sung mãn.

Cầu xin Thiên Chúa ban cho ta biết chọn con đường dẫn tới các đỉnh cao; ở đó, bây giờ và mãi mãi, ta được tặng ban "vinh quang danh dự làm mũ triều thiên".

ĐIỀU MÀ THIÊN CHÚA CÓ THỂ LÀM ĐƯỢC

"Xin kính dâng Đấng có quyền phép gìn giữ anh em khỏi sa ngã..." (Gđ 24).

Lịch sử mô tả các sức mạnh của sự dữ bành trướng như vũ bão, nhưng sau đó, bị đánh bại bởi các sức mạnh của công lý. Trong thế giới tinh thần, cũng có một quy luật, lặng lẽ, mắt phàm không thấy được, tương tự như các quy luật trong thế giới vật chất: đó là sự sống chỉ phát triển theo một hướng được đặt định trước.

Kitô giáo xác tín rằng trong vũ trụ có một Thiên Chúa Toàn Năng hoạt động trong thiên nhiên và trong lịch sử. Cựu Ước và Tân Ước đã nhiều lần nhấn mạnh điều này. Về thần học, đây là vấn đề quyền năng tuyệt đối của Thiên Chúa. Thiên Chúa chúng ta thờ không phải là một Thiên Chúa yếu đuối hay một Thiên Chúa bất toàn. Người có thể đẩy lui những chống đối dữ dội như sóng biển, san bằng những bất công cao ngất như ngọn núi. Niềm tin Kitô giáo là một chứng tá hùng hồn về quyền năng của Thiên Chúa.

Thế nhưng, lại có người cố gắng thuyết phục ta rằng chỉ có con người mới toàn năng. Và cũng chẳng có gì mới lạ khi ta thấy họ dùng vũ trụ quy nhân để thay thế vũ trụ quy thần. Dưới hình thái như hiện nay, cố gắng này bắt đầu với thời kỳ Phục Hưng, sau đó, với học thuyết duy lý, và rồi đi đến kết luận rằng Thiên Chúa chỉ là một trang vô ích trong cuốn nhật ký của cuộc đời. Cũng vào thời kỳ này, và, sau đó, trong cuộc cách mạng công nghiệp, có người đặt lại vấn đề xem Thiên Chúa có thể dùng được vào chuyện gì nữa không. Phòng thí nghiệm thay thế thánh đường; nhà khoa học chiếm chỗ ngôn sứ. Cùng với Swinburne, nhiều người cất tiếng đồng ca: "Vinh danh Con Người trên trời, vì Con Người làm chủ mọi sự".

Các tín đồ của tôn giáo quy nhân này xem các tiến bộ vượt bậc của khoa học kỹ thuật như lời biện minh cho niềm tin của họ. Khoa học kỹ thuật tiếp tay cho con người: kính viễn vọng và truyền hình mở rộng tầm nhìn của con mắt; điện thoại và truyền thanh tăng thêm sức mạnh của tiếng nói và đôi tai; xe hơi, máy bay cho phép đôi chân có được những bước dài; các dược phẩm tăng thêm tuổi thọ của con người. Tất cả các thành công kỳ diệu này lại không thể chứng minh được quyền năng của con người đó sao?

Nhưng, hỡi ôi! Có cái gì đó đã làm sụp đổ niềm tin của những con người xem phòng thí nghiệm là "thánh đường mới chứa đầy hy vọng" của nhân loại. Cái công cụ hôm qua được ca tụng, tôn vinh thì hôm nay lại gieo rắc

chết chóc trong vũ trụ, đe dọa đưa nhân loại tới chỗ diệt vong. Con người không thể tự cứu mình và thế giới. Nếu không được Thần Khí Thiên Chúa hướng dẫn, khoa học kỹ thuật sẽ trở thành một con quái vật tiêu diệt sự sống trên khắp mặt đất.

Nhưng cũng có những yếu tố khác làm ta phải đặt lại vấn đề quyền năng của Thiên Chúa. Sự dữ tràn lan đưa thế giới vào "cơn hấp hối"; bão tố tàn phá nhà cửa, ruộng đồng khắp nơi trên mặt đất; các thứ bệnh tật khác nhau, chẳng hạn như bệnh tâm thần bẩm sinh, làm cho cuộc sống con người chỉ còn là một chuỗi ngày buồn thảm; các cuộc chiến tranh khốc liệt cho thấy tính man rợ của con người đối với con người. Chúng ta tự hỏi: tại sao tất cả những điều bất hạnh này lại có thể xảy ra, nếu Thiên Chúa có sức ngăn cản chúng? Vấn đề này, tức là vấn đề sự dữ, luôn dày vò tâm trí con người. Tôi chỉ có thể khẳng định điều này là đa số sự dữ mà ta phải chịu chính là do sự điên rồ và ngu dốt của con người cũng như do việc con người sử dụng không đúng sự tự do của mình. Ngoài điều này ra, tôi chỉ biết nói thêm rằng luôn có một bóng tối nhiệm mầu nào đó liên quan đến Thiên Chúa. Điều mà vào thời điểm này được xem như một điều bất hạnh, cũng có thể có một mục đích nào đó mà trí tuệ chúng ta không sao dò thấu được. Vì thế, cho dù sự dữ hiện diện rộng khắp và hoài nghi có thể trỗi dậy mãnh liệt trong tâm trí chúng ta, thì chúng ta vẫn từ chối không đánh mất niềm tin của mình: Thiên Chúa là Đấng Toàn Năng.

I. Trước hết, chúng ta phải ghi nhận rằng Thiên Chúa có khả năng nâng đỡ không gian vô tận của vũ trụ vật lý. Ở đây cũng vậy, người ta thường cố gắng thuyết phục chúng ta rằng con người mới là người chủ đích thực. Các máy bay phản lực cho phép con người vượt qua trong mấy phút những khoảng cách mà xưa phải mất nhiều công sức và thời gian mới vượt qua được. Các phi thuyền đưa các phi hành gia vào không gian với vận tốc cực nhanh. Như thế, phải chăng Thiên Chúa đã bị thay thế trong công việc làm chủ trật tự vũ trụ này?

Nhưng để khỏi kiêu căng quá độ, ta hãy đưa mắt ngắm nhìn vũ trụ bao la. Như thế, ta sẽ mau chóng nhận ra rằng các dụng cụ do tay con người làm ra còn di chuyển quá chậm so với vận hành của hệ mặt trời mà Thiên Chúa đã dựng nên. Ví dụ, trái đất quay chung quanh mặt trời với một vận tốc mà phi cơ phản lực bay nhanh nhất cũng sẽ trễ hơn 70.000 dặm, ngay trong giờ bay đầu tiên. Trong bảy phút vừa qua, ta đã vượt qua hơn 8.000 dặm trong không gian. Hay ta thử xem mặt trời; trái đất quay chung quanh mặt trời một năm một vòng, đo được 940.000.000 km, với vận tốc 107.000 km/giờ hay 2.570.000 km/ngày. Ngày mai, cũng vào giờ này, ta sẽ ở cách nơi đây 2.570.000 km. Mặt trời xem ra gần trái đất, nhưng lại cách xa 150.000.000 km. Sáu tháng sau, ta sẽ ở bên kia mặt trời, cách mặt trời 150.000.000 km. Và một năm sau, trái đất quay trọn một vòng chung quanh mặt trời, ta sẽ lại ở vào điểm ta đang ở bây giờ. Vậy, khi ngắm nhìn không gian vô tận mà ta phải dùng đơn vị năm ánh sáng để đo khoảng cách của các vì sao, và khi

biết rằng các thiên thể di chuyển với vận tốc không thể tưởng tượng được, thì ta buộc phải nhìn xa hơn con người, và một lần nữa phải nhìn nhận rằng quả thật Thiên Chúa là Đấng Toàn Năng.

II. Ta cũng phải ghi nhận rằng Thiên Chúa có quyền năng để thống trị sự dữ, tức là nhìn nhận rằng sự dữ là một thực tại. Kitô giáo không bao giờ xem sự dữ là một ảo ảnh, một lệch lạc xét về tinh thần con người, nhưng xem sự dữ là một sức mạnh, một thực tại khách quan. Nhưng đồng thời, Kitô giáo cũng khẳng định rằng sự dữ mang nơi nó mầm mống sự hủy diệt chính mình. Lịch sử mô tả các sức mạnh của sự dữ bành trướng như vũ bão, nhưng sau đó, bị đánh bại bởi các sức mạnh của công lý. Trong thế giới tinh thần, cũng có một quy luật, lặng lẽ, mắt phàm không thấy được, tương tự như các quy luật trong thế giới vật chất: đó là sự sống chỉ phát triển theo một hướng được đặt định trước. Các Hitler hay các Mussolini cũng chỉ có một thời cầm quyền, đạt tới vinh quang, nhưng để rồi tàn lụi, héo khô như cỏ đồng nội.

Trong tác phẩm "Những người khốn khổ", Victor Hugo mô tả trận Waterloo như sau:

"Napoléon đã có thể thắng trận này không? Chúng ta trả lời rằng 'Không'. Vì Wellington? Vì Blucher? Không. Vì Thiên Chúa ?. Napoléon đã bị tố cáo đến tận trời cao và ngày tàn của hoàng đế đã được định. Hoàng đế cản trở Thiên Chúa. Waterloo không phải là một trận địa, mà là sự thay đổi của thế trận trong vũ trụ?"

Waterloo là một biểu tượng: mọi Napoléon đều bị kết án; mọi thế lực quân phiệt được nhắc nhở cho biết rằng, qua các giai đoạn lịch sử, sức mạnh không tạo nên quyền, và sức mạnh của gươm giáo không thể nào thắng được sức mạnh của tinh thần.

Một hệ thống chính trị được biết đến dưới cái tên là chế độ thực dân, đã thống trị châu Phi và châu Á. Nhưng quy luật vô hình thầm lặng của sự sống đã bắt đầu hành động. Như thủ tướng Mc. Millan đã nói: "Gió đã bắt đầu đổi chiều". Các đế quốc thực dân hùng mạnh đã sụp đổ như những lâu đài bằng cát, và các quốc gia mới, độc lập đã bắt đầu xuất hiện như những ốc đảo trong sa mạc khô cằn là sự bất công. Trong thời gian mười lăm năm, cuộc đấu tranh giành độc lập đã dâng lên như ngọn thủy triều tại châu Phi và châu Á, giải thoát hơn 1.500.000 người khỏi ách nô lệ thực dân.

Tại quốc gia chúng ta, một chế độ bất công, bất nhân, được biết đến dưới cái tên là chế độ phân biệt chủng tộc, cũng đã làm nhục người da đen trong suốt gần hai thế kỷ, tước đoạt hết mọi quyền họ được hưởng: quyền được sống, sống tự do và hạnh phúc. Chế độ phân biệt chủng tộc là một tai họa đối với người da đen và là một nỗi ô nhục đối với nước Mỹ. Nhưng "gió đã bắt đầu đổi chiều" trên trường quốc gia cũng như trên trường quốc tế. Các biến cố xảy đến, kế tiếp nhau và cuối cùng chấm dứt chế độ phân biệt chủng tộc.

Ngày nay, chúng ta xác tín rằng chủ nghĩa phân biệt chủng tộc đã chết. Vấn đề còn lại là tính số chi phí đám tang.

Những thay đổi to lớn này không chỉ liên quan đến lãnh vực chính trị và xã hội, nhưng còn đánh dấu sự tiêu diệt của các chế độ phát sinh từ bất công, được nuôi dưỡng bằng bất bình đẳng và cậy dựa vào bóc lột. Chúng nói lên sự tàn lụi không thể tránh được của bất cứ chế độ nào đặt nền tảng trên các nguyên lý không phù hợp với các quy luật đạo đức của vũ trụ. Khi các thế hệ mai sau nhìn lại các ngày đen tối mà chúng ta đã sống, họ sẽ nhận thấy rằng Thiên Chúa hoạt động trong lịch sử để giải thoát con người. Họ cũng sẽ nghiệm thấy rằng Thiên Chúa đã làm việc qua trung gian của những con người đã nhận thức được rằng một quốc gia nửa nô lệ nửa tự do không thể nào tồn tại được.

Các sự dữ trong lịch sử, Thiên Chúa luôn có thể thắng được, chế ngự chúng được. Đôi khi, chúng ta thất vọng vì thấy các tiến bộ tỏ ra quá chậm chạp trong việc xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc, vì Chính Quyền Liên Bang tỏ ra quá thận trọng. Đây là lúc chúng ta phải lấy lại can đảm và củng cố niềm tin vào Thiên Chúa Toàn Năng. Trên con đường khó khăn tiến tới tự do, chúng ta không còn đơn độc. Có Thiên Chúa đồng hành với chúng ta. Thiên Chúa đã đặt để ngay trong vũ trụ này những quy luật đạo đức tuyệt đối. Chúng ta không thể thách đố chúng cũng như không thể hủy bỏ chúng. Nếu chúng ta không tuân theo chúng, thì chúng sẽ tiêu diệt chúng ta. Các sức mạnh của sự dữ có thể tạm thời thắng sự thật, nhưng, cuối cùng, sự thật sẽ chiến thắng sự dữ. Thiên Chúa chúng ta là Đấng Toàn Năng. Thật đúng như lời James Russell Lowell đã nói:

"Sự Thật được đưa lên máy chém,
Dối Trá được đặt ngồi trên ngai.
Nhưng máy chém lại điều khiển tương lai
và, phía sau điều bí ẩn, khôn dò,
Thiên Chúa luôn có mặt
để bảo vệ những ai thuộc về Người".

III. Cuối cùng, chúng ta phải ghi nhận rằng Thiên Chúa có thể ban sức mạnh nội tâm giúp chúng ta đối phó với các thử thách và các khó khăn của cuộc sống. Trong cuộc sống con người, buồn phiền và đau khổ đè nặng trên đôi vai, kẻ thù tấn công như vũ bão; bình minh tươi sáng trở thành đêm tối dày đặc; hy vọng tiêu tan và ước mơ sụp đổ.

Kitô giáo không bao giờ bỏ qua các kinh nghiệm này. Chúng luôn xảy ra và không thể tránh được. Trong cuộc sống, có những ngày hè chứa chan ánh sáng và những đêm mùa đông giá lạnh; sau những ngày vui là những ngày buồn; sau những ngày lụt lội là những ngày hạn hán. Trong những ngày đen tối của cuộc sống, nhiều người cũng nói như Paul Laurence Dunbar:

"Một mẩu bánh mì và một góc để ngủ;
một phút để cười cho một giờ để khóc,

một chút niềm vui cho một suối nước mắt,
đừng bao giờ cười,
nếu không, đau khổ sẽ tăng gấp đôi,
đời là thế đó!"

Kitô giáo nhìn nhận rằng có những vấn đề làm ta phải đau khổ, có những nỗi thất vọng làm ta phải chao đảo. Nhưng, sau khi nhìn nhận như thế, Kitô giáo khẳng định rằng Thiên Chúa có thể ban cho ta sức mạnh để đối phó với các vấn đề và các nỗi thất vọng này. Thiên Chúa có thể ban cho ta sự quân bình nội tâm khả dĩ giúp ta đứng vững trong thử thách, sự bình an trong tâm hồn giữa cơn bão táp. "Đứng vững trong đức tin", đó là điều Đức Kitô trối lại cho các môn đệ. Người không ban cho ta của cải vật chất, bí quyết ma thuật khả dĩ làm cho ta không còn phải chịu đau khổ, bách hại, nhưng ân huệ quý giá nhất: "Thầy ban bình an cho các con" (Ga 14,27). Đây là sự bình an vượt trên mọi hiểu biết.

Hình như có những ngày chúng ta không cần đến Thiên Chúa. Nhưng, cũng có những ngày bão táp nổi lên, thất bại buồn phiền nhận chìm chúng ta xuống tận đáy vực sâu. Trong những ngày như vậy, nếu đức tin chúng ta không kiên vững, thì cuộc sống sẽ tan vỡ thành từng mảnh,như con thuyền trong dông tố. Nếu có quá nhiều thất vọng trong thế giới, là vì chúng ta đã cậy dựa vào quá nhiều vị thần, hơn là vào Thiên Chúa. Chúng ta đã quỳ gối thờ lạy thần "Khoa Học" và đã nhận được bom nguyên tử, với các nỗi lo âu, sợ hãi mà khoa học không bao giờ có thể thoa dịu. Chúng ta thờ thần "Lạc Thú" và đã mau chóng nhận thấy rằng thú vui và cảm xúc là thứ chóng qua. Chúng ta đã thờ thần "Tiền Bạc" và nhận thấy rằng tiền bạc không mua được tình yêu, tình bạn và hạnh phúc. Hơn nữa, trong hoàn cảnh kinh tế suy thoái, làm ăn lỗ lã, tiền bạc là thứ bấp bênh nhất. Các thần này qua đi, không có khả năng giải thoát chúng ta, bảo đảm hạnh phúc cho con người.

Chỉ một mình Thiên Chúa là Đấng Toàn Năng. Tin vào Thiên Chúa, đó là điều chúng ta cần tái khám phá. Với niềm tin này, chúng ta có thể biến các thung lũng giá lạnh thành những con đường dẫn tới ánh sáng đem lại niềm vui và ánh sáng mới cho những ai đang ở trong tối tăm, buồn phiền. Trong số các bạn, có ai đang ở vào tuổi hoàng hôn của cuộc đời, đang sợ hãi khi phải trải qua cái mà thường được gọi là cái chết. Tại sao lại phải sợ hãi. Thiên Chúa là Đấng Toàn Năng. Có ai đang phải tuyệt vọng vì người thân phải chết, cuộc hôn nhân phải tan rã, đứa con trở thành hư hỏng, độc ác? Tại sao lại phải tuyệt vọng? Thiên Chúa có thể ban cho bạn sức mạnh để chịu đựng điều không thay đổi được. Có ai đang lo lắng vì sức khỏe yếu kém? Tại sao lại phải lo lắng? Cho dù có xảy ra chuyện gì đi nữa, thì Thiên Chúa vẫn là Đấng Toàn Năng.

Để kết thúc, xin cho phép tôi nói lên kinh nghiệm của bản thân tôi. Hai mươi bốn năm đầu của đời tôi là những năm không có chuyện gì rắc rối. Cha mẹ tôi lo cho tôi ăn học, từ lớp này đến lớp khác, từ cấp trung học đến đại học. Chỉ khi tôi có phần nào trách nhiệm trong cuộc tẩy chay ôtô buýt tại

Montgomerry, là mọi chuyện trở thành rắc rối. Ngay sau khi phát động cuộc tẩy chay phản đối chế độ phân biệt chủng tộc trong dịch vụ chuyên chở công cộng, chúng tôi đã nhận được những lời đe dọa: lúc đầu thì thỉnh thoảng, sau đó thì mỗi ngày một tăng. Lúc đầu, tôi coi thường các lời đe dọa này; sau đó, tôi hiểu rằng tình hình trở nên nghiêm trọng. Tôi bắt đầu do dự và sợ hãi.

Sau một ngày làm việc căng thẳng, tôi đi ngủ trễ. Vợ tôi đã ngủ. Và tôi cũng bắt đầu đi vào giấc ngủ. Chính vào lúc này, điện thoại reo và có tiếng giận dữ ở đầu dây kia vọng đến: "Này thằng mọi da đen kia, chúng tao đã chán ngấy cái trò của mày. Từ nay đến cuối tuần sau, mày sẽ hối hận, vì đã đặt chân đến Montgomerry". Tôi treo ống nghe và không còn ngủ được nữa. Sợ hãi ập xuống trên tôi. Tôi cảm thấy mọi sự như vậy đã là quá đủ rồi.

Tôi dậy và đi đi lại lại trong phòng. Cuối cùng, tôi vào nhà bếp, nấu nước pha càphê. Tôi đã sẵn sàng bỏ cuộc. Tôi cũng đã cố gắng tìm cách rời khỏi Montgomerry mà không phải mất mặt. Mệt mỏi, mất hết can đảm, tôi quyết định chạy đến cùng Thiên Chúa. Tôi ngồi vào bàn, hai tay ôm đầu, gục đầu xuống và cầu nguyện lớn tiếng. Những gì tôi đã nói với Thiên Chúa đêm hôm đó, đến nay tôi còn nhớ rõ mồn một: "Con đã đến đây để đấu tranh cho điều con tin là chính nghĩa. Nhưng bây giờ, con sợ. Mọi người tìm đến với con để được hướng dẫn. Nếu con không có sức mạnh, không có lòng can đảm, thì họ cũng sẽ vấp ngã. Sức lực con đã cạn. Con không còn có gì nữa. Bây giờ, con không thể đương đầu với các khó khăn nữa."

Ngay vào lúc đó, tôi cảm nghiệm được sự hiện diện của Thiên Chúa một cách đặc biệt hơn bao giờ hết. Như thể, từ tận đáy lòng tôi, Người nói với tôi: "Hãy đứng dậy đấu tranh cho Công lý. Hãy đứng dậy đấu tranh cho Chân lý! Thiên Chúa sẽ luôn ở cạnh ngươi!" Gần như tức khắc, sợ hãi rời bỏ tôi; do dự cũng biến mất. Tôi sẵn sàng đối phó với mọi khó khăn. Hoàn cảnh bên ngoài không thay đổi, nhưng Thiên Chúa đã ban cho tôi sự bình an trong tâm hồn.

Ba phút sau, ngôi nhà của tôi bị đặt bom làm sập. Điều ngạc nhiên là tôi đón nhận tin này một cách bình tĩnh. Kinh nghiệm của tôi về Thiên Chúa đã làm tôi thêm can đảm và tin tưởng. Bây giờ, tôi biết rằng Thiên Chúa có thể ban cho chúng ta sức mạnh nội tâm để đối phó với bão tố và khó khăn của cuộc đời.

Ước gì đây là điều mà chúng ta phải nói lên cho mọi người biết. Nhờ vậy, chúng ta sẽ có đủ can đảm để đối phó với các hoàn cảnh bất trắc của tương lai. Đôi chân mệt mỏi của chúng ta được thêm sức mạnh để tiến tới thành đô tự do. Nếu mây đen bao phủ cuộc đời, và nếu cuộc đời chúng ta trở thành tối tăm hơn cả nghìn đêm tối, thì hãy nhớ rằng, trong vũ trụ, có một Sức Mạnh Toàn Năng, to lớn, độ lượng, mang tên gọi là Thiên Chúa: Người có thể mở ra cho chúng ta một lối đi khi không còn đường đi, biến các đêm tối hôm nay thành những ngày mai xán lạn. Đây là niềm hy vọng làm cho chúng ta

trở thành những con người tốt hơn. Đây cũng là sứ mạng thúc đẩy chúng ta xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn vậy.

PHƯƠNG THUỐC CHỮA TRỊ SỢ HÃI

"Tình yêu không biết đến sợ hãi trái lại, tình yêu hoàn hảo loại trừ sợ hãi vì sợ hãi gắn liền với hình phạt và ai sợ hãi thì không đạt tới tình yêu hoàn hảo"
(1Ga 4,18)

Đố kỵ, ghen ghét, thiếu tự tin, bất an, tự ti, tất cả đều phát sinh từ sợ hãi. Không phải vì ganh tỵ với người khác trước, rồi, sau đó, chúng ta sợ họ; nhưng chính vì chúng ta sợ họ trước và, chỉ sau đó, chúng ta mới ganh tị với họ. Có phương thuốc nào có thể chữa lành nỗi sợ hãi đang làm ô nhiễm cuộc sống chúng ta không? Thưa rằng có. Đó là dấn thân thực thi bác ái.

Trong những ngày tai họa dồn dập, bất công lan rộng, khó có người nào lại không cảm thấy buồn phiền, lo âu, sợ hãi, vì sợ hãi luôn đeo bám chúng ta, như con chó theo sát gót chân, làm chúng ta phải tê liệt.

Khắp nơi, có những người nam và những người nữ đang phải đối phó với nỗi sợ hãi xuất hiện dưới nhiều hình thái kỳ lạ hoặc ẩn mình dưới những vỏ bọc khác nhau. Quá ám ảnh về tình trạng sức khỏe có thể suy sụp, chúng ta xem trong các triệu chứng không quan trọng những dấu hiệu hiển nhiên của căn bệnh. Quá lo âu về thời gian trôi qua quá mau, chúng ta uống đủ thứ thuốc hứa hẹn làm chúng ta luôn được trẻ trung. Khỏe mạnh, sung sức, nhưng chúng ta lại luôn cố gắng sao cho tinh thần khỏi suy sụp đến nỗi chúng ta trở thành những con người tự ti mặc cảm, bước đi không vững vàng, luôn cảm thấy bất an và đổ vỡ như sắp ập tới. Sợ hãi trước những gì cuộc sống có thể đem lại, một số người sống buông xuôi, nghiện ngập, trụy lạc. Một cách hầu như không ý thức, nhiều người để cho sợ hãi biến các buổi bình minh tươi sáng, thắm đượm tình yêu và bình an thành những buổi hoàng hôn ảm đạm, buồn thảm, làm suy sụp tinh thần.

Nếu không được khám phá, nhận diện, thì sợ hãi sẽ làm phát sinh đủ thứ sợ: sợ ở xa, sợ ở một mình, sợ nước, sợ bóng tối, sợ cô đơn và các thứ sợ khác, mà tiêu biểu là chứng sợ sợ hãi.

Xã hội chúng ta xem cạnh tranh là chủ yếu, vì thế, sợ hãi thường phát sinh từ các nguyên nhân thuộc lãnh vực kinh tế. Và, theo Karen Horney, đây chính là nguyên nhân phát sinh các vấn đề tâm lý trong thời đại chúng ta. Các chủ doanh nghiệp lớn thường lo lắng trước sự sụp đổ có thể xảy ra trong thị trường kinh doanh; các công nhân cũng thường lo lắng về viễn ảnh công ăn việc làm bị cắt giảm cũng như về các hậu quả của việc tự động hóa trong sản xuất công nghiệp.

Chúng ta cũng nhận thấy rằng hiện nay các nỗi sợ hãi trong lãnh vực tôn giáo và bản thể học cũng đang có chiều hướng gia tăng, kể cả nỗi sợ hãi trước sự chết và sự hủy diệt con người. Thời đại nguyên tử đã có thể dẫn tới

một thời kỳ phú túc, giàu có, nhưng nỗi ám ảnh của con người trước sự chết lại đạt tới mức độ bệnh hoạn. Cảnh tượng một cuộc chiến tranh nguyên tử đã làm hàng triệu con người phải thốt lên như Hamlet trong vở kịch của Shakespeare: "Tồn tại hay không tồn tại, đó là vấn đề!" Hãy xem cuộc chạy đua xây dựng các hầm trú ẩn, như thể chúng có thể cung cấp một nơi an toàn khi bom khinh khí phát nổ! Hãy xem lời lẽ tuyệt vọng của chúng ta khi thỉnh cầu chính quyền gia tăng con số các hầm trú ẩn! Nhưng các cố gắng của chúng ta để giữ "một thế quân bình dựa trên khủng bố" chỉ có thể làm chúng ta thêm sợ hãi và làm các quốc gia thêm lo âu trước một cuộc chiến tranh khốc liệt có thể xảy ra chỉ vì sai lầm của các nhà ngoại giao.

Nhận thấy rằng sợ hãi huy động và làm cạn kiệt năng lực con người, Emerson đã viết: "Kẻ nào một ngày không vượt qua được một nỗi sợ hãi, thì chưa học được bài học về cuộc sống".

Nhưng tôi không có ý định đề nghị chúng ta phải tìm cách loại bỏ hoàn toàn sợ hãi ra khỏi cuộc sống. Ngay cả khi con người có thể làm điều này, thì, trong thực tế, đây chính là điều mà chúng ta không nên ước muốn. Sợ hãi là hệ thống báo động cơ bản của cơ thể con người, báo trước cho biết các tai họa sắp xảy tới. Không có sợ hãi, con người sẽ không thể sống sót trong thế giới cổ xưa cũng như trong thế giới hiện đại. Hơn nữa, sợ hãi còn có một sức mạnh sáng tạo. Mỗi phát minh lớn, mỗi tiến bộ vượt bậc của trí tuệ đều xuất phát từ một ước muốn thoát khỏi một hoàn cảnh hay một tình thế làm chúng ta phải sợ hãi. Sợ bóng tối, chúng ta đã khám phá ra bí mật của điện năng; sợ đau khổ, chúng ta đã có những tiến bộ to lớn về y khoa; sợ ngu dốt, chúng ta đã thiết lập những hệ thống học đường hoàn chỉnh; sợ chiến tranh, chúng ta đã thành lập tổ chức Liên Hợp Quốc; Angelo Patri đã nhận định đúng khi nói: "Giáo dục là dạy cho con người biết sợ đúng lúc". Nếu mất khả năng sợ, thì con người cũng mất khả năng phát triển, phát minh, sáng tạo. Tóm lại, sợ hãi là điều bình thường, cần thiết và có sức sáng tạo.

Nhưng chúng ta phải nhớ rằng các nỗi sợ hãi bất thường luôn gây tác hại trong lãnh vực cảm xúc và gieo rắc rối loạn trong lãnh vực tâm lý. Để minh họa sự khác biệt giữa một nỗi sợ hãi bình thường và một nỗi sợ hãi bất thường, Freud nói đến một người cảm thấy sợ hãi bởi những con rắn trong rừng già nhiệt đới châu Phi và một người cảm thấy sợ hãi vì nghĩ rằng có những con rắn đang nằm dưới tấm thảm trong phòng. Các nhà tâm lý học nói rằng các trẻ bình thường sinh ra với hai nỗi sợ hãi mà thôi: đó là sợ té ngã và sợ tiếng động mạnh. Và chúng thủ đắc được các nỗi sợ hãi khác từ môi trường sống. Nhiều nỗi sợ hãi thuộc loại này chỉ là những con rắn ở dưới tấm thảm mà thôi.

Đây là thứ sợ hãi chúng ta thường nghĩ tới khi nói rằng chúng ta phải đẩy lui sợ hãi. Nhưng đây chỉ là một mặt của vấn đề. Các nỗi sợ hãi bình thường bảo vệ chúng ta, còn các nỗi sợ hãi bất thường làm chúng ta tê liệt. Các nỗi sợ hãi bình thường cải tiến các điều kiện sống của cá nhân và tập thể; còn các nỗi sợ hãi bất thường không ngừng đầu độc và tàn phá đời sống nội tâm

chúng ta. Vấn đề không phải là triệt tiêu sợ hãi, nhưng kềm chế và làm chủ sợ hãi. Làm thế nào để chúng ta có thể đạt được điều này?

I. Thứ nhất, chúng ta phải quyết tâm đối phó với các nỗi sợ hãi và thẳng thắn tự hỏi tại sao chúng ta sợ. Trong một mức độ nào đó, điều này sẽ cho phép chúng ta làm chủ sợ hãi. Chúng ta sẽ không bao giờ hết sợ khi lẫn tránh hay dẹp bỏ sợ hãi. Càng cố gắng phủ nhận hay dẹp bỏ sợ hãi, chúng ta chỉ làm tăng thêm các khó khăn trong tâm trí mà thôi.

Khi quyết tâm đối phó với các nỗi sợ hãi, chúng ta nhìn thấy rằng đa số chỉ là tồn tại của một nhu cầu hay một nỗi lo âu. Tỷ như chúng ta bị ám ảnh bởi sự chết và bởi hình phạt đời đời. Thật ra, trong quá khứ, chúng ta đã bị cha mẹ phạt bằng cách nhốt trong phòng kín hay bằng cách giả vờ bỏ rơi ta. Và, một cách vô thức, chúng ta đã để cho kinh nghiệm này bao trùm mọi thực tại của cuộc sống. Cũng có người mang mặc cảm bị miệt thị, hay bị xã hội bỏ rơi, và khám phá ra rằng, vào giai đoạn tuổi thơ, mình đã bị ruồng bỏ bởi một người mẹ quá vị kỷ, một người cha quá bận rộn với công việc. Thế là con người đó cảm thấy mình không thể thích nghi với cuộc sống, chán ghét cuộc sống.

Khi đưa các nỗi sợ hãi ra phân tích, xem xét rõ ràng, chúng ta nhận thấy rằng đa số chỉ là tưởng tượng chứ không có thật. Một số chỉ là những con rắn ở dưới tấm thảm.

Cũng cần nhắc lại rằng, các nỗi sợ hãi cũng thường phát sinh từ việc sử dụng không đúng trí tưởng tượng. Nếu chúng ta dám phơi trần các nỗi sợ hãi, có khi chúng ta lại phải phá lên cười. Và đây quả là một điều có ích. Một nhà phân tâm học viết: "Nhận thấy sợ hãi là nực cười tức là chữa lành sợ hãi và âu lo vậy".

II. Thứ hai, chúng ta có thể làm chủ sợ hãi bằng một trong các đức tính cao trọng nhất nơi con người: đó là lòng can đảm. Platon xem can đảm là một thành tố của linh hồn, một nhịp cầu nối kết lý trí và ước muốn. Aristote nghĩ rằng can đảm nói lên điều cốt yếu của bản tính con người. Thánh Tôma Aquinô xem can đảm là sức mạnh nội tâm có thể thắng mọi điều đe dọa làm tổn hại đến lợi ích lớn nhất.

Như vậy, lòng can đảm là khả năng tinh thần làm cho con người thắng được sợ hãi. Trái với lo âu, sợ hãi có một nội dung chính xác, có thể đối đầu, phân tích, chống trả và, nếu cần, chịu đựng được. Trong biết bao trường hợp, nội dung của sự sợ hãi lại chính là sự sợ hãi! Trong nhật ký của mình, Henry David Thoreau viết: "Không nên sợ điều gì cho bằng sợ hãi!" Nhiều thế kỷ trước đây, Epiclète đã viết: "Không phải sự chết hay tai họa nhưng chính là sợ tai họa và sợ chết làm cho ta khiếp sợ!" Lòng can đảm xác định nội dung của nỗi sợ hãi và cho phép chúng ta làm chủ được sự sợ hãi. Paul Tillich viết: "Can đảm là khẳng định mình 'bất chấp' ... những điều làm ta không khẳng định được mình". Đó là khẳng định mình bất chấp sự chết, sự hư vô. Người can đảm đón nhận nỗi sợ hãi do sự chết đem đến để khẳng định mình

và, nhờ vậy, tác động trên sự chết. Can đảm khẳng định mình đích thực là một phương thuốc chống lại sợ hãi, nhưng đây không phải là vì ích kỷ. Bởi lẽ, khẳng định mình vừa là yêu mình một cách lành mạnh, vừa là yêu người khác một cách đúng đắn. Một cách đầy thuyết phục, Erich Fromm đã cho chúng ta thấy rằng yêu mình đúng nghĩa và yêu người đúng nghĩa vừa lệ thuộc nhau, vừa bổ sung nhau.

Can đảm, quyết tâm không để mình bị đè bẹp bởi bất cứ điều gì, dù khủng khiếp đến đâu chăng nữa, đó là điều cho phép chúng ta đối đầu với bất cứ nỗi sợ hãi nào. Nhiều nỗi sợ hãi thật ra chỉ là những con rắn ở dưới tấm thảm. Khó khăn là một thực tại trong tất cả những gì dệt nên cuộc sống: hành động luôn kèm theo nguy hiểm; tai nạn xảy đến; bệnh tật đe dọa; và cái chết là một sự kiện có thực, vừa khó chịu vừa không thể tránh được trong kinh nghiệm của con người. Cuộc sống quả là điều bí ẩn; sự dữ và đau khổ luôn đeo bám chúng ta và chúng ta sẽ chẳng giúp gì được cho mình và cho người khác, nếu chúng ta không cố gắng chứng minh rằng không có điều gì có thể làm chúng ta phải khiếp sợ. Những gì đe dọa làm tê liệt cuộc sống, chúng ta phải đối đầu một cách can đảm với tất cả khả năng của một con người biết khẳng định mình, bất chấp khó khăn. Điều này đòi hỏi chúng ta phải củng cố ý chí, vừa vững mạnh vừa sáng tạo, để có thể hy vọng ngay cả trong tuyệt vọng.

Can đảm và hèn nhát luôn đối nghịch nhau. Can đảm là vận dụng nội lực để tiến tới, bất chấp các chướng ngại và các hoàn cảnh khó khăn làm chúng ta phải sợ hãi; trái lại, hèn nhát là đầu hàng hoàn cảnh. Can đảm giúp chúng ta khẳng định đồng thời củng cố nhân cách; hèn nhát dẫn chúng ta đến lẫn trốn đồng thời hủy diệt nhân cách. Can đảm giúp chúng ta đương đầu với sợ hãi, đồng thời làm chủ sợ hãi; hèn nhát làm chúng ta sợ sợ hãi và để cho sợ hãi làm chủ chúng ta. Người can đảm không bao giờ đánh mất niềm vui trong cuộc sống, cho dù cuộc sống có thiếu vắng niềm vui; kẻ hèn nhát luôn để mình bị đè bẹp bởi các hoàn cảnh bất trắc của cuộc sống, đồng thời cũng để cho ý chí tồn tại bị xói mòn, hủy diệt. Chúng ta phải không ngừng xây dựng những con đê vững chắc là lòng can đảm để chống lại những đợt sóng dữ dội là các nỗi sợ hãi.

III. Thứ ba, chúng ta có thể làm chủ sợ hãi bằng tình yêu. Tân Ước dạy: "Tình yêu không biết đến sợ hãi; trái lại, tình yêu hoàn hảo loại trừ sợ hãi" (1Ga 4,18). Tình yêu hoàn hảo là tình yêu đã dẫn Đức Kitô đến thập giá, đã làm cho thánh Phaolô luôn bình thản khi bị bách hại. Tình yêu hoàn hảo không ươn hèn, bạc nhược, ướt át, nhưng tỏ ra hết sức can đảm khi đương đầu với sự dữ và đồng thời có một khả năng chịu đựng phi thường. Môâät tình yêu như vậy làm chủ thế giới, và dù ở trên đỉnh thập giá vẫn hướng thẳng lên trời.

Nhưng giữa tình yêu và các nỗi sợ hãi ngày nay như chiến tranh, nền kinh tế tăng trưởng thất thường, bất công xã hội, thử hỏi có liên quan gì với nhau không? Hận thù bắt nguồn từ sự sợ hãi và thuốc chữa căn bệnh hận thù, sợ

hãi chính là tình yêu. Tình hình quốc tế ngày càng xấu đi chỉ vì sợ hãi: Liên Xô sợ Hoa Kỳ, Hoa Kỳ sợ Liên Xô; Trung Quốc sợ Ấn Độ, Ấn Độ sợ Trung Quốc; người Ả Rập sợ người Do Thái, người Do Thái sợ người Ả Rập. Sợ hãi cũng liên quan đến các cuộc xâm lăng, các cuộc chạy đua tìm ưu thế khoa học kỹ thuật và sức mạnh kinh tế của một quốc gia khác, cũng như đến trình độ và sức mạnh của chúng ta. Phải chăng sợ hãi đã không phải là một nguyên nhân chính gây nên chiến tranh đó sao? Chúng ta cho rằng chiến tranh là hậu quả của hận thù; nhưng nếu nhìn kỹ, chúng ta nhận thấy tiến trình sau đây: trước hết là sợ hãi, rồi đến hận thù, chiến tranh và, cuối cùng, là hận thù sâu xa hơn. Nếu thảm họa chiến tranh nguyên tử ập xuống trên thế giới, thì nguyên nhân không hẳn bởi vì một quốc gia này hận thù một quốc gia khác, cho bằng một trong số các quốc gia sợ một quốc gia khác.

Con người thời đại ngày nay đã dùng những phương thế nào để đối phó với nỗi sợ hãi chiến tranh? Chúng ta đã vũ trang đến tận kẽ răng. Tây Phương và Đông Phương thi nhau chạy đua vũ trang. Các chi phí quốc phòng đã đạt tới mức kỷ lục và sản xuất các vũ khí có sức hủy diệt kinh khủng là ưu tiên hàng đầu so với bất cứ công việc nào khác của con người. Các quốc gia tin tưởng rằng chạy đua vũ trang sẽ xua đuổi sợ hãi. Nhưng, hỡi ôi, khí giới tối tân chỉ làm họ thêm sợ hãi mà thôi. Trong những ngày đầy biến động và sợ hãi này, một lần nữa, chúng ta phải nhớ lại lời xưa đã được viết ra: "Tình yêu hoàn hảo không biết đến sợ hãi". Điều có thể xua đuổi sợ hãi không phải là khí giới nhưng là tình yêu, là cảm thông và thành tâm được thể hiện bằng hành động và tổ chức. Chỉ có giải trừ vũ khí đặt nền tảng trên thành tâm mới có thể biến sự tin tưởng lẫn nhau thành hiện thực.

Cũng chỉ theo chiều hướng này mà các bất công xã hội mới được giải quyết. Phân biệt chủng tộc được nuôi dưỡng bởi những nỗi sợ hãi phi lý, tỷ như sợ mất đặc quyền đặc lợi, địa vị xã hội, sợ các cuộc hôn nhân dị chủng và thích nghi với các hoàn cảnh mới. Người da trắng đã trải qua nhiều đêm mất ngủ, nhiều ngày không nghỉ ngơi để tìm cách chống lại các nỗi sợ hãi đang gặm nhấm họ. Một số người theo chính sách đà điểu, không dám nhìn thẳng vào vấn đề, không muốn biết đến vấn đề quan hệ chủng tộc và hậu quả của nó. Một số người khác tin tưởng rằng họ có thể vận dụng luật lệ và chủ trương huy động dân chúng chống lại các vấn đề chủng tộc. Một số người khác nữa nuôi hy vọng xóa tan sợ hãi bằng cách vô cớ tấn công và tiêu diệt người anh em da đen. Các phương thế này quả thật không có hiệu quả! Thay vì xóa bỏ sợ hãi, chúng chỉ làm sợ hãi tăng thêm, đến mức bệnh hoạn. Trốn tránh vấn đề, chống đối kịch liệt, sử dụng vũ lực, tất cả không thể xóa bỏ sợ hãi. Chỉ có tình yêu và thành tâm mới có thể xóa bỏ được sợ hãi mà thôi.

Nếu các người anh em da trắng phải chống lại sợ hãi, thì không chỉ một mình họ quyết tâm thực thi bác ái Kitô giáo mà còn cả các người anh em da đen cũng quyết tâm yêu thương các người anh em da trắng nữa. Sợ hãi trong cộng đồng người da trắng chỉ giảm bớt khi chúng tôi quyết tâm thực thi bác ái và bất bạo động. Một thiểu số người da trắng ý thức được tình trạng tội lỗi

của mình nhưng lại sợ rằng nếu một người da đen lên nắm chính quyền thì sẽ hành động không một chút xót thương để trả thù các bất công mà cộng đồng người da đen đã phải gánh chịu trong nhiều năm tháng. Một người cha không ngừng ngược đãi con mình, bỗng nhận thấy đứa con giờ đây lớn mạnh hơn mình nhiều; thử hỏi đứa con sẽ dùng sức mạnh mới có được để đánh đập cha mình chăng?

Trước đây, người da đen là đứa con nghèo khổ, nhưng bây giờ đã trở thành lớn mạnh về mặt chính trị, văn hóa và kinh tế. Nhiều người da trắng sợ sẽ bị trả thù. Người da đen phải để cho họ thấy rằng họ không có gì phải sợ, vì cộng đồng người da đen chỉ muốn tha thứ và quên đi quá khứ. Người da đen phải thuyết phục người da trắng rằng mình đang tìm kiếm công lý cho bản thân cũng như cho người da trắng. Một phong trào cộng đồng người da đen quyết tâm thực thi bác ái và bất bạo động, đồng thời biểu dương sức mạnh một cách có kỷ luật, sẽ cho cộng đồng người da trắng thấy rằng nếu một phong trào như thế có chiếm được quyền lực, thì sẽ sử dụng quyền lực để xây dựng thay vì để trả thù.

Vậy đâu là phương thuốc chữa lành nỗi sợ hãi đối với sự hòa hợp chủng tộc? Chúng tôi biết phương thuốc ấy. Và Thiên Chúa giúp chúng tôi sử dụng phương thuốc ấy sao cho có hiệu quả. Tình yêu loại trừ sợ hãi.

Chân lý này không phải không liên quan đến các nỗi lo âu của mỗi người chúng ta. Chúng ta sợ người khác trổi vượt hơn mình còn mình thì phải thua kém. Sợ những người mà chúng ta coi trọng ý kiến lại chê bai khiển trách chúng ta. Đố kỵ, ghen ghét, thiếu tự tin, bất an, tự ti, tất cả đều phát sinh từ sợ hãi. Không phải vì ganh tỵ với người khác trước, rồi, sau đó, chúng ta sợ họ; nhưng chính vì chúng ta sợ họ trước và, chỉ sau đó, chúng ta mới ganh tị với họ. Có phương thuốc nào có thể chữa lành nỗi sợ hãi đang làm ô nhiễm cuộc sống chúng ta không? Thưa rằng có. Đó là dấn thân thực thi bác ái. "Tình yêu loại trừ sợ hãi".

Hận thù làm cuộc sống thêm tê liệt; tình yêu làm cuộc sống thêm hài hòa. Hận thù làm cuộc sống thêm ảm đạm; tình yêu làm cuộc sống thêm tươi sáng.

IV. Thứ tư, đức tin thắng sợ hãi. Bình thường, sợ hãi phát sinh từ ý nghĩ cho rằng chúng ta có trong tay các phương tiện yếu kém và, vì thế, không có đủ khí giới cần thiết để chiến đấu trong cuộc sống. Có quá nhiều người cố gắng đối phó với các căng thẳng của cuộc sống với các phương tiện tinh thần yếu kém. Trong kỳ nghỉ hè tại Mêhicô, vợ chồng tôi có ý định ra khơi câu cá. Vì muốn tiết kiệm tiền bạc, chúng tôi đã thuê một con thuyền cũ kỹ, thiếu phương tiện, và xem đó là điều không mấy quan trọng. Cho đến lúc ở giữa biển khơi, cách bờ chừng mười hải lý, mây kéo đến, cuồng phong nổi lên, chúng tôi bắt đầu sợ, vì biết rằng con thuyền không có đủ phương tiện chống lại dông tố. Cũng có nhiều người lâm vào những hoàn cảnh tương tự

như vậy. Dông tố dữ dội, con thuyền yếu kém, đó là nguyên nhân vì sao họ sợ hãi.

Khoa tâm học góp phần chữa trị những sợ hãi bất thường của chúng ta. Đây là một đóng góp lớn của Sigmund Freud. Phân tâm học xem xét các hành động xuất phát từ tiềm thức của con người và cố gắng khám phá để biết tại sao và bằng cách nào các năng lực căn bản của con người lại đi theo những con đường dẫn tới tâm bệnh. Phân tâm học giúp chúng ta quan sát nghiêm túc cái tôi nội tâm của chúng ta và khám phá ra những nguyên nhân làm phát sinh yếu kém và sợ hãi. Nhưng nhiều vấn đề thuộc loại này lại liên quan đến một lãnh vực mà sự giúp đỡ của các nhà phân tâm lại tỏ ra vô hiệu, trừ khi họ là những người có một đức tin tôn giáo mãnh liệt. Thật vậy, khó khăn của chúng ta phát sinh từ cố gắng muốn đối phó với sợ hãi mà không cậy dựa vào đức tin. Chúng ta đương đầu với những sóng gió của cuộc đời với những con tàu trang bị thiếu thốn về mặt tinh thần. Một trong số các bác sĩ và các nhà phân tâm học lỗi lạc tại nước Mỹ đã nói: "Phương thuốc duy nhất mà chúng ta biết được để chữa trị sợ hãi, đó là đức tin".

Một đức tin tôn giáo tích cực sẽ không làm chúng ta ảo tưởng rằng chúng ta sẽ không phải chịu nhọc nhằn, đau khổ, rằng mọi việc sẽ luôn tiến hành thuận lợi, dễ dàng. Trái lại, một đức tin như vậy làm cho chúng ta có được một sự quân bình nội tâm để đối phó với các căng thẳng, các gánh nặng và các nỗi sợ hãi không thể tránh được, đồng thời bảo đảm rằng vũ trụ này đáng chúng ta tin tưởng và Thiên Chúa luôn quan tâm đến nó.

Còn vô tín ngưỡng lại muốn chúng ta nghĩ rằng mình chỉ là những đứa trẻ mồ côi mất hút trong vũ trụ không cùng đích, không hiểu biết. Một viễn ảnh như thế chỉ có thể triệt tiêu lòng can đảm, xói mòn các năng lực của con người. Trong cuốn Tự Truyện, Tolstoi đã viết như sau về nỗi cô đơn trống vắng trước ngày ông trở lại:

"Trong cuộc đời tôi, có một giai đoạn trong đó mọi sự hình như hoàn toàn sụp đổ. Nền tảng của các xác tín bắt đầu rạn nứt và tôi cảm thấy mình tan vỡ thành từng mảnh. Trong cuộc đời tôi, không có một ảnh hưởng nào thuận lợi, không có Thiên Chúa. Vì thế, mỗi tối, trước khi đi ngủ, tôi phải xem có sợi dây thừng nào không, kẻo đang đêm tôi có thể treo cổ lên xà nhà. Tôi cũng không còn đi săn bắn nữa. Sợ rằng tôi có thể mau chóng kết thúc cuộc đời cùng cực của tôi."

Cũng như bao người khác, vào giai đoạn này của cuộc đời, Tolstoi thiếu một sự nâng đỡ xuất phát từ niềm xác tín rằng vũ trụ này được hướng dẫn bởi một Đấng Nhân Ái mà tình yêu rộng lớn ôm ấp toàn thể nhân loại vào lòng mình.

Tôn giáo làm chúng ta xác tín rằng chúng ta không đơn độc trong vũ trụ vô biên và bấp bênh này. Bên dưới và bên trên các đụn cát không ngừng chuyển động của thời gian, các bấp bênh làm cho ngày thêm đen tối, các thăng trầm làm cho đêm thêm mịt mù, bên trên và bên dưới các điều đó, có

một Thiên Chúa khôn ngoan và yêu thương. Thế giới này không phải là biểu hiện bi thảm của hỗn mang vô nghĩa, nhưng là vận hành kỳ diệu của một vũ trụ có tổ chức. "Thiên Chúa dùng khôn ngoan đặt nền cho trái đất, dùng hiểu biết thiết lập các tầng trời" (Cn 3,9). Con người không phải là một làn khói bốc lên từ một đống lửa âm ỉ, nhưng là một người con được Thiên Chúa tạo dựng "không thua kém thần linh là mấy" (Tv 8,6). Trên cả thời gian, có Thiên Chúa Độc Nhất Vĩnh Cửu, Đấng dùng sự khôn ngoan mà hướng dẫn, sức mạnh mà bảo vệ và tình yêu mà gìn giữ chúng ta. Tình yêu bao la của Người chứa đựng và nâng đỡ mỗi người chúng ta như biển cả chứa đựng và nâng đỡ mỗi giọt nước nơi mỗi đợt sóng dâng cao. Với tình yêu đầy tràn, Thiên Chúa luôn đến với chúng ta và sẵn sàng ban cho chúng ta vô vàn ân huệ trong mỗi thăng trầm của cuộc sống. Ai tìm được sự nâng đỡ như vậy, thì có thể vững tâm tiến tới trên các nẻo đường của cuộc sống mà không phải gánh chịu nhọc nhằn vì quá bi quan hay sợ hãi.

Tôn giáo cũng cho chúng ta câu trả lời đối với nỗi sợ hãi đang dằn vặt biết bao người. Chúng ta hãy mạnh dạn đối phó với nỗi sợ hãi do bom nguyên tử gây nên, với niềm tin tưởng rằng chúng ta không bao giờ vượt ra ngoài vòng tay yêu thương của Thiên Chúa. Chết là điều không thể tránh được đối với mọi người: vua chúa cũng chết như người hành khất, người trẻ cũng như người già, người thông thái cũng như người dốt nát. Chúng ta không có gì phải sợ trước cái chết. Từ tinh vân ban đầu, Thiên Chúa đã cho xuất hiện hành tinh chúng ta và, qua các thế kỷ, hướng dẫn hành trình của con người, thì chắc chắn Thiên Chúa cũng dẫn đưa chúng ta từ đêm tối của cái chết đến bình minh xán lạn của cuộc sống vĩnh cửu. Ý muốn của Thiên Chúa thì quá hoàn hảo; ý định của Thiên Chúa thì quá rộng lớn để có thể thu hẹp trong thời gian và trong các ranh giới của địa cầu. Cái chết không phải là tai họa tột đỉnh. Tai họa tột đỉnh là tách mình ra khỏi tình yêu Thiên Chúa. Chúng ta đừng đua nhau tìm kiếm những an toàn nơi các hầm trú ẩn. Chỉ một mình Thiên Chúa là nơi trú ẩn an toàn nhất cho chúng ta.

Đức Giêsu biết rằng không có gì tách con người ra khỏi tình yêu Thiên Chúa. Chúng ta hãy nghe Người nói:

"Anh em đừng sợ người ta. Thật ra, không có gì che giấu mà sẽ không được tỏ lộ,... Anh em đừng sợ những kẻ giết thân xác mà không giết được linh hồn. Đúng hơn, anh em hãy sợ Đấng có thể tiêu diệt cả hồn lẫn xác trong hỏa ngục. Hai con chim sẻ chỉ bán được một đồng xu phải không? Thế mà không một con nào rơi xuống đất ngoài ý của Cha anh em. Thì đối với anh em cũng vậy, ngay đến tóc trên đầu anh em, Người cũng đếm cả rồi. Vậy anh em đừng sợ, anh em còn quý giá hơn muôn vàn chim sẻ". (Mt 10,26.28-31).

Đối với Đức Giêsu, con người không phải là con tàu bỏ đi, trôi dạt trên dòng đời. Con người là con của Thiên Chúa. Đấng Tạo Hóa đã quan tâm đến chim trên trời, tóc trên đầu chúng ta, thế thì có phải là phi lý không khi cho rằng Thiên Chúa sẽ đưa cuộc sống con người xa tình yêu bao la của Người?

Vững tin rằng Thiên Chúa quan tâm đến mỗi người chúng ta sẽ là một trợ lực lớn lao trước các nỗi sợ hãi bệnh hoạn của chúng ta. Vững tin như vậy giúp chúng ta ý thức được giá trị của mình trong vũ trụ mà chúng ta là một thành phần và trong đó chúng ta có một ngôi nhà để sinh sống.

Trong phong trào tẩy chay xe búyt tại Montgomery, bang Alabana, một trong số những người tham gia hăng say nhất lại là một phụ nữ da đen, già cả, mà chúng tôi thường gọi một cách thân thương với cái tên là "Má Pollard". Má rất nghèo, không được học hành, nhưng rất thông minh và am hiểu tận tường ý nghĩa của phong trào đấu tranh do người da đen khởi xướng. Sau nhiều tuần lễ Má phải đi bộ, người ta hỏi Má có mệt mỏi không. Má trả lời: "Chân thì có (mệt), nhưng tinh thần thì không".

Tôi bị bắt giữ và nhận được nhiều cú điện thoại đe dọa mạng sống trong một tuần đấu tranh gay go căng thẳng. Vào chiều Thứ Hai sau đó, tôi ngỏ lời với dân chúng tại một buổi họp. Tôi cố gắng tỏ ra bình tĩnh, can đảm, nhưng thực sự tôi rất mệt mỏi và sợ hãi. Sau buổi họp, Má Pollard đứng đợi tôi trước cửa nhà thờ và nói: "Lại đây con". Tôi bước tới và ôm Má vào lòng. Má hỏi: "Có cái gì không ổn phải không? Chiều nay con giảng nghe sao đó!" Tôi cố ý trấn tỉnh và trả lời: "Thưa Má, không. Mọi sự đều ổn cả mà!" Nhưng Má nhìn tôi và nói: "Đừng dối Má nghe. Má biết có chuyện không ổn. Có phải là mọi người đã không làm như ý con? Hay đám da trắng đang gây rắùc rối?". Không đợi tôi trả lời, Má nhìn thẳng vào đôi mắt tôi và nói: "Má biết là không phải mọi người đều ủng hộ con". Lúc ấy khuôn mặt Má trở nên rạng rỡ và Má bình tĩnh, tự tin nói với tôi: "Cho dù mọi người không ủng hộ con, thì Thiên Chúa sẽ ủng hộ con".

Kể từ cái đêm buồn thảm năm 1956 ấy, Má Pollard đã vào Nước Trời, nơi rạng ngời vinh quang Thiên Chúa. Còn tôi, không ngày nào tôi được yên ổn: ngày cũng như đêm, gian truân khốn khó đeo bám tôi, nghiền nát tôi, thể xác cũng như tinh thần. Tôi đã phải cố gắng tập trung hết sức mình để đối phó với dông tố do kẻ thù gây nên. Nhưng, năm tháng trôi qua, lời nói đơn sơ và đầy thuyết phục của Má Pollard luôn đem lại cho tôi ánh sáng và bình an, luôn giúp tôi đi đúng hướng. "Thiên Chúa sẽ ủng hộ con".

Đức tin biến cuồng phong thành gió mát, thất vọng thành hy vọng. Thế hệ trước đây, trên tường nhà của các người sùng đạo, người ta đọc được khẩu hiệu sau đây:

Sợ hãi gõ cửa,
Đức Tin mở cửa:chẳng thấy ai hết!

Một khẩu hiệu đáng được ghi khắc vào tâm trí chúng ta vậy.

TRẢ LỜI MỘT CÂU HỎI GÂY NHIỀU BỐI RỐI

"Tại sao chúng con đây lại không trừ nổi tên quỷ này" (Mt 17,19)

Không một vấn đề nào sẽ được giải quyết rốt ráo, nếu chúng ta chỉ thảnh thơi ngồi chờ Thiên Chúa ra tay hành động. Không ai có thể bỏ một thói quen xấu bằng cách quyết tâm suông hay xin Thiên Chúa làm thay cho mình, nhưng họ chỉ có thể làm được điều đó bằng cách vâng phục Thiên Chúa và trở thành khí cụ của Người.

Trải qua các thế kỷ, con người đã kiên trì cố gắng xóa bỏ sự dữ trên mặt đất này. Hiếm khi con người có thể hoàn toàn thích nghi với sự dữ bởi vì, cho dù có cố lý giải, thỏa hiệp, lánh mặt, con người vẫn biết rằng "có" không phải là "có thể có", và điều hiện có không phải là điều có thể có. Mặc dầu gian dâm, ích kỷ, độc ác thường trỗi dậy mãnh liệt trong lòng người, nhưng cũng từ đáy lòng có cái gì đó cho con người biết rằng những điều xấu xa ấy đã len lỏi vào lòng mình, và rằng vận mệnh con người còn cao trọng hơn, điều an ủi con người còn thanh cao hơn. Con người thường bị lôi cuốn hướng về điều xấu xa, nhưng lại luôn bị đánh động bởi ước muốn điều tốt lành. Tuy tìm cách thích nghi với thời gian, con người vẫn biết rằng vĩnh cửu mới thật là ngôi nhà cuối cùng của mình. Một khi quay về với lòng mình, con người biết rằng sự dữ chỉ là một vị khách không mời mà đến và cần phải được tống khứ ra khỏi lòng mình, nếu con người muốn đạt tới phẩm tước tinh thần và đạo lý.

Nhưng vấn đề luôn làm con người phải bối rối là không thể thắng được sự dữ với sức riêng của mình. Con người ngạc nhiên tự hỏi: "Tại sao tôi không thể khử trừ sự dữ? Tại sao tôi không thể xua đuổi sự dữ ra khỏi cuộc sống?

Câu hỏi này làm chúng ta lo âu, bối rối, đồng thời nhắc chúng ta nhớ lại sự kiện xảy ra sau khi Đức Giêsu hiển dung. Từ trên núi đi xuống, Người gặp một đứa trẻ bị kinh phong. Các môn đệ đã cố gắng chữa em nhưng không được. Các ông càng cố gắng thì càng ý thức rằng mình bất lực và quyền năng của mình cũng có giới hạn. Thất vọng, các môn đệ muốn bỏ cuộc. Chính vào thời điểm này, Đức Giêsu đến với các ông. Cha đứa trẻ kể cho Người nghe chuyện các môn đệ đã không thể chữa con ông. Đức Giêsu liền "quát mắng tên quỷ, quỷ liền xuất và đứa trẻ được khỏi ngay từ giờ đó". Sau đó, các môn đệ hỏi riêng Đức Giêsu rằng: "Tại sao chúng con đây lại không trừ nổi tên quỷ ấy?". Các ông muốn Đức Giêsu giải thích cho biết tại sao họ lại không thể làm được chuyện ấy. Người nói cho họ biết là vì họ thiếu lòng tin: "Nếu anh em có lòng tin bằng hạt cải thôi, thì dù anh em có bảo núi này: 'Rời khỏi đây, qua bên kia,' nó cũng sẽ qua, và sẽ chẳng có gì mà anh em không thể làm được". Họ đã cố gắng thực hiện điều mà họ chỉ thực hiện được sau khi từ bỏ mình và tin vào Thiên Chúa, đồng thời lòng tin của họ phải đạt tới một mức độ để sức mạnh của Thiên Chúa có thể nhờ họ mà đến được với người khác một cách dễ dàng.

I. Làm thế nào để khử trừ sự dữ? Con người thường đi theo hai con đường để xóa bỏ sự dữ và, nhờ vậy, giải thoát thế giới.

Con đường thứ nhất mời gọi con người xóa bỏ sự dữ bằng sức lực của chính mình. Con người xác tín một cách kỳ quái và ngây thơ rằng nhờ suy tư, phát minh, hoàn bị guồng máy cầm quyền mà cuối cùng sức mạnh sự dữ sẽ bị đánh bại. Hãy cho mỗi người một cơ may hưởng một nền giáo dục thật tốt và sẽ tự cứu được mình. Cách suy nghĩ này lan rộng như một chứng bệnh truyền nhiễm trong thế giới ngày nay, đồng thời hạ thấp Thiên Chúa, đề cao con người và thay thế sự điều khiển khôn ngoan của Thiên Chúa bằng sự vụng về của con người. Một số người nghĩ rằng quan niệm này xuất phát từ thời Phục Hưng, khi lý trí truất phế tôn giáo, hoặc, sau này, khi "Nguồn gốc các loài" của Darwin thay thế niềm tin vào công cuộc tạo dựng bằng thuyết tiến hóa, hoặc khi cuộc cách mạng công nghiệp hướng con người đến hưởng thụ và sống thoải mái. Dẫu sao ý nghĩ cho rằng con người có khả năng xóa bỏ các tai họa trong dòng lịch sử cũng là một ý tưởng có từ lâu và làm phát sinh tính lạc quan ngây ngô trong thế kỷ XIX, quan niệm về một tiến trình tiến bộ không thể tránh được, chủ trương của Rousseau về tính bản thiện nguyên thủy của con người, hay xác tín của Condorcet cho rằng chỉ có lý trí mới đưa thế giới này thoát khỏi sự ác, nghèo khổ, chiến tranh.

Với niềm xác tín mãnh liệt vào các khả năng của lý trí và khoa học, con người bắt tay vào việc biến đổi thế giới. Con người không còn quan tâm đến Thiên Chúa, đến đời sống nội tâm, để tập trung chú ý đến thế giới bên ngoài và các khả năng của nó. Con người quan sát, phân tích, nghiên cứu. Phòng thí nghiệm trở thành thánh đường, các nhà khoa học đóng vai trò các tư tế và ngôn sứ. Một nhà nhân văn tin tưởng khẳng định:

"Tương lai không thuộc về các thánh đường nhưng về các phòng thí nghiệm, không thuộc về lòng đạo đức nhưng về tính hiệu năng. Cuối cùng, con người ý thức được rằng mình chính là người duy nhất chịu trách nhiệm về việc xây dựng thế giới như mình ước mơ, đồng thời là người có đủ mọi khả năng cần thiết để thành công trong việc biến ước mơ thành hiện thực".

Con người đã đưa thiên nhiên ra trước tòa án khi tiến hành nghiên cứu khoa học. Không một ai nghi ngờ rằng công việc nghiên cứu trong các phòng thí nghiệm đã tăng thêm một cách đáng kể sức mạnh, tiện nghi, đã đưa con người lên tận tầng mây và vượt qua biển cả với vẻ uy nghi oai vệ.

Thế nhưng, cho dầu khoa học có thành công vượt bậc, thì các tai họa vẫn còn đó, và thời đại của lý trí lại trở thành thời đại của kinh hoàng. Ích kỷ và hận thù vẫn không bị xóa sổ với việc phát triển hệ thống giáo dục và luật pháp. Một thế hệ trước đây tràn trề lạc quan thì nay lại bối rối tự hỏi: "Tại sao chúng con lại không trừ nổi tên quỷ này?"

Câu trả lời quả là đơn giản: tự sức mình, con người không bao giờ có thể xóa bỏ được sự dữ khỏi mặt đất. Niềm hy vọng của các nhà nhân văn chỉ là một ảo tưởng phát sinh từ sự lạc quan quá đáng khi tin rằng con người nguyên thủy vốn tốt.

Tôi sẽ là người cuối cùng lên án hàng vạn người, tuy không phải là tín hữu thuộc các Giáo Hội, nhưng vẫn nhiệt tình tham gia các phong trào bảo vệ con người và xóa bỏ các tệ nạn xã hội trên thế giới. Thật tình mà nói, tôi quý trọng các nhà nhân văn có trách nhiệm hơn một Kitô hữu vô trách nhiệm. Nhưng trong số hàng vạn con người hăng say tìm kiếm một sự cứu độ cho con người ngay trong thế giới này, thì đã có biết bao con người vỡ mộng, trở thành bi quan đến độ không sao hiểu nổi. Lý do là vì các cố gắng của họ được đặt nền tảng trên một thứ ảo tưởng không am hiểu tận tường các yếu tố căn bản của bản tính con người phải chết.

Tôi cũng không muốn coi thường tầm quan trọng của khoa học và tất cả những gì thời Phục Hưng đã đưa chúng ta ra khỏi vũng lầy là mê tín dị đoan và chân lý nửa vời, đến núi cao chan hòa ánh sáng là phân tích có tính cách xây dựng và phê phán khách quan. Uy tín của Giáo Hội là điều không thể chối cãi được. Nhưng liên quan đến các vấn đề thuộc lãnh vực khoa học, Giáo Hội cần loại bỏ những gì làm tê liệt sức khai phá, các quan niệm lỗi thời, các lời lên án đáng hổ thẹn. Thời Phục Hưng đã cố gắng giải phóng trí tuệ con người, nhưng đã tỏ ra lạc quan thái quá khi quên rằng con người có thể phạm tội.

II. Con đường thứ hai mời gọi con người xóa bỏ sự dữ bằng cách vâng phục và chờ đợi Thiên Chúa giải thoát thế giới này khỏi sự dữ vào thời điểm Người muốn. Ý tưởng này phát xuất từ một quan niệm bi quan về bản tính con người: con người tội lỗi không còn có khả năng làm được điều gì tốt lành nữa. Ý tưởng này được đề cao vào Thời Cải Cách. Đây là một phong trào cải cách rộng lớn, phát huy sự tự do con người trong đời sống tinh thần và thiêng liêng và, nhờ vậy, giúp Giáo Hội thời Trung Cổ ra khỏi tình trạng thoái hóa và bất động. Sự công chính hóa nhờ đức tin, chức vụ tư tế phổ quát của người tín hữu, đó là những nguyên tắc căn bản các người Tin Lành chúng ta phải luôn tuyên xưng. Nhưng Giáo Hội Cải Cách đã quá nhấn mạnh đến sự hư hỏng của con người. Thời Phục Hưng đã tỏ ra quá lạc quan; còn thời Cải Cách lại quá bi quan. Thời Phục Hưng coi trọng tính tốt của con người đến nỗi quên đi xu hướng thiên về điều xấu; còn thời Cải Cách nhấn mạnh đến sự yếu đuối của con người đến nỗi bỏ qua khả năng làm điều tốt. Thời Cải Cách đã làm đúng khi nhấn mạnh con người là con người tội lỗi không thể tự cứu mình, nhưng đã làm sai khi khẳng định rằng hình ảnh Thiên Chúa nơi con người đã bị hoàn toàn hủy diệt.

Điều này đã dẫn đến quan niệm của Calvin, theo đó, con người là "con người-hoàn-toàn-hư-hỏng", đồng thời cũng làm trỗi dậy quan niệm về hình phạt các trẻ em phải chịu trong hỏa ngục. Con người hoàn toàn hư hỏng đến nỗi một trẻ em chết khi chưa được rửa tội thì phải "sa hỏa ngục đời đời". Tội trạng con người đã được nhấn mạnh một cách quá đáng.

Nền thần học không quân bình của thời Cải Cách về sự hư hỏng toàn diện của con người thường nhấn mạnh đến "một tôn giáo hướng tới đời sống mai sau". Vì không tìm được một hy vọng nào trong thế giới hiện tại, cá nhân

mỗi người được mời gọi tập trung cố gắng chuẩn bị "phần hồn". Không xem cải cách xã hội là cần thiết, tôn giáo xa rời dòng chảy mãnh liệt của cuộc sống. Có ban lãnh đạo giáo hội nghĩ rằng họ hành động đúng khi chỉ đạo một thừa tác viên: "Phải rao giảng Phúc Âm tinh tuyền và không đề cập đến các vấn đề xã hội". Kết quả là Giáo Hội không còn có khả năng thích ứng với các hoàn cảnh xã hội và, trong các buổi họp, các tín hữu chỉ còn nghe lặp lại các lời khuyên vô bổ, nhàm chán.

Vì không coi trọng việc Tin Mừng có liên quan đến con người toàn diện, phần xác cũng như phần hồn, cách thức giảng dạy mất quân bình này chỉ có thể dẫn đến một sự phân chia bi thảm nơi con người. Để xứng đáng với nguồn gốc của mình như được trình bày trong Tân Ước, Giáo Hội phải cố gắng biến đổi đời sống cá nhân mỗi người, cũng như thay đổi các cơ cấu xã hội đang làm cho biết bao người phải sống trong lo âu, sợ hãi, trong cảnh nô lệ bạo tàn.

Quan niệm cho rằng con người phải chờ đợi một mình Thiên Chúa ra tay hành động, cũng dẫn đến một hiểu lầm dai dẳng về cầu nguyện. Nếu Thiên Chúa làm hết mọi sự thì con người chỉ còn việc kêu cầu Người và, như vậy, biến Thiên Chúa thành một người đầy tớ mà người ta vẫy gọi mỗi khi cần và vì bất cứ chuyện gì. Thiên Chúa được xem là Đấng Uy Lực vô song, còn con người thì hoàn toàn bất lực đến nỗi cầu nguyện thay thế lao động và vận dụng trí tuệ. Có người nói: "Tôi tin vào sự hòa hợp chủng tộc, nhưng chỉ có sự hòa hợp chủng tộc nếu Thiên Chúa muốn. Vậy, các người da đen hãy chấm dứt đấu tranh và bắt đầu cầu nguyện". Tôi xác tín rằng chúng ta phải cầu xin Thiên Chúa giúp đỡ, hướng dẫn trong cuộc đấu tranh cho hòa hợp chủng tộc, nhưng chúng ta sẽ sai lầm trầm trọng khi nghĩ rằng chiến thắng sẽ đến với chúng ta chỉ bằng lời cầu nguyện mà thôi. Thiên Chúa ban cho chúng ta trí tuệ để suy nghĩ, thân xác để lao động. Chẳng lẽ Thiên Chúa lại hành động trái với ý định của Người khi nghe lời cầu xin và ban cho chúng ta điều mà đáng lẽ chúng ta có thể có được nhờ lao động và vận dụng trí tuệ? Cầu nguyện là một điều bổ sung kỳ diệu và cần thiết cho các cố gắng yếu kém của chúng ta, nhưng cũng là một điều bổ sung nguy hiểm. Khi ông Môsê dẫn dân Israel đến Đất Hứa, Thiên Chúa đã cho thấy cách rõ ràng Người không làm thay họ những gì họ có thể tự mình làm được. "Đức Chúa phán với ông Môsê: 'Có gì mà phải kêu cứu Ta? Hãy bảo con cái Israel cứ nhổ trại lên đường!'" (Xh 14,15).

Chúng ta phải tích cực cầu nguyện cho hòa bình nhưng cũng phải nỗ lực hoạt động cho cuộc giải trừ quân bị và chấm dứt thí nghiệm hạt nhân. Chúng ta phải vận dụng trí tuệ đề ra các chương trình để thiết lập hòa bình tương tự như để cầm quân xung trận. Chúng ta phải không ngừng cầu nguyện cho công bằng chủng tộc, nhưng cũng phải có những chương trình hành động bất bạo động trong quần chúng, đồng thời vận dụng tối đa các khả năng xác hồn chúng ta để chấm dứt bất công. Chúng ta phải không ngừng cầu nguyện cho công bằng xã hội, nhưng cũng phải tích cực hoạt

động để biến đổi xã hội hầu có được một sự phân phối tốt hơn các của cải tại quốc gia chúng ta cũng như tại các quốc gia chậm phát triển trên thế giới.

Những điều này đã chẳng cho thấy rằng thật là sai lầm khi nghĩ rằng Thiên Chúa sẽ xóa bỏ sự dữ khỏi mặt đất, trong khi con người ngồi nghỉ thảnh thơi bên vệ đường đó sao? Sẽ không bao giờ có một tia chớp từ trời xuống tiêu diệt sự dữ. Sẽ không bao giờ có một đạo binh thiên thần từ trời xuống buộc con người làm điều họ từ chối làm. Sách Thánh không mô tả Thiên Chúa như một ông hoàng quyền năng quyết định mọi sự liên quan đến thần dân, hay như một vị chúa tể càn khôn xâm nhập vào đời sống nội tâm con người bằng những phương tiện thô bạo. Trái lại, Sách Thánh mô tả Thiên Chúa như một người cha giàu lòng thương xót, luôn sẵn sàng ban phúc lộc tràn đầy cho con cái, nếu chúng muốn đón nhận. Con người luôn phải làm một cái gì đó. Thiên Chúa nói với ngôn sứ Êđêkien: "Hỡi con người, hãy đứng cho vững, Ta sắp nói với ngươi đây" (Ed 2,1). Con người không phải là một vật tàn phế vô phương cứu chữa, bị vứt bỏ trong thung lũng là sự hư hỏng toàn diện, cho đến ngày Thiên Chúa ra tay cứu vớt. Trái lại, con người là vật mạnh khỏe, có điều là thị lực thì yếu kém vì cái màng là tội lỗi làm đục thủy tinh thể; tâm hồn thì vẩn đục vì con vi khuẩn là tính kiêu ngạo làm tổn thương. Nhưng con người vẫn còn có thể nhìn đủ xa để hướng đôi mắt tới đỉnh núi cao, và hình ảnh Thiên Chúa vẫn còn đủ đậm để, trong cuộc sống yếu hèn và tội lỗi, con người biết tìm đến với vị Đại Lương Y chữa lành các vết thương do tội lỗi gây nên.

Quan niệm Thiên Chúa làm hết mọi sự đích thực là một sai lầm trầm trọng về Thiên Chúa cũng như về con người. Quyền năng của Thiên Chúa được xem là tuyệt đối đến nỗi con người không còn là gì và có gì nữa. Sự hư hỏng của con người cũng được xem là tuyệt đối đến nỗi không làm được điều gì mà không cậy nhờ Thiên Chúa. Thế giới cũng bị làm hư hỏng đến nỗi Thiên Chúa hoàn toàn ở trên thế giới và chỉ đến với thế giới vào một thời điểm và tại một địa điểm nhất định nào đó. Một quan niệm như thế biến Thiên Chúa thành một bạo chúa thay vì là một người cha, và, cuối cùng, dẫn đến một cái nhìn bi quan về bản tính con người, đến nỗi con người chỉ là một ấu trùng sống trong vũng lầy ô nhiễm là thế giới xấu xa tội lỗi này. Nhưng con người không phải là "con người-hoàn-toàn-hư-hỏng" và Thiên Chúa cũng không phải là "chúa tể bạo tàn". Chúng ta phải tuyên xưng Thiên Chúa là Đấng Toàn Năng, Oai Phong, nhưng không phải vì thế mà tin rằng Thiên Chúa là một bạo chúa chỉ biết áp đặt ý muốn của mình, đồng thời tước đoạt quyền tự do của con người trong việc lựa chọn điều tốt điều xấu. Thiên Chúa không muốn áp đặt ý muốn của Người trên chúng ta, cũng không buộc chúng ta phải ngồi yên khi chúng ta muốn đi đến một nơi nào đó có thể làm phẩm giá chúng ta bị tổn thương. Nhưng Thiên Chúa đi theo chúng ta. Và khi chúng ta hồi tâm, lê đôi chân mệt mỏi trở về Nhà Cha, thì Thiên Chúa có mặt để đợi chúng ta, mở rộng đôi tay để ôm chúng ta vào lòng và tha thứ cho chúng ta.

Chúng ta đừng bao giờ nghĩ rằng Thiên Chúa sẽ ra tay trừ khử sự dữ khỏi thế giới này bằng một phép lạ phi thường. Bao lâu chúng ta còn nghĩ như vậy thì lời cầu nguyện của chúng ta sẽ không được Thiên Chúa chấp nhận, vì chúng ta xin Thiên Chúa làm những điều mà Người không bao giờ muốn làm. Tin rằng Thiên Chúa muốn làm hết mọi sự cho con người thì cũng không thể chấp nhận được như tin rằng con người có thể tự sức mình làm hết mọi sự. Trong cả hai trường hợp, đó chính là thiếu lòng tin. Chúng ta phải học để biết rằng chờ đợi mọi sự từ Thiên Chúa trong khi chúng ta không làm gì hết, thì đó không phải là lòng tin mà là mê tín dị đoan vậy.

III. Vậy đâu là câu trả lời cho câu hỏi làm chúng ta bối rối: "Làm thế nào để khử trừ sự dữ khỏi đời sống cá nhân cũng như tập thể?". Nếu thế giới không thể được "chữa lành" bởi một mình Thiên Chúa hay bởi một mình con người, thì ai sẽ "chữa lành" thế giới này được?

Câu trả lời phải hoàn toàn khác với hai câu trả lời như được trình bày trên đây. Thiên Chúa cũng như con người không thể một mình lần lượt ra tay cứu độ thế giới, nhưng phải cùng nhau hành động, thống nhất trong ý định nhờ liên kết bởi một tình yêu chan chứa: về phía Thiên Chúa, là trao ban chính mình một cách nhưng không; về phía con người, là vâng phục và đón nhận. Có như vậy, Thiên Chúa và con người có thể biến đổi cái cũ thành cái mới và tiêu diệt tận căn tội lỗi.

Chính lòng tin tạo điều kiện thuận lợi cho Thiên Chúa hành động qua trung gian con người. Các môn đệ đã thiếu lòng tin khi cố gắng một cách vô vọng "trừ tên quyû" và chữa lành đứa trẻ bị kinh phong. Đức Giêsu đã nhắc các ông biết rằng họ đã cố gắng tự mình làm điều mà họ chỉ có thể làm được nếu sẵn sàng rộng mở lòng trí đón nhận sức mạnh của Thiên Chúa.

Trong Sách Thánh, có hai dạng lòng tin được đề nghị một cách rõ ràng. Dạng thứ nhất là lòng tin dựa vào trí tuệ, dẫn đến việc con người chấp nhận Thiên Chúa hiện hữu. Dạng thứ hai là lòng tin dựa vào con tim, có sức lôi cuốn con người toàn diện, dẫn đến việc con người tin tưởng từ bỏ chính mình. Để có thể nhận biết Thiên Chúa, phải có lòng tin này, vì lòng tin dựa vào trí tuệ hướng con người tới một học thuyết, còn lòng tin dựa vào con tim hướng con người tới một Ngôi Vị. Gabriel Marcel nói rằng tin là "tin vào" chứ không phải là "tin rằng"! Tin là tín nhiệm và tự đặt mình dưới sự "sử dụng" của người tôi tin. Tin là mở rộng cõi lòng tới khắp mọi nơi, ở mọi mức độ, để sức mạnh của Thiên Chúa có thể đến được.

Đây chính là điều thánh Phaolô nhấn mạnh khi nói về sự cứu độ nhờ lòng tin. Đối với ngài, lòng tin là khả năng con người chấp nhận để Thiên Chúa giải thoát mình khỏi ách nô lệ tội lỗi, nhờ Đức Kitô. Trong tình thương bao la của Người, Thiên Chúa ban cho chúng ta một cách nhưng không điều chúng ta tự sức mình không thể làm được. Như vậy, chúng ta được cứu độ nhờ lòng tin. Con người đầy tràn Thiên Chúa và Thiên Chúa hành động nhờ

con người, đó là điều đem lại những thay đổi kỳ diệu cho cuộc sống cá nhân cũng như tập thể.

Các tệ đoan xã hội đã giam hãm một số người trong hẻm núi tối tăm, buồn thảm, không có lối thoát, đồng thời cũng đã xô đẩy một số đông người khác xuống vực thẳm và làm họ chỉ còn biết đầu hàng số phận. Các tệ đoan nguy hại này làm tê liệt loài người. Nhưng chúng có thể khử trừ được, nếu loài người biết vâng phục và liên kết với Thiên Chúa. Chiến thắng sẽ đến, nếu ân sủng Thiên Chúa lấp đầy lòng người và con người mở rộng cõi lòng, nhờ tin vào Thiên Chúa, như cửa biển đón nhận nước từ dòng sông đổ vào.

Bây giờ các bạn cho phép tôi áp dụng những điều tôi vừa nói vào đời sống cá nhân chúng ta. Đa số các bạn biết thế nào là chống lại tội lỗi. Năm này qua năm khác, các bạn ý thức được rằng một tội khủng khiếp nào đó đang chiếm ngự nơi mình: nghiện ngập, gian dâm, ngoại tình, ích kỷ,... Năm tháng trôi qua, tật xấu ngày càng thêm mạnh, nhưng các bạn cũng nhận thấy được rằng đây chỉ là một kẻ không mời mà đến. Và có thể các bạn cũng đã tự bảo mình: "Một ngày kia, tôi sẽ trừ được tên quỷ này. Tôi biết nó hành hạ, hủy diệt tôi, tàn phá gia đình tôi". Cuối cùng, các bạn quyết tâm tự mình trừ tên quỷ này, khi lấy một quyết định vào ngày Tết Dương Lịch chẳng hạn. Các bạn cũng đã ngạc nhiên khi nhớ lại mình đã phải bối rối, thất vọng như thế nào, vì, sau ba trăm sáu mươi lăm ngày, các cố gắng tích cực nhất đã không giúp bạn bỏ được tật xấu cố hữu này. Các bạn tự hỏi: "Tại sao tôi không trừ nổi tên quỷ này?"

Thất bại và thất vọng, các bạn quyết định trình bày vấn đề cùng Thiên Chúa. Nhưng thay vì xin Thiên Chúa hành động qua trung gian của mình, các bạn lại nói: "Lạy Chúa, Chúa phải giải quyết vấn đề này cho con, con không còn có thể làm gì được nữa". Nhưng ngày tháng trôi qua, tật xấu vẫn còn đó. Thiên Chúa đã không muốn "trừ tên quyû", vì Người không bao giờ tiêu diệt tội lỗi, khử trừ tật xấu mà không có sự cộng tác tích cực của con người. Không một vấn đề nào sẽ được giải quyết rốt ráo, nếu chúng ta chỉ thảnh thơi ngồi chờ Thiên Chúa ra tay hành động.

Không ai có thể bỏ một thói quen xấu bằng cách quyết tâm suông hay xin Thiên Chúa làm thay cho mình, nhưng họ chỉ có thể làm được điều đó bằng cách vâng phục Thiên Chúa và trở thành khí cụ của Người. Chúng ta sẽ cất được gánh nặng mà sự dữ chồng chất trên đôi vai chúng ta, nếu chúng ta để cho lòng trí được đầy tràn sức mạnh năng động của Thiên Chúa.

Thiên Chúa hứa cộng tác với chúng ta nếu chúng ta khử trừ sự dữ khỏi lòng chúng ta và, nhờ vậy, trở thành những con người sẵn sàng thực thi thánh ý Thiên Chúa. "Phàm ai ở trong Đức Kitô đều là thọ tạo mới. Cái cũ đã qua và cái mới đã có đây rồi" (2Cr 5,17). Nếu một người ở trong Đức Kitô thì là một thọ tạo mới; cái cũ đã qua và con người ấy được đổi mới nhờ sức mạnh của Thiên Chúa và trở thành con cái Thiên Chúa.

Trong Tin Mừng, một trong các điều lạ lùng Đức Kitô đã thực hiện là biến đổi hoàn toàn những đứa con hoang đàng, tuy họ không mang tên gọi này: một Simon vụn vỡ như cát bụi thành một Phêrô vững chắc như Tảng Đá; một Saolô là kẻ bách hại thành một Phaolô là Tông Đồ dân ngoại. Người cũng biến đổi một Âutinh ăn chơi thành thánh Âutinh. Kinh nghiệm của Léon Tolstoi cũng là kinh nghiệm của nhiều người chúng ta:

"Cách đây năm năm, đức tin đến với tôi; tôi tin vào đạo lý Đức Giêsu đã dạy, tức thì, cuộc sống của tôi đã được thay đổi. Điều trước đây tôi muốn, thì tôi không muốn nữa và tôi bắt đầu muốn những điều tôi chưa hề muốn. Điều trước đây tôi cho là đúng thì nay là sai; điều trước đây tôi cho là sai thì nay là đúng;... Cuộc sống, các ước muốn đều hoàn toàn thay đổi. Nghĩa của tốt và xấu cũng thay đổi."

Chúng ta tìm thấy ở đây câu trả lời cho câu hỏi làm chúng ta bối rối: có thể xóa bỏ sự dữ được không? Không, nếu con người hành động một mình, do tự sức mình, hoặc nếu Thiên Chúa áp đặt ý muốn của Người như một Thiên Chúa độc tài chuyên chế. Được, nếu con người mở rộng lòng mình và, nhờ Đức Kitô, mời Thiên Chúa đến, sẵn sàng đón tiếp và để Thiên Chúa đổi mới con người. "Này đây Ta đứng trước cửa mà gõ. Ai nghe tiếng Ta và mở cửa thì Ta sẽ vào nhà người ấy và người ấy sẽ dùng bữa với Ta" (Kh 3,20). Thiên Chúa tỏ ra quá lịch sự để có thể phá cửa mà vào. Nhưng nếu chúng ta tin tưởng mở cửa lòng mình, thì cuộc gặp gỡ giữa Thiên Chúa và con người sẽ đổi mới đời sống bị tội tàn phá và chúng ta sẽ trở thành những con người vui tươi rạng rỡ vậy.

THAY LỜI KẾT

KINH AN BÌNH
(Lời kinh được xem là của thánh Phanxicô)

Lạy Thiên Chúa từ bi nhân hậu,
xin cho con hằng yêu mến Chúa
và phụng sự Chúa trong mọi người.
Xin biến đổi con thành lợi khí
xây dựng bình an Chúa mọi nơi.

Lạy Chúa,
nơi nào có oán ghét hận thù,
xin giúp con xây dựng tình thương.
Nơi nào có khinh khi nhục mạ,
xin giúp con mang lại thứ tha.
Nơi nào có mâu thuẫn bất đồng,
xin giúp con nên người hòa giải.
Nơi nào có giả dối sai lầm,
xin giúp con rao truyền chân lý.
Nơi nào có hoài nghi ngờ vực,
xin giúp con củng cố đức tin.

Nơi nào có nản chí sờn lòng,
xin giúp con gieo niềm hy vọng.
Nơi nào có bóng tối mây mù
,xin giúp con khơi nguồn ánh sáng.
Nơi nào có âu sầu buồn bã,
xin giúp con đem lại an vui.

Lạy Chúa, xin dạy con
tìm an ủi người hơn được người an ủi
tìm hiểu biết người hơn được người hiểu biết
tìm mến yêu người hơn được người mến yêu.
Bởi vì hiến thân chính là nhận lãnh,
từ bỏ mình là gặp lại bản thân,
tha cho người là mình sẽ được tha
cam lòng chết là được sống muôn đời.

Lạy Thánh Thần là nguồn mạch tình yêu,
xin cho con một tâm hồn cởi mở,
và tuôn đổ trên những người thiện chí
ơn Ngài ban tặng là ơn an bình.